CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 06/5/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 06/5/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 06/5/2024: Trước 16h30' ngày 03/5/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 03/5/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Để B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 06/5/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 03/5/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	30L-526.28	Hà Nội	1001	37K-366.68	Nghệ An	2001	37K-379.79	Nghệ An	3001	15K-333.36	Hải Phòng
2	51K-966.88	Hồ Chí Minh	1002	60C-722.22	Đồng Nai	2002	71A-199.99	Bến Tre	3002	30L-515.55	Hà Nội
3	61K-336.68	Bình Dương	1003	79A-529.99	Khánh Hòa	2003	99A-789.89	Bắc Ninh	3003	37K-356.68	Nghệ An
4	15K-335.68	Hải Phòng	1004	14A-925.25	Quảng Ninh	2004	14A-913.13	Quảng Ninh	3004	12A-223.68	Lạng Sơn
5	19A-654.65	Phú Thọ	1005	15K-318.88	Hải Phòng	2005	14A-916.16	Quảng Ninh	3005	12A-236.99	Lạng Sơn
6	19A-666.09	Phú Thọ	1006	15K-319.79	Hải Phòng	2006	14A-923.92	Quảng Ninh	3006	14A-918.18	Quảng Ninh
7	19A-666.79	Phú Thọ	1007	15K-326.99	Hải Phòng	2007	14A-924.92	Quảng Ninh	3007	15K-226.39	Hải Phòng
8	20A-800.88	Thái Nguyên	1008	15K-335.99	Hải Phòng	2008	14C-395.55	Quảng Ninh	3008	15K-310.13	Hải Phòng
9	21C-103.33	Yên Bái	1009	18A-459.59	Nam Định	2009	15K-311.55	Hải Phòng	3009	15K-315.31	Hải Phòng
10	21C-106.06	Yên Bái	1010	18A-464.64	Nam Định	2010	15K-333.98	Hải Phòng	3010	20A-796.68	Thái Nguyên
11	24A-256.56	Lào Cai	1011	19C-246.42	Phú Thọ	2011	19A-666.15	Phú Thọ	3011	20A-798.86	Thái Nguyên
12	24C-157.15	Lào Cai	1012	20C-293.33	Thái Nguyên	2012	22A-252.22	Tuyên Quang	3012	23C-084.84	Hà Giang
13	26A-222.18	Sơn La	1013	22A-253.25	Tuyên Quang	2013	26A-218.68	Sơn La	3013	26A-222.12	Sơn La
14	27C-066.68	Điện Biên	1014	26A-222.03	Sơn La	2014	26A-222.09	Sơn La	3014	26A-222.77	Sơn La
15	29K-218.88	Hà Nội	1015	26A-222.45	Sơn La	2015	26C-149.49	Sơn La	3015	26C-151.15	Sơn La
16	29K-220.02	Hà Nội	1016	26A-222.68	Sơn La	2016	28A-244.99	Hòa Bình	3016	28C-111.66	Hòa Bình
17	30K-832.69	Hà Nội	1017	26C-155.66	Sơn La	2017	28C-111.58	Hòa Bình	3017	28C-115.55	Hòa Bình
18	30L-069.68	Hà Nội	1018	28C-111.22	Hòa Bình	2018	29K-199.44	Hà Nội	3018	29K-202.20	Hà Nội
19	30L-174.99	Hà Nội	1019	30L-528.58	Hà Nội	2019	29K-207.07	Hà Nội	3019	29K-210.01	Hà Nội
20	30L-541.54	Hà Nội	1020	30L-536.99	Hà Nội	2020	29K-209.96	Hà Nội	3020	29K-211.33	Hà Nội
21	30L-546.46	Hà Nội	1021	30L-538.83	Hà Nội	2021	30K-661.36	Hà Nội	3021	30K-664.68	Hà Nội
22	34A-834.83	Hải Dương	1022	30L-539.96	Hà Nội	2022	30K-661.59	Hà Nội	3022	30K-771.71	Hà Nội
23	34A-855.66	Hải Dương	1023	30L-544.11	Hà Nội	2023	30L-498.68	Hà Nội	3023	30L-500.77	Hà Nội
24	34C-406.66	Hải Dương	1024	34A-826.66	Hải Dương	2024	30L-533.11	Hà Nội	3024	30L-503.30	Hà Nội
25	35A-437.37	Ninh Bình	1025	34C-408.89	Hải Dương	2025	30L-536.36	Hà Nội	3025	30L-518.36	Hà Nội
26	35A-438.89	Ninh Bình	1026	35A-436.86	Ninh Bình	2026	34A-822.44	Hải Dương	3026	30L-536.35	Hà Nội
27	35A-444.13	Ninh Bình	1027	35C-173.17	Ninh Bình	2027	34A-843.34	Hải Dương	3027	30L-537.35	Hà Nội
28	36K-090.90	Thanh Hóa	1028	35D-011.66	Ninh Bình	2028	34A-853.33	Hải Dương	3028	34A-829.99	Hải Dương
29	36K-106.86	Thanh Hóa	1029	36K-095.95	Thanh Hóa	2029	36K-084.44	Thanh Hóa	3029	34A-845.54	Hải Dương
30	36K-111.23	Thanh Hóa	1030	36K-111.26	Thanh Hóa	2030	36K-092.92	Thanh Hóa	3030	34C-408.68	Hải Dương
31	36K-126.62	Thanh Hóa	1031	36K-111.66	Thanh Hóa	2031	36K-111.06	Thanh Hóa	3031	35A-441.11	Ninh Bình
32	37C-536.68	Nghệ An	1032	36K-111.78	Thanh Hóa	2032	36K-111.22	Thanh Hóa	3032	36C-500.00	Thanh Hóa
33	37K-355.79	Nghệ An	1033	36K-131.13	Thanh Hóa	2033	37K-361.11	Nghệ An	3033	36C-502.02	Thanh Hóa
34	43A-886.88	Đà Nẵng	1034	36K-133.00	Thanh Hóa	2034	37K-370.73	Nghệ An	3034	36C-504.40	Thanh Hóa
35	43A-888.07	Đà Nẵng	1035	37C-536.63	Nghệ An	2035	37K-372.72	Nghệ An	3035	36C-507.70	Thanh Hóa
36	47A-744.55	Đắk Lắk	1036	37K-344.33	Nghệ An	2036	37K-386.83	Nghệ An	3036	36K-085.58	Thanh Hóa
37	47C-366.33	Đắk Lắk	1037	37K-352.52	Nghệ An	2037	37K-386.99	Nghệ An	3037	36K-096.96	Thanh Hóa
38	51D-999.78	Hồ Chí Minh	1038	37K-355.66	Nghệ An	2038	38A-624.42	Hà Tĩnh	3038	36K-103.03	Thanh Hóa
39	51L-203.99	Hồ Chí Minh	1039	37K-365.55	Nghệ An	2039	38A-634.63	Hà Tĩnh	3039	37K-365.63	Nghệ An
40	51M-007.70	Hồ Chí Minh	1040	37K-376.99	Nghệ An	2040	43A-888.28	Đà Nẵng	3040	37K-376.76	Nghệ An
41	60C-727.72	Đồng Nai	1041	38A-624.24	Hà Tĩnh	2041	43A-888.56	Đà Nẵng	3041	38A-637.37	Hà Tĩnh
42	60K-508.89	Đồng Nai	1042	38A-626.86	Hà Tĩnh	2042	47A-736.86	Đắk Lắk	3042	43A-888.11	Đà Nẵng
43	60K-515.15	Đồng Nai	1043	43A-891.11	Đà Nẵng	2043	47A-737.79	Đắk Lắk	3043	47A-734.73	Đắk Lắk
44	60K-533.88	Đồng Nai	1044	47A-755.44	Đắk Lắk	2044	47A-744.77	Đắk Lắk	3044	47A-742.24	Đắk Lắk
45	60K-539.53	Đồng Nai	1045	49A-699.77	Lâm Đồng	2045	47A-754.75	Đắk Lắk	3045	47C-362.26	Đắk Lắk
46	61C-582.82	Bình Dương	1046	49A-702.20	Lâm Đồng	2046	47A-756.86	Đắk Lắk	3046	51D-999.38	Hồ Chí Minh
47	61K-429.92	Bình Dương	1047	51D-973.79	Hồ Chí Minh	2047	47C-357.75	Đắk Lắk	3047	60C-718.17	Đồng Nai
48	62A-444.04	Long An	1048	51D-999.33	Hồ Chí Minh	2048	49C-367.76	Lâm Đồng	3048	60C-721.27	Đồng Nai
49	62A-444.25	Long An	1049	60C-718.81	Đồng Nai	2049	51L-226.86	Hồ Chí Minh	3049	60K-531.53	Đồng Nai
50	62A-444.56	Long An	1050	60K-500.44	Đồng Nai	2050	61C-583.83	Bình Dương	3050	60K-541.54	Đồng Nai
51	63C-214.41	Tiền Giang	1051	60K-528.88	Đồng Nai	2051	61C-583.85	Bình Dương	3051	60K-544.22	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
52	65C-216.99	Cần Thơ	1052	60K-541.41	Đồng Nai	2052	61K-381.38	Bình Dương	3052	61K-410.00	Bình Dương
53	66A-278.86	Đồng Tháp	1053	61K-415.15	Bình Dương	2053	61K-438.68	Bình Dương	3053	61K-420.00	Bình Dương
54	66A-285.55	Đồng Tháp	1054	61K-417.79	Bình Dương	2054	62A-439.93	Long An	3054	61K-433.77	Bình Dương
55	68A-347.79	Kiên Giang	1055	61K-420.02	Bình Dương	2055	62A-444.05	Long An	3055	62C-197.19	Long An
56	69C-100.00	Cà Mau	1056	61K-428.89	Bình Dương	2056	62A-444.11	Long An	3056	62C-208.80	Long An
57	71C-130.00	Bến Tre	1057	62A-446.86	Long An	2057	62C-196.19	Long An	3057	63A-302.03	Tiền Giang
58	72A-791.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1058	63C-216.66	Tiền Giang	2058	63A-304.40	Tiền Giang	3058	65A-472.27	Cần Thơ
59	72A-793.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1059	64A-176.68	Vĩnh Long	2059	63C-211.33	Tiền Giang	3059	65A-477.55	Cần Thơ
60	73C-176.68	Quảng Bình	1060	65A-468.88	Cần Thơ	2060	65A-465.55	Cần Thơ	3060	65C-221.21	Cần Thơ
61	79A-510.83	Khánh Hòa	1061	67C-183.18	An Giang	2061	65A-469.96	Cần Thơ	3061	67C-178.87	An Giang
62	79A-529.29	Khánh Hòa	1062	70C-208.08	Tây Ninh	2062	65C-222.16	Cần Thơ	3062	68A-322.66	Kiên Giang
63	79A-532.23	Khánh Hòa	1063	70C-209.20	Tây Ninh	2063	65C-222.33	Cần Thơ	3063	71A-197.91	Bến Tre
64	79A-536.68	Khánh Hòa	1064	81A-417.41	Gia Lai	2064	72A-795.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	3064	71A-198.91	Bến Tre
65	79A-536.86	Khánh Hòa	1065	81A-417.71	Gia Lai	2065	72A-804.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	3065	71A-200.22	Bến Tre
66	79C-216.16	Khánh Hòa	1066	81A-418.89	Gia Lai	2066	74A-252.68	Quảng Trị	3066	76A-296.96	Quảng Ngãi
67	84C-120.21	Trà Vinh	1067	81C-262.26	Gia Lai	2067	76A-309.96	Quảng Ngãi	3067	77A-333.77	Bình Định
68	86A-300.30	Bình Thuận	1068	82A-149.49	Kon Tum	2068	77A-333.14	Bình Định	3068	78A-205.05	Phú Yên
69	86C-202.22	Bình Thuận	1069	83A-185.18	Sóc Trăng	2069	77A-333.15	Bình Định	3069	79A-538.35	Khánh Hòa
70	88A-733.11	Vĩnh Phúc	1070	86A-302.30	Bình Thuận	2070	77A-333.79	Bình Định	3070	81C-267.76	Gia Lai
71	89A-481.84	Hưng Yên	1071	88A-732.22	Vĩnh Phúc	2071	78A-203.03	Phú Yên	3071	82A-125.55	Kon Tum
72	89A-483.33	Hưng Yên	1072	88A-740.74	Vĩnh Phúc	2072	79C-219.19	Khánh Hòa	3072	84A-138.68	Trà Vinh
73	89A-488.48	Hưng Yên	1073	89A-481.48	Hưng Yên	2073	81A-422.00	Gia Lai	3073	85A-140.14	Ninh Thuận
74	89C-333.34	Hưng Yên	1074	89C-329.99	Hưng Yên	2074	83A-184.18	Sóc Trăng	3074	88A-733.88	Vĩnh Phúc
75	92B-032.32	Quảng Nam	1075	92A-408.08	Quảng Nam	2075	86C-199.19	Bình Thuận	3075	88A-734.73	Vĩnh Phúc
76	93A-478.88	Bình Phước	1076	92C-242.42	Quảng Nam	2076	86C-200.33	Bình Thuận	3076	88A-738.37	Vĩnh Phúc
77	93C-190.00	Bình Phước	1077	95C-081.81	Hậu Giang	2077	88A-724.44	Vĩnh Phúc	3077	89A-495.95	Hưng Yên
78	94C-079.97	Bạc Liêu	1078	97C-042.42	Bắc Kạn	2078	88A-728.86	Vĩnh Phúc	3078	92A-409.99	Quảng Nam
79	97C-041.11	Bắc Kạn	1079	97D-004.44	Bắc Kạn	2079	98A-766.68	Bắc Giang	3079	92A-410.41	Quảng Nam
80	97C-044.22	Bắc Kạn	1080	98A-774.44	Bắc Giang	2080	98A-777.66	Bắc Giang	3080	92A-415.14	Quảng Nam
81	98A-767.89	Bắc Giang	1081	98A-786.86	Bắc Giang	2081	98A-780.00	Bắc Giang	3081	92C-243.34	Quảng Nam
82	98A-779.77	Bắc Giang	1082	98C-351.15	Bắc Giang	2082	98A-790.79	Bắc Giang	3082	93A-475.57	Bình Phước
83	98A-783.78	Bắc Giang	1083	98C-351.53	Bắc Giang	2083	99A-777.19	Bắc Ninh	3083	93A-477.99	Bình Phước
84	98A-791.19	Bắc Giang	1084	99A-772.77	Bắc Ninh	2084	99A-777.29	Bắc Ninh	3084	93A-482.82	Bình Phước
85	98D-015.15	Bắc Giang	1085	99A-774.77	Bắc Ninh	2085	99A-778.86	Bắc Ninh	3085	95C-081.08	Hậu Giang
86	99A-779.86	Bắc Ninh	1086	99A-777.27	Bắc Ninh	2086	99A-784.84	Bắc Ninh	3086	98A-777.44	Bắc Giang
87	99A-795.59	Bắc Ninh	1087	99A-800.44	Bắc Ninh	2087	99A-794.97	Bắc Ninh	3087	98D-015.01	Bắc Giang
88	99A-796.86	Bắc Ninh	1088	99C-310.01	Bắc Ninh	2088	99A-796.96	Bắc Ninh	3088	99C-316.13	Bắc Ninh
89	30L-493.00	Hà Nội	1089	30L-487.88	Hà Nội	2089	30L-486.62	Hà Nội	3089	30L-486.65	Hà Nội
90	30L-495.36	Hà Nội	1090	30L-488.16	Hà Nội	2090	30L-486.89	Hà Nội	3090	30L-487.62	Hà Nội
91	30L-495.99	Hà Nội	1091	30L-489.65	Hà Nội	2091	30L-488.61	Hà Nội	3091	30L-488.19	Hà Nội
92	30L-497.86	Hà Nội	1092	30L-490.04	Hà Nội	2092	30L-072.88	Hà Nội	3092	30L-489.59	Hà Nội
93	30L-498.09	Hà Nội	1093	30L-490.56	Hà Nội	2093	30L-489.58	Hà Nội	3093	30L-491.28	Hà Nội
94	30L-499.69	Hà Nội	1094	30L-496.77	Hà Nội	2094	30L-489.66	Hà Nội	3094	30L-492.17	Hà Nội
95	30L-500.83	Hà Nội	1095	30L-497.33	Hà Nội	2095	30L-492.78	Hà Nội	3095	30L-492.26	Hà Nội
96	30L-501.55	Hà Nội	1096	30L-497.59	Hà Nội	2096	30L-495.19	Hà Nội	3096	30L-493.79	Hà Nội
97	30L-502.26	Hà Nội	1097	30L-501.19	Hà Nội	2097	30L-495.33	Hà Nội	3097	30L-495.66	Hà Nội
98	30L-502.44	Hà Nội	1098	30L-501.64	Hà Nội	2098	30L-497.07	Hà Nội	3098	30L-497.60	Hà Nội
99	30L-503.77	Hà Nội	1099	30L-503.06	Hà Nội	2099	30L-497.35	Hà Nội	3099	30L-498.12	Hà Nội
100	30L-503.94	Hà Nội	1100	30L-503.52	Hà Nội	2100	30L-498.16	Hà Nội	3100	30L-500.65	Hà Nội
101	30L-505.41	Hà Nội	1101	30L-505.24	Hà Nội	2101	30L-503.18	Hà Nội	3101	30L-500.84	Hà Nội
102	30L-505.73	Hà Nội	1102	30L-505.78	Hà Nội	2102	30L-504.91	Hà Nội	3102	30L-501.09	Hà Nội
103	30L-505.79	Hà Nội	1103	30L-505.96	Hà Nội	2103	30L-507.22	Hà Nội	3103	30L-504.15	Hà Nội
104	30L-506.44	Hà Nội	1104	30L-506.63	Hà Nội	2104	30L-507.30	Hà Nội	3104	30L-504.34	Hà Nội
105	30L-513.35	Hà Nội	1105	30L-507.62	Hà Nội	2105	30L-510.95	Hà Nội	3105	30L-506.00	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
106	30L-514.60	Hà Nội	1106	30L-507.91	Hà Nội	2106	30L-512.58	Hà Nội	3106	30L-506.79	Hà Nội
107	30L-514.65	Hà Nội	1107	30L-511.50	Hà Nội	2107	30L-513.43	Hà Nội	3107	30L-509.03	Hà Nội
108	30L-515.77	Hà Nội	1108	30L-513.09	Hà Nội	2108	30L-515.25	Hà Nội	3108	30L-509.97	Hà Nội
109	30L-516.91	Hà Nội	1109	30L-515.05	Hà Nội	2109	30L-515.86	Hà Nội	3109	30L-510.86	Hà Nội
110	30L-517.08	Hà Nội	1110	30L-515.45	Hà Nội	2110	30L-516.25	Hà Nội	3110	30L-514.38	Hà Nội
111	30L-517.25	Hà Nội	1111	30L-516.38	Hà Nội	2111	30L-516.62	Hà Nội	3111	30L-514.54	Hà Nội
112	30L-517.67	Hà Nội	1112	30L-516.81	Hà Nội	2112	30L-524.28	Hà Nội	3112	30L-514.98	Hà Nội
113	30L-518.19	Hà Nội	1113	30L-517.99	Hà Nội	2113	30L-525.33	Hà Nội	3113	30L-518.72	Hà Nội
114	30L-523.16	Hà Nội	1114	30L-520.36	Hà Nội	2114	30L-525.41	Hà Nội	3114	30L-525.59	Hà Nội
115	30L-524.41	Hà Nội	1115	30L-522.76	Hà Nội	2115	30L-527.00	Hà Nội	3115	30L-526.55	Hà Nội
116	30L-525.36	Hà Nội	1116	30L-524.22	Hà Nội	2116	30L-527.86	Hà Nội	3116	30L-528.00	Hà Nội
117	30L-528.06	Hà Nội	1117	30L-524.66	Hà Nội	2117	30L-529.09	Hà Nội	3117	30L-528.55	Hà Nội
118	30L-529.71	Hà Nội	1118	30L-525.22	Hà Nội	2118	30L-529.57	Hà Nội	3118	30L-528.83	Hà Nội
119	30L-530.48	Hà Nội	1119	30L-526.76	Hà Nội	2119	30L-529.91	Hà Nội	3119	30L-534.23	Hà Nội
120	30L-530.79	Hà Nội	1120	30L-527.41	Hà Nội	2120	30L-530.54	Hà Nội	3120	30L-535.00	Hà Nội
121	30L-531.56	Hà Nội	1121	30L-528.31	Hà Nội	2121	30L-530.68	Hà Nội	3121	30L-535.20	Hà Nội
122	30L-532.49	Hà Nội	1122	30L-529.55	Hà Nội	2122	30L-530.98	Hà Nội	3122	30L-535.68	Hà Nội
123	30L-532.69	Hà Nội	1123	30L-531.45	Hà Nội	2123	30L-531.83	Hà Nội	3123	30L-538.55	Hà Nội
124	30L-532.83	Hà Nội	1124	30L-531.65	Hà Nội	2124	30L-532.25	Hà Nội	3124	30L-542.28	Hà Nội
125	12A-252.19	Lạng Sơn	1125	30L-534.09	Hà Nội	2125	30L-532.96	Hà Nội	3125	30L-543.58	Hà Nội
126	12A-252.20	Lạng Sơn	1126	30L-535.18	Hà Nội	2126	30L-533.58	Hà Nội	3126	30L-543.59	Hà Nội
127	12A-252.44	Lạng Sơn	1127	30L-536.19	Hà Nội	2127	30L-535.65	Hà Nội	3127	30L-543.95	Hà Nội
128	14A-914.25	Quảng Ninh	1128	30L-537.58	Hà Nội	2128	30L-537.25	Hà Nội	3128	30L-545.08	Hà Nội
129	14A-914.67	Quảng Ninh	1129	30L-538.26	Hà Nội	2129	30L-537.91	Hà Nội	3129	30L-547.35	Hà Nội
130	14A-914.75	Quảng Ninh	1130	30L-538.69	Hà Nội	2130	30L-538.61	Hà Nội	3130	12A-252.28	Lạng Sơn
131	14A-914.99	Quảng Ninh	1131	30L-539.09	Hà Nội	2131	30L-538.65	Hà Nội	3131	12C-136.62	Lạng Sơn
132	14A-919.36	Quảng Ninh	1132	30L-541.77	Hà Nội	2132	30L-539.29	Hà Nội	3132	14A-913.40	Quảng Ninh
133	14A-919.43	Quảng Ninh	1133	30L-542.15	Hà Nội	2133	30L-540.58	Hà Nội	3133	14A-913.59	Quảng Ninh
134	14A-921.41	Quảng Ninh	1134	30L-542.69	Hà Nội	2134	30L-541.19	Hà Nội	3134	14A-917.25	Quảng Ninh
135	14A-921.98	Quảng Ninh	1135	30L-544.82	Hà Nội	2135	30L-542.00	Hà Nội	3135	14A-917.40	Quảng Ninh
136	14A-923.68	Quảng Ninh	1136	30L-547.11	Hà Nội	2136	30L-542.50	Hà Nội	3136	14A-917.45	Quảng Ninh
137	14A-926.16	Quảng Ninh	1137	14A-913.79	Quảng Ninh	2137	30L-544.36	Hà Nội	3137	14A-917.98	Quảng Ninh
138	14A-926.56	Quảng Ninh	1138	14A-914.60	Quảng Ninh	2138	30L-546.88	Hà Nội	3138	14A-920.37	Quảng Ninh
139	15K-306.35	Hải Phòng	1139	14A-915.78	Quảng Ninh	2139	12A-251.26	Lạng Sơn	3139	14A-922.08	Quảng Ninh
140	15K-306.90	Hải Phòng	1140	14A-917.26	Quảng Ninh	2140	12A-251.36	Lạng Sơn	3140	14A-927.05	Quảng Ninh
141	15K-306.95	Hải Phòng	1141	14A-917.31	Quảng Ninh	2141	12A-251.38	Lạng Sơn	3141	14A-927.38	Quảng Ninh
142	15K-307.55	Hải Phòng	1142	14A-918.28	Quảng Ninh	2142	12A-252.26	Lạng Sơn	3142	14A-927.99	Quảng Ninh
143	15K-307.74	Hải Phòng	1143	14A-918.60	Quảng Ninh	2143	12D-004.35	Lạng Sơn	3143	14A-929.13	Quảng Ninh
144	15K-309.86	Hải Phòng	1144	14A-921.06	Quảng Ninh	2144	14A-916.69	Quảng Ninh	3144	15K-306.96	Hải Phòng
145	15K-312.07	Hải Phòng	1145	14A-921.97	Quảng Ninh	2145	14A-917.08	Quảng Ninh	3145	15K-307.08	Hải Phòng
146	15K-314.11	Hải Phòng	1146	14A-923.83	Quảng Ninh	2146	14A-919.02	Quảng Ninh	3146	15K-308.00	Hải Phòng
147	15K-314.36	Hải Phòng	1147	14A-924.11	Quảng Ninh	2147	14A-920.13	Quảng Ninh	3147	15K-308.09	Hải Phòng
148	15K-314.38	Hải Phòng	1148	14A-925.77	Quảng Ninh	2148	14A-921.81	Quảng Ninh	3148	15K-308.73	Hải Phòng
149	15K-315.09	Hải Phòng	1149	14A-925.98	Quảng Ninh	2149	14A-922.96	Quảng Ninh	3149	15K-308.79	Hải Phòng
150	15K-316.06	Hải Phòng	1150	14A-926.00	Quảng Ninh	2150	14A-923.36	Quảng Ninh	3150	15K-309.19	Hải Phòng
151	15K-318.27	Hải Phòng	1151	14A-926.10	Quảng Ninh	2151	14A-923.58	Quảng Ninh	3151	15K-311.18	Hải Phòng
152	15K-319.11	Hải Phòng	1152	14A-930.38	Quảng Ninh	2152	14A-924.96	Quảng Ninh	3152	15K-311.95	Hải Phòng
153	15K-319.75	Hải Phòng	1153	15K-295.59	Hải Phòng	2153	14A-925.96	Quảng Ninh	3153	15K-312.38	Hải Phòng
154	15K-320.58	Hải Phòng	1154	15K-307.98	Hải Phòng	2154	14A-926.24	Quảng Ninh	3154	15K-314.28	Hải Phòng
155	15K-322.75	Hải Phòng	1155	15K-308.83	Hải Phòng	2155	14A-926.44	Quảng Ninh	3155	15K-315.70	Hải Phòng
156	15K-323.16	Hải Phòng	1156	15K-310.38	Hải Phòng	2156	14A-928.24	Quảng Ninh	3156	15K-316.65	Hải Phòng
157	15K-323.83	Hải Phòng	1157	15K-313.16	Hải Phòng	2157	14A-928.95	Quảng Ninh	3157	15K-319.86	Hải Phòng
158	15K-326.22	Hải Phòng	1158	15K-313.65	Hải Phòng	2158	14A-930.28	Quảng Ninh	3158	15K-319.95	Hải Phòng
159	15K-326.42	Hải Phòng	1159	15K-314.98	Hải Phòng	2159	15K-306.44	Hải Phòng	3159	15K-320.09	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
160	15K-327.19	Hải Phòng	1160	15K-315.44	Hải Phòng	2160	15K-307.46	Hải Phòng	3160	15K-321.26	Hải Phòng
161	15K-327.95	Hải Phòng	1161	15K-316.79	Hải Phòng	2161	15K-308.55	Hải Phòng	3161	15K-321.79	Hải Phòng
162	15K-328.11	Hải Phòng	1162	15K-317.09	Hải Phòng	2162	15K-309.16	Hải Phòng	3162	15K-323.19	Hải Phòng
163	15K-328.39	Hải Phòng	1163	15K-319.58	Hải Phòng	2163	15K-311.25	Hải Phòng	3163	15K-326.39	Hải Phòng
164	15K-329.16	Hải Phòng	1164	15K-319.89	Hải Phòng	2164	15K-311.85	Hải Phòng	3164	15K-329.90	Hải Phòng
165	15K-330.59	Hải Phòng	1165	15K-320.83	Hải Phòng	2165	15K-313.89	Hải Phòng	3165	15K-331.44	Hải Phòng
166	15K-331.16	Hải Phòng	1166	15K-320.89	Hải Phòng	2166	15K-314.43	Hải Phòng	3166	15K-334.96	Hải Phòng
167	15K-332.85	Hải Phòng	1167	15K-322.38	Hải Phòng	2167	15K-314.83	Hải Phòng	3167	15K-335.25	Hải Phòng
168	15K-333.83	Hải Phòng	1168	15K-322.58	Hải Phòng	2168	15K-318.06	Hải Phòng	3168	15K-335.49	Hải Phòng
169	15K-334.20	Hải Phòng	1169	15K-322.98	Hải Phòng	2169	15K-322.05	Hải Phòng	3169	15K-336.25	Hải Phòng
170	15K-334.97	Hải Phòng	1170	15K-323.18	Hải Phòng	2170	15K-322.09	Hải Phòng	3170	17A-466.25	Thái Bình
171	15K-335.11	Hải Phòng	1171	15K-324.16	Hải Phòng	2171	15K-328.33	Hải Phòng	3171	17A-468.66	Thái Bình
172	15K-335.39	Hải Phòng	1172	15K-324.18	Hải Phòng	2172	15K-330.96	Hải Phòng	3172	18A-457.35	Nam Định
173	17A-466.38	Thái Bình	1173	15K-324.19	Hải Phòng	2173	15K-332.88	Hải Phòng	3173	18A-460.34	Nam Định
174	18A-457.09	Nam Định	1174	15K-324.29	Hải Phòng	2174	15K-334.39	Hải Phòng	3174	18A-460.38	Nam Định
175	18A-457.68	Nam Định	1175	15K-325.84	Hải Phòng	2175	15K-335.98	Hải Phòng	3175	18A-460.75	Nam Định
176	18A-458.56	Nam Định	1176	15K-329.35	Hải Phòng	2176	15K-336.42	Hải Phòng	3176	18A-461.63	Nam Định
177	18A-458.65	Nam Định	1177	15K-330.21	Hải Phòng	2177	17A-467.95	Thái Bình	3177	18A-464.27	Nam Định
178	18A-459.91	Nam Định	1178	15K-331.56	Hải Phòng	2178	18A-458.55	Nam Định	3178	18A-464.81	Nam Định
179	18A-462.30	Nam Định	1179	15K-332.42	Hải Phòng	2179	18A-460.20	Nam Định	3179	18A-465.39	Nam Định
180	18A-462.79	Nam Định	1180	15K-336.44	Hải Phòng	2180	18A-460.29	Nam Định	3180	18A-467.41	Nam Định
181	18A-462.89	Nam Định	1181	17A-466.75	Thái Bình	2181	18A-462.41	Nam Định	3181	19A-653.58	Phú Thọ
182	18A-463.38	Nam Định	1182	17A-467.45	Thái Bình	2182	18A-463.44	Nam Định	3182	19A-654.11	Phú Thọ
183	18A-463.81	Nam Định	1183	18A-457.49	Nam Định	2183	18A-464.05	Nam Định	3183	19A-654.68	Phú Thọ
184	18A-466.08	Nam Định	1184	18A-459.06	Nam Định	2184	18A-464.55	Nam Định	3184	19A-654.96	Phú Thọ
185	18C-166.38	Nam Định	1185	18A-461.00	Nam Định	2185	18A-465.00	Nam Định	3185	19A-655.98	Phú Thọ
186	18C-167.14	Nam Định	1186	18A-464.69	Nam Định	2186	18D-011.08	Nam Định	3186	19A-657.83	Phú Thọ
187	19A-653.02	Phú Thọ	1187	18A-465.12	Nam Định	2187	18D-011.29	Nam Định	3187	19A-661.33	Phú Thọ
188	19A-653.16	Phú Thọ	1188	18A-465.25	Nam Định	2188	19A-653.79	Phú Thọ	3188	19A-661.98	Phú Thọ
189	19A-655.90	Phú Thọ	1189	18A-465.81	Nam Định	2189	19A-654.29	Phú Thọ	3189	19A-662.35	Phú Thọ
190	19A-658.00	Phú Thọ	1190	18A-466.41	Nam Định	2190	19A-655.59	Phú Thọ	3190	19A-663.77	Phú Thọ
191	19A-658.77	Phú Thọ	1191	18A-466.69	Nam Định	2191	19A-656.83	Phú Thọ	3191	19A-667.28	Phú Thọ
192	19A-659.29	Phú Thọ	1192	18D-011.19	Nam Định	2192	19A-659.32	Phú Thọ	3192	19A-667.59	Phú Thọ
193	19A-660.37	Phú Thọ	1193	19A-653.55	Phú Thọ	2193	19A-659.54	Phú Thọ	3193	19A-669.36	Phú Thọ
194	19A-661.51	Phú Thọ	1194	19A-654.28	Phú Thọ	2194	19A-663.65	Phú Thọ	3194	19C-247.40	Phú Thọ
195	19A-662.01	Phú Thọ	1195	19A-655.17	Phú Thọ	2195	19A-663.79	Phú Thọ	3195	19C-248.96	Phú Thọ
196	19A-662.28	Phú Thọ	1196	19A-656.22	Phú Thọ	2196	19A-667.36	Phú Thọ	3196	20A-783.68	Thái Nguyên
197	19A-663.56	Phú Thọ	1197	19A-658.19	Phú Thọ	2197	19A-667.68	Phú Thọ	3197	20A-786.09	Thái Nguyên
198	19A-664.27	Phú Thọ	1198	19A-658.22	Phú Thọ	2198	19A-668.51	Phú Thọ	3198	20A-792.41	Thái Nguyên
199	19A-664.95	Phú Thọ	1199	19A-658.29	Phú Thọ	2199	19A-669.68	Phú Thọ	3199	20A-793.03	Thái Nguyên
200	19A-668.38	Phú Thọ	1200	19A-659.06	Phú Thọ	2200	19C-246.73	Phú Thọ	3200	20A-794.88	Thái Nguyên
201	20A-782.88	Thái Nguyên	1201	19A-659.62	Phú Thọ	2201	19C-247.00	Phú Thọ	3201	20A-795.30	Thái Nguyên
202	20A-784.69	Thái Nguyên	1202	19A-660.83	Phú Thọ	2202	20A-782.85	Thái Nguyên	3202	20A-798.77	Thái Nguyên
203	20A-787.89	Thái Nguyên	1203	19A-661.19	Phú Thọ	2203	20A-790.39	Thái Nguyên	3203	20A-802.90	Thái Nguyên
204	20A-788.19	Thái Nguyên	1204	19A-661.30	Phú Thọ	2204	20A-791.48	Thái Nguyên	3204	20A-803.28	Thái Nguyên
205	20A-788.36	Thái Nguyên	1205	19A-661.86	Phú Thọ	2205	20A-792.25	Thái Nguyên	3205	20A-803.35	Thái Nguyên
206	20A-790.77	Thái Nguyên	1206	19A-662.09	Phú Thọ	2206	20A-792.85	Thái Nguyên	3206	20A-803.47	Thái Nguyên
207	20A-791.55	Thái Nguyên	1207	19A-663.98	Phú Thọ	2207	20A-794.19	Thái Nguyên	3207	20A-805.12	Thái Nguyên
208	20A-791.92	Thái Nguyên	1208	19A-664.45	Phú Thọ	2208	20A-794.83	Thái Nguyên	3208	20A-805.38	Thái Nguyên
209	20A-792.67	Thái Nguyên	1209	19A-667.83	Phú Thọ	2209	20A-798.69	Thái Nguyên	3209	20A-805.96	Thái Nguyên
210	20A-794.13	Thái Nguyên	1210	19A-668.65	Phú Thọ	2210	20A-798.87	Thái Nguyên	3210	20A-808.96	Thái Nguyên
211	20A-794.65	Thái Nguyên	1211	19A-670.39	Phú Thọ	2211	20A-799.38	Thái Nguyên	3211	20A-809.74	Thái Nguyên
212	20A-796.31	Thái Nguyên	1212	19A-670.78	Phú Thọ	2212	20A-800.46	Thái Nguyên	3212	20A-810.59	Thái Nguyên
213	20A-796.35	Thái Nguyên	1213	19C-247.03	Phú Thọ	2213	20A-802.99	Thái Nguyên	3213	20A-810.66	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
214	20A-796.67	Thái Nguyên	1214	19C-248.00	Phú Thọ	2214	20A-803.16	Thái Nguyên	3214	20A-810.86	Thái Nguyên
215	20A-797.55	Thái Nguyên	1215	19C-248.25	Phú Thọ	2215	20A-803.68	Thái Nguyên	3215	20A-810.99	Thái Nguyên
216	20A-798.18	Thái Nguyên	1216	19C-248.39	Phú Thọ	2216	20C-289.39	Thái Nguyên	3216	20C-289.08	Thái Nguyên
217	20A-801.28	Thái Nguyên	1217	20A-784.86	Thái Nguyên	2217	20C-291.44	Thái Nguyên	3217	20C-294.08	Thái Nguyên
218	20A-801.93	Thái Nguyên	1218	20A-790.22	Thái Nguyên	2218	20C-292.15	Thái Nguyên	3218	20C-294.24	Thái Nguyên
219	20A-803.76	Thái Nguyên	1219	20A-797.08	Thái Nguyên	2219	20C-292.36	Thái Nguyên	3219	20C-294.55	Thái Nguyên
220	20A-804.15	Thái Nguyên	1220	20A-798.61	Thái Nguyên	2220	20C-293.53	Thái Nguyên	3220	20C-294.65	Thái Nguyên
221	20A-804.55	Thái Nguyên	1221	20A-799.67	Thái Nguyên	2221	20C-295.85	Thái Nguyên	3221	20C-295.98	Thái Nguyên
222	20A-804.58	Thái Nguyên	1222	20A-801.61	Thái Nguyên	2222	21C-102.89	Yên Bái	3222	20C-296.15	Thái Nguyên
223	20A-805.09	Thái Nguyên	1223	20A-802.31	Thái Nguyên	2223	21C-103.09	Yên Bái	3223	21A-207.16	Yên Bái
224	20A-807.91	Thái Nguyên	1224	20A-803.04	Thái Nguyên	2224	21C-103.68	Yên Bái	3224	21C-105.16	Yên Bái
225	20A-808.69	Thái Nguyên	1225	20A-807.44	Thái Nguyên	2225	21C-103.89	Yên Bái	3225	21C-106.18	Yên Bái
226	20A-810.06	Thái Nguyên	1226	20A-807.47	Thái Nguyên	2226	21C-105.77	Yên Bái	3226	22A-250.78	Tuyên Quang
227	20A-810.53	Thái Nguyên	1227	20A-807.61	Thái Nguyên	2227	21C-105.79	Yên Bái	3227	22A-251.65	Tuyên Quang
228	20A-810.68	Thái Nguyên	1228	20A-807.82	Thái Nguyên	2228	22A-250.48	Tuyên Quang	3228	22A-253.19	Tuyên Quang
229	20C-288.69	Thái Nguyên	1229	20A-808.11	Thái Nguyên	2229	22A-251.79	Tuyên Quang	3229	22A-255.96	Tuyên Quang
230	20C-291.27	Thái Nguyên	1230	20A-809.35	Thái Nguyên	2230	22A-251.98	Tuyên Quang	3230	22C-106.88	Tuyên Quang
231	20C-291.72	Thái Nguyên	1231	20A-810.64	Thái Nguyên	2231	22A-253.00	Tuyên Quang	3231	22C-107.08	Tuyên Quang
232	20C-293.94	Thái Nguyên	1232	20B-032.24	Thái Nguyên	2232	22A-254.41	Tuyên Quang	3232	22C-108.81	Tuyên Quang
233	20C-295.03	Thái Nguyên	1233	20C-289.06	Thái Nguyên	2233	22C-107.99	Tuyên Quang	3233	23C-082.59	Hà Giang
234	21A-207.28	Yên Bái	1234	20C-293.06	Thái Nguyên	2234	22C-108.39	Tuyên Quang	3234	23C-084.36	Hà Giang
235	21A-208.35	Yên Bái	1235	20C-293.17	Thái Nguyên	2235	23C-085.44	Hà Giang	3235	23C-084.56	Hà Giang
236	21A-208.44	Yên Bái	1236	20C-295.36	Thái Nguyên	2236	24A-291.09	Lào Cai	3236	23C-085.22	Hà Giang
237	21A-209.23	Yên Bái	1237	20D-028.51	Thái Nguyên	2237	24A-292.26	Lào Cai	3237	24A-293.22	Lào Cai
238	21A-210.65	Yên Bái	1238	21A-207.19	Yên Bái	2238	24A-296.19	Lào Cai	3238	24A-296.22	Lào Cai
239	21C-105.09	Yên Bái	1239	21A-207.33	Yên Bái	2239	24A-297.09	Lào Cai	3239	24A-296.85	Lào Cai
240	21C-106.69	Yên Bái	1240	21A-207.75	Yên Bái	2240	24A-297.33	Lào Cai	3240	24A-301.69	Lào Cai
241	21C-107.89	Yên Bái	1241	21A-208.19	Yên Bái	2241	24A-301.88	Lào Cai	3241	24A-303.37	Lào Cai
242	22A-252.06	Tuyên Quang	1242	21A-208.28	Yên Bái	2242	24A-303.50	Lào Cai	3242	24A-303.92	Lào Cai
243	22A-252.55	Tuyên Quang	1243	21C-102.39	Yên Bái	2243	24C-155.18	Lào Cai	3243	24A-303.99	Lào Cai
244	22A-252.86	Tuyên Quang	1244	21C-102.77	Yên Bái	2244	24C-157.00	Lào Cai	3244	24C-154.59	Lào Cai
245	22A-253.22	Tuyên Quang	1245	22A-250.95	Tuyên Quang	2245	24C-157.04	Lào Cai	3245	26A-218.19	Sơn La
246	22A-255.19	Tuyên Quang	1246	22A-253.59	Tuyên Quang	2246	26A-218.54	Sơn La	3246	26A-220.77	Sơn La
247	22C-108.05	Tuyên Quang	1247	22A-254.99	Tuyên Quang	2247	26A-218.92	Sơn La	3247	26A-221.16	Sơn La
248	24A-291.00	Lào Cai	1248	22C-108.09	Tuyên Quang	2248	26A-220.88	Sơn La	3248	26A-221.19	Sơn La
249	24A-292.68	Lào Cai	1249	23C-083.16	Hà Giang	2249	26C-148.58	Sơn La	3249	26A-222.31	Sơn La
250	24A-294.68	Lào Cai	1250	23C-085.06	Hà Giang	2250	26C-152.02	Sơn La	3250	26C-148.18	Sơn La
251	24A-297.58	Lào Cai	1251	24A-291.06	Lào Cai	2251	26C-153.82	Sơn La	3251	26C-148.36	Sơn La
252	24A-299.69	Lào Cai	1252	24A-293.77	Lào Cai	2252	27B-010.77	Điện Biên	3252	26C-150.11	Sơn La
253	24A-300.63	Lào Cai	1253	24A-298.44	Lào Cai	2253	27C-068.77	Điện Biên	3253	26C-152.26	Sơn La
254	24A-301.26	Lào Cai	1254	24A-298.66	Lào Cai	2254	27C-069.00	Điện Biên	3254	26C-152.50	Sơn La
255	24A-301.65	Lào Cai	1255	24A-301.99	Lào Cai	2255	28A-244.26	Hòa Bình	3255	26C-155.26	Sơn La
256	24A-301.77	Lào Cai	1256	24A-302.55	Lào Cai	2256	28A-244.94	Hòa Bình	3256	27C-065.89	Điện Biên
257	24A-302.57	Lào Cai	1257	24A-302.58	Lào Cai	2257	28A-245.25	Hòa Bình	3257	27C-067.86	Điện Biên
258	24A-303.39	Lào Cai	1258	24A-303.85	Lào Cai	2258	28A-245.28	Hòa Bình	3258	27C-069.58	Điện Biên
259	24A-303.89	Lào Cai	1259	24C-154.55	Lào Cai	2259	28A-246.18	Hòa Bình	3259	27C-071.09	Điện Biên
260	26A-219.33	Sơn La	1260	24C-154.88	Lào Cai	2260	28A-246.44	Hòa Bình	3260	28A-245.11	Hòa Bình
261	26A-219.49	Sơn La	1261	24C-155.29	Lào Cai	2261	28C-114.59	Hòa Bình	3261	28A-245.33	Hòa Bình
262	26A-219.95	Sơn La	1262	24C-156.10	Lào Cai	2262	28C-115.64	Hòa Bình	3262	28A-245.39	Hòa Bình
263	26A-220.45	Sơn La	1263	24C-156.26	Lào Cai	2263	28C-116.23	Hòa Bình	3263	28A-246.85	Hòa Bình
264	26A-222.98	Sơn La	1264	24C-156.33	Lào Cai	2264	29K-198.00	Hà Nội	3264	28A-247.16	Hòa Bình
265	26C-148.08	Sơn La	1265	24C-157.14	Lào Cai	2265	29K-199.36	Hà Nội	3265	28C-112.69	Hòa Bình
266	26C-148.33	Sơn La	1266	24C-157.22	Lào Cai	2266	29K-200.86	Hà Nội	3266	28C-115.26	Hòa Bình
267	26C-152.79	Sơn La	1267	24C-157.38	Lào Cai	2267	29K-189.89	Hà Nội	3267	28C-116.06	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
268	26C-153.77	Sơn La	1268	26A-220.08	Sơn La	2268	29K-204.68	Hà Nội	3268	28C-116.39	Hòa Bình
269	26C-154.16	Sơn La	1269	26A-220.65	Sơn La	2269	29K-206.22	Hà Nội	3269	28D-004.36	Hòa Bình
270	27C-065.86	Điện Biên	1270	26A-221.38	Sơn La	2270	29K-206.81	Hà Nội	3270	29K-194.38	Hà Nội
271	27C-067.58	Điện Biên	1271	26C-147.06	Sơn La	2271	29K-206.97	Hà Nội	3271	29K-197.00	Hà Nội
272	27C-070.51	Điện Biên	1272	26C-147.18	Sơn La	2272	29K-207.28	Hà Nội	3272	29K-197.69	Hà Nội
273	28A-243.39	Hòa Bình	1273	26C-148.09	Sơn La	2273	29K-207.37	Hà Nội	3273	29K-201.88	Hà Nội
274	28A-243.79	Hòa Bình	1274	26C-148.16	Sơn La	2274	29K-207.99	Hà Nội	3274	29K-203.21	Hà Nội
275	28A-244.35	Hòa Bình	1275	26C-149.00	Sơn La	2275	29K-210.80	Hà Nội	3275	29K-203.36	Hà Nội
276	28A-244.36	Hòa Bình	1276	26C-152.29	Sơn La	2276	29K-211.08	Hà Nội	3276	29K-203.63	Hà Nội
277	28A-245.00	Hòa Bình	1277	26C-153.52	Sơn La	2277	29K-211.18	Hà Nội	3277	29K-203.65	Hà Nội
278	28A-245.18	Hòa Bình	1278	26C-153.84	Sơn La	2278	29K-212.83	Hà Nội	3278	29K-204.18	Hà Nội
279	28B-014.02	Hòa Bình	1279	26D-010.19	Sơn La	2279	29K-213.29	Hà Nội	3279	29K-205.26	Hà Nội
280	28C-113.59	Hòa Bình	1280	26D-010.26	Sơn La	2280	29K-213.91	Hà Nội	3280	29K-207.34	Hà Nội
281	28C-116.09	Hòa Bình	1281	27C-069.18	Điện Biên	2281	29K-214.55	Hà Nội	3281	29K-208.38	Hà Nội
282	28C-116.18	Hòa Bình	1282	27C-070.60	Điện Biên	2282	29K-214.58	Hà Nội	3282	29K-208.52	Hà Nội
283	29K-197.86	Hà Nội	1283	27C-071.08	Điện Biên	2283	29K-215.16	Hà Nội	3283	29K-208.96	Hà Nội
284	29K-199.58	Hà Nội	1284	27D-003.08	Điện Biên	2284	29K-217.08	Hà Nội	3284	29K-209.65	Hà Nội
285	29K-201.35	Hà Nội	1285	28A-244.14	Hòa Bình	2285	29K-219.15	Hà Nội	3285	29K-210.03	Hà Nội
286	29K-202.98	Hà Nội	1286	28A-245.58	Hòa Bình	2286	29K-219.68	Hà Nội	3286	29K-211.29	Hà Nội
287	29K-204.06	Hà Nội	1287	28A-245.69	Hòa Bình	2287	34A-820.89	Hải Dương	3287	29K-212.09	Hà Nội
288	29K-204.53	Hà Nội	1288	28A-246.53	Hòa Bình	2288	34A-822.08	Hải Dương	3288	29K-212.72	Hà Nội
289	29K-206.16	Hà Nội	1289	28A-247.19	Hòa Bình	2289	34A-823.88	Hải Dương	3289	29K-213.60	Hà Nội
290	29K-206.76	Hà Nội	1290	28C-109.88	Hòa Bình	2290	34A-823.89	Hải Dương	3290	29K-213.94	Hà Nội
291	29K-206.85	Hà Nội	1291	28C-110.99	Hòa Bình	2291	34A-824.11	Hải Dương	3291	29K-215.85	Hà Nội
292	29K-209.15	Hà Nội	1292	28C-112.44	Hòa Bình	2292	34A-825.44	Hải Dương	3292	29K-217.96	Hà Nội
293	29K-209.28	Hà Nội	1293	28C-115.45	Hòa Bình	2293	34A-825.94	Hải Dương	3293	29K-219.16	Hà Nội
294	29K-210.89	Hà Nội	1294	28D-004.50	Hòa Bình	2294	34A-829.69	Hải Dương	3294	34A-820.68	Hải Dương
295	29K-211.56	Hà Nội	1295	29K-195.88	Hà Nội	2295	34A-834.88	Hải Dương	3295	34A-821.22	Hải Dương
296	29K-212.18	Hà Nội	1296	30L-513.68	Hà Nội	2296	34A-836.90	Hải Dương	3296	34A-822.79	Hải Dương
297	29K-212.24	Hà Nội	1297	29K-201.96	Hà Nội	2297	34A-838.44	Hải Dương	3297	34A-824.16	Hải Dương
298	29K-212.28	Hà Nội	1298	29K-206.59	Hà Nội	2298	34A-838.79	Hải Dương	3298	34A-824.33	Hải Dương
299	29K-212.77	Hà Nội	1299	29K-207.66	Hà Nội	2299	34A-839.44	Hải Dương	3299	34A-825.27	Hải Dương
300	29K-213.43	Hà Nội	1300	29K-209.85	Hà Nội	2300	34A-840.41	Hải Dương	3300	34A-825.56	Hải Dương
301	29K-213.49	Hà Nội	1301	29K-210.77	Hà Nội	2301	34A-840.44	Hải Dương	3301	34A-826.81	Hải Dương
302	29K-214.48	Hà Nội	1302	29K-211.86	Hà Nội	2302	34A-840.68	Hải Dương	3302	34A-827.86	Hải Dương
303	29K-214.68	Hà Nội	1303	29K-212.29	Hà Nội	2303	34A-840.96	Hải Dương	3303	34A-827.88	Hải Dương
304	29K-214.99	Hà Nội	1304	29K-213.35	Hà Nội	2304	34A-842.05	Hải Dương	3304	34A-829.26	Hải Dương
305	29K-216.36	Hà Nội	1305	29K-213.65	Hà Nội	2305	34A-842.77	Hải Dương	3305	34A-829.38	Hải Dương
306	29K-219.84	Hà Nội	1306	29K-215.05	Hà Nội	2306	34A-844.39	Hải Dương	3306	34A-830.88	Hải Dương
307	30L-534.59	Hà Nội	1307	29K-216.89	Hà Nội	2307	34A-845.18	Hải Dương	3307	34A-831.29	Hải Dương
308	30L-535.08	Hà Nội	1308	29K-218.34	Hà Nội	2308	34A-845.74	Hải Dương	3308	34A-831.65	Hải Dương
309	30L-537.59	Hà Nội	1309	34A-820.19	Hải Dương	2309	34A-847.20	Hải Dương	3309	34A-832.50	Hải Dương
310	30L-538.77	Hà Nội	1310	34A-822.69	Hải Dương	2310	34A-849.35	Hải Dương	3310	34A-832.66	Hải Dương
311	30L-540.88	Hà Nội	1311	34A-823.58	Hải Dương	2311	34A-850.25	Hải Dương	3311	34A-833.06	Hải Dương
312	30L-545.26	Hà Nội	1312	34A-824.69	Hải Dương	2312	34A-850.71	Hải Dương	3312	34A-834.69	Hải Dương
313	30L-545.41	Hà Nội	1313	34A-825.69	Hải Dương	2313	34A-851.48	Hải Dương	3313	34A-835.22	Hải Dương
314	30L-546.69	Hà Nội	1314	34A-826.65	Hải Dương	2314	34A-851.91	Hải Dương	3314	34A-840.38	Hải Dương
315	30L-546.83	Hà Nội	1315	34A-826.85	Hải Dương	2315	34A-854.02	Hải Dương	3315	34A-842.25	Hải Dương
316	34A-827.65	Hải Dương	1316	34A-827.89	Hải Dương	2316	34A-855.39	Hải Dương	3316	34A-844.08	Hải Dương
317	34A-828.16	Hải Dương	1317	34A-828.55	Hải Dương	2317	34A-856.20	Hải Dương	3317	34A-844.10	Hải Dương
318	34A-830.95	Hải Dương	1318	34A-830.55	Hải Dương	2318	34C-401.55	Hải Dương	3318	34A-845.09	Hải Dương
319	34A-833.54	Hải Dương	1319	34A-830.68	Hải Dương	2319	34C-402.69	Hải Dương	3319	34A-846.08	Hải Dương
320	34A-834.85	Hải Dương	1320	34A-832.86	Hải Dương	2320	34C-404.13	Hải Dương	3320	34A-848.55	Hải Dương
321	34A-836.00	Hải Dương	1321	34A-832.96	Hải Dương	2321	34C-404.29	Hải Dương	3321	34A-849.00	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
322	34A-837.42	Hải Dương	1322	34A-833.48	Hải Dương	2322	34C-404.35	Hải Dương	3322	34A-849.16	Hải Dương
323	34A-837.68	Hải Dương	1323	34A-833.69	Hải Dương	2323	34C-407.22	Hải Dương	3323	34A-849.38	Hải Dương
324	34A-838.74	Hải Dương	1324	34A-834.36	Hải Dương	2324	34C-407.56	Hải Dương	3324	34A-849.91	Hải Dương
325	34A-843.70	Hải Dương	1325	34A-835.58	Hải Dương	2325	34D-035.14	Hải Dương	3325	34A-851.12	Hải Dương
326	34A-844.38	Hải Dương	1326	34A-836.43	Hải Dương	2326	35A-433.08	Ninh Bình	3326	34A-851.29	Hải Dương
327	34A-844.81	Hải Dương	1327	34A-836.45	Hải Dương	2327	35A-434.19	Ninh Bình	3327	34A-852.75	Hải Dương
328	34A-845.79	Hải Dương	1328	34A-839.98	Hải Dương	2328	35A-434.86	Ninh Bình	3328	34C-400.76	Hải Dương
329	34A-846.58	Hải Dương	1329	34A-840.66	Hải Dương	2329	35A-435.69	Ninh Bình	3329	34C-401.02	Hải Dương
330	34A-847.68	Hải Dương	1330	34A-843.88	Hải Dương	2330	35A-436.05	Ninh Bình	3330	34C-401.25	Hải Dương
331	34A-847.98	Hải Dương	1331	34A-844.25	Hải Dương	2331	35A-437.29	Ninh Bình	3331	34C-404.02	Hải Dương
332	34A-848.29	Hải Dương	1332	34A-845.29	Hải Dương	2332	35A-437.75	Ninh Bình	3332	34C-404.07	Hải Dương
333	34A-849.95	Hải Dương	1333	34A-845.96	Hải Dương	2333	35A-438.06	Ninh Bình	3333	34C-404.70	Hải Dương
334	34A-851.86	Hải Dương	1334	34A-846.45	Hải Dương	2334	35A-438.37	Ninh Bình	3334	34C-407.96	Hải Dương
335	34A-852.79	Hải Dương	1335	34A-849.77	Hải Dương	2335	35A-439.76	Ninh Bình	3335	34C-408.39	Hải Dương
336	34A-854.09	Hải Dương	1336	34A-850.48	Hải Dương	2336	35A-440.69	Ninh Bình	3336	35A-434.55	Ninh Bình
337	34A-855.73	Hải Dương	1337	34A-851.93	Hải Dương	2337	35A-441.77	Ninh Bình	3337	35A-435.24	Ninh Bình
338	34A-855.86	Hải Dương	1338	34A-852.56	Hải Dương	2338	35A-441.86	Ninh Bình	3338	35A-435.95	Ninh Bình
339	34C-400.83	Hải Dương	1339	34A-855.79	Hải Dương	2339	35C-164.86	Ninh Bình	3339	35A-436.93	Ninh Bình
340	34C-401.29	Hải Dương	1340	34A-856.22	Hải Dương	2340	35C-166.19	Ninh Bình	3340	35A-437.70	Ninh Bình
341	34C-401.89	Hải Dương	1341	34C-400.63	Hải Dương	2341	35C-168.36	Ninh Bình	3341	35A-437.98	Ninh Bình
342	34C-402.48	Hải Dương	1342	34C-402.93	Hải Dương	2342	35C-170.58	Ninh Bình	3342	35A-439.87	Ninh Bình
343	34C-404.09	Hải Dương	1343	34C-403.55	Hải Dương	2343	36C-486.44	Thanh Hóa	3343	35A-440.68	Ninh Bình
344	34C-404.96	Hải Dương	1344	34C-404.36	Hải Dương	2344	36C-487.89	Thanh Hóa	3344	35A-441.09	Ninh Bình
345	34C-405.32	Hải Dương	1345	34C-406.35	Hải Dương	2345	36C-492.68	Thanh Hóa	3345	35A-442.08	Ninh Bình
346	34C-405.98	Hải Dương	1346	34C-407.20	Hải Dương	2346	36C-495.77	Thanh Hóa	3346	35A-442.13	Ninh Bình
347	34C-407.54	Hải Dương	1347	34C-407.29	Hải Dương	2347	36C-507.08	Thanh Hóa	3347	35C-167.00	Ninh Bình
348	35A-433.16	Ninh Bình	1348	34C-408.15	Hải Dương	2348	36C-507.38	Thanh Hóa	3348	35C-170.16	Ninh Bình
349	35A-434.88	Ninh Bình	1349	35A-434.91	Ninh Bình	2349	36K-080.69	Thanh Hóa	3349	35C-173.55	Ninh Bình
350	35A-434.89	Ninh Bình	1350	35A-435.62	Ninh Bình	2350	36K-085.66	Thanh Hóa	3350	35D-011.58	Ninh Bình
351	35A-435.66	Ninh Bình	1351	35A-435.99	Ninh Bình	2351	36K-087.22	Thanh Hóa	3351	36C-481.69	Thanh Hóa
352	35A-436.83	Ninh Bình	1352	35A-438.17	Ninh Bình	2352	36K-087.89	Thanh Hóa	3352	36C-482.69	Thanh Hóa
353	35A-439.77	Ninh Bình	1353	35A-438.56	Ninh Bình	2353	36K-088.16	Thanh Hóa	3353	36C-483.79	Thanh Hóa
354	35A-442.89	Ninh Bình	1354	35A-440.19	Ninh Bình	2354	36K-089.56	Thanh Hóa	3354	36C-484.69	Thanh Hóa
355	35C-165.77	Ninh Bình	1355	35A-440.56	Ninh Bình	2355	36K-091.16	Thanh Hóa	3355	36C-484.88	Thanh Hóa
356	35C-166.79	Ninh Bình	1356	35A-440.59	Ninh Bình	2356	36K-093.00	Thanh Hóa	3356	36C-486.06	Thanh Hóa
357	35C-169.09	Ninh Bình	1357	35A-442.85	Ninh Bình	2357	36K-097.88	Thanh Hóa	3357	36C-487.58	Thanh Hóa
358	35C-170.33	Ninh Bình	1358	35A-443.91	Ninh Bình	2358	36K-100.43	Thanh Hóa	3358	36C-489.11	Thanh Hóa
359	35C-172.88	Ninh Bình	1359	35C-163.88	Ninh Bình	2359	36K-103.02	Thanh Hóa	3359	36C-490.56	Thanh Hóa
360	36C-484.22	Thanh Hóa	1360	35C-166.06	Ninh Bình	2360	36K-103.36	Thanh Hóa	3360	36C-498.19	Thanh Hóa
361	36C-485.56	Thanh Hóa	1361	35C-171.59	Ninh Bình	2361	36K-104.11	Thanh Hóa	3361	36C-507.00	Thanh Hóa
362	36C-487.00	Thanh Hóa	1362	35D-011.56	Ninh Bình	2362	36K-104.24	Thanh Hóa	3362	36K-090.36	Thanh Hóa
363	36C-487.55	Thanh Hóa	1363	36C-481.58	Thanh Hóa	2363	36K-104.88	Thanh Hóa	3363	36K-093.89	Thanh Hóa
364	36C-491.88	Thanh Hóa	1364	36C-482.16	Thanh Hóa	2364	36K-109.22	Thanh Hóa	3364	36K-095.00	Thanh Hóa
365	36C-493.36	Thanh Hóa	1365	36C-485.22	Thanh Hóa	2365	36K-110.87	Thanh Hóa	3365	36K-095.99	Thanh Hóa
366	36C-501.09	Thanh Hóa	1366	36C-486.39	Thanh Hóa	2366	36K-111.42	Thanh Hóa	3366	36K-098.55	Thanh Hóa
367	36C-501.58	Thanh Hóa	1367	36C-489.33	Thanh Hóa	2367	36K-111.91	Thanh Hóa	3367	36K-100.03	Thanh Hóa
368	36C-502.38	Thanh Hóa	1368	36C-489.69	Thanh Hóa	2368	36K-112.09	Thanh Hóa	3368	36K-100.06	Thanh Hóa
369	36C-503.44	Thanh Hóa	1369	36C-489.79	Thanh Hóa	2369	36K-113.26	Thanh Hóa	3369	36K-100.38	Thanh Hóa
370	36C-505.11	Thanh Hóa	1370	36C-503.88	Thanh Hóa	2370	36K-113.86	Thanh Hóa	3370	36K-102.65	Thanh Hóa
371	36K-082.55	Thanh Hóa	1371	36C-504.38	Thanh Hóa	2371	36K-114.71	Thanh Hóa	3371	36K-102.96	Thanh Hóa
372	36K-082.56	Thanh Hóa	1372	36C-506.39	Thanh Hóa	2372	36K-117.68	Thanh Hóa	3372	36K-103.66	Thanh Hóa
373	36K-082.68	Thanh Hóa	1373	36K-081.56	Thanh Hóa	2373	36K-117.96	Thanh Hóa	3373	36K-104.65	Thanh Hóa
374	36K-084.11	Thanh Hóa	1374	36K-081.79	Thanh Hóa	2374	36K-118.15	Thanh Hóa	3374	36K-104.66	Thanh Hóa
375	36K-085.44	Thanh Hóa	1375	36K-084.66	Thanh Hóa	2375	36K-120.09	Thanh Hóa	3375	36K-106.29	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
376	36K-086.39	Thanh Hóa	1376	36K-088.38	Thanh Hóa	2376	36K-122.54	Thanh Hóa	3376	36K-106.59	Thanh Hóa
377	36K-087.58	Thanh Hóa	1377	36K-090.89	Thanh Hóa	2377	36K-123.19	Thanh Hóa	3377	36K-107.08	Thanh Hóa
378	36K-089.19	Thanh Hóa	1378	36K-092.08	Thanh Hóa	2378	36K-123.52	Thanh Hóa	3378	36K-107.98	Thanh Hóa
379	36K-092.55	Thanh Hóa	1379	36K-092.11	Thanh Hóa	2379	36K-126.83	Thanh Hóa	3379	36K-108.33	Thanh Hóa
380	36K-096.06	Thanh Hóa	1380	36K-095.69	Thanh Hóa	2380	36K-127.00	Thanh Hóa	3380	36K-108.85	Thanh Hóa
381	36K-097.00	Thanh Hóa	1381	36K-097.08	Thanh Hóa	2381	36K-127.55	Thanh Hóa	3381	36K-110.69	Thanh Hóa
382	36K-100.18	Thanh Hóa	1382	36K-098.11	Thanh Hóa	2382	36K-128.26	Thanh Hóa	3382	36K-112.69	Thanh Hóa
383	36K-102.26	Thanh Hóa	1383	36K-098.99	Thanh Hóa	2383	36K-131.19	Thanh Hóa	3383	36K-112.77	Thanh Hóa
384	36K-102.28	Thanh Hóa	1384	36K-102.56	Thanh Hóa	2384	36K-132.18	Thanh Hóa	3384	36K-116.17	Thanh Hóa
385	36K-102.68	Thanh Hóa	1385	36K-104.90	Thanh Hóa	2385	36K-134.82	Thanh Hóa	3385	36K-116.65	Thanh Hóa
386	36K-103.35	Thanh Hóa	1386	36K-107.96	Thanh Hóa	2386	36K-135.17	Thanh Hóa	3386	36K-117.16	Thanh Hóa
387	36K-105.09	Thanh Hóa	1387	36K-108.58	Thanh Hóa	2387	37C-534.26	Nghệ An	3387	36K-118.43	Thanh Hóa
388	36K-106.26	Thanh Hóa	1388	36K-108.59	Thanh Hóa	2388	37C-534.28	Nghệ An	3388	36K-119.01	Thanh Hóa
389	36K-108.41	Thanh Hóa	1389	36K-110.08	Thanh Hóa	2389	37C-535.39	Nghệ An	3389	36K-119.18	Thanh Hóa
390	36K-108.69	Thanh Hóa	1390	36K-112.59	Thanh Hóa	2390	37C-537.78	Nghệ An	3390	36K-120.15	Thanh Hóa
391	36K-109.26	Thanh Hóa	1391	36K-114.99	Thanh Hóa	2391	37C-537.88	Nghệ An	3391	36K-120.88	Thanh Hóa
392	36K-109.35	Thanh Hóa	1392	36K-115.91	Thanh Hóa	2392	37C-537.89	Nghệ An	3392	36K-121.00	Thanh Hóa
393	36K-110.22	Thanh Hóa	1393	36K-118.96	Thanh Hóa	2393	37C-538.33	Nghệ An	3393	36K-122.84	Thanh Hóa
394	36K-113.56	Thanh Hóa	1394	36K-121.09	Thanh Hóa	2394	37C-539.08	Nghệ An	3394	36K-123.24	Thanh Hóa
395	36K-113.65	Thanh Hóa	1395	36K-123.03	Thanh Hóa	2395	37D-040.93	Nghệ An	3395	36K-123.85	Thanh Hóa
396	36K-114.97	Thanh Hóa	1396	36K-123.13	Thanh Hóa	2396	37K-344.89	Nghệ An	3396	36K-124.58	Thanh Hóa
397	36K-116.38	Thanh Hóa	1397	36K-123.59	Thanh Hóa	2397	37K-345.59	Nghệ An	3397	36K-124.95	Thanh Hóa
398	36K-116.79	Thanh Hóa	1398	36K-124.83	Thanh Hóa	2398	37K-347.01	Nghệ An	3398	36K-125.22	Thanh Hóa
399	36K-118.83	Thanh Hóa	1399	36K-125.38	Thanh Hóa	2399	37K-347.59	Nghệ An	3399	36K-126.18	Thanh Hóa
400	36K-119.44	Thanh Hóa	1400	36K-125.84	Thanh Hóa	2400	37K-348.15	Nghệ An	3400	36K-128.66	Thanh Hóa
401	36K-119.68	Thanh Hóa	1401	36K-125.85	Thanh Hóa	2401	37K-351.93	Nghệ An	3401	36K-128.96	Thanh Hóa
402	36K-120.58	Thanh Hóa	1402	36K-126.69	Thanh Hóa	2402	37K-352.19	Nghệ An	3402	36K-129.78	Thanh Hóa
403	36K-120.96	Thanh Hóa	1403	36K-127.26	Thanh Hóa	2403	37K-354.68	Nghệ An	3403	36K-130.05	Thanh Hóa
404	36K-121.28	Thanh Hóa	1404	36K-130.07	Thanh Hóa	2404	37K-355.56	Nghệ An	3404	36K-132.59	Thanh Hóa
405	36K-122.16	Thanh Hóa	1405	36K-130.11	Thanh Hóa	2405	37K-355.59	Nghệ An	3405	36K-132.91	Thanh Hóa
406	36K-122.86	Thanh Hóa	1406	36K-134.11	Thanh Hóa	2406	37K-357.73	Nghệ An	3406	36K-135.37	Thanh Hóa
407	36K-125.06	Thanh Hóa	1407	36K-135.50	Thanh Hóa	2407	37K-358.81	Nghệ An	3407	36K-136.74	Thanh Hóa
408	36K-125.76	Thanh Hóa	1408	37C-533.45	Nghệ An	2408	37K-361.23	Nghệ An	3408	37C-533.98	Nghệ An
409	36K-126.33	Thanh Hóa	1409	37C-537.18	Nghệ An	2409	37K-362.89	Nghệ An	3409	37C-534.08	Nghệ An
410	36K-126.35	Thanh Hóa	1410	37C-538.49	Nghệ An	2410	37K-363.01	Nghệ An	3410	37C-534.30	Nghệ An
411	36K-127.56	Thanh Hóa	1411	37C-538.78	Nghệ An	2411	37K-364.99	Nghệ An	3411	37C-534.38	Nghệ An
412	36K-127.96	Thanh Hóa	1412	37K-344.41	Nghệ An	2412	37K-366.98	Nghệ An	3412	37C-535.22	Nghệ An
413	36K-128.93	Thanh Hóa	1413	37K-344.86	Nghệ An	2413	37K-369.06	Nghệ An	3413	37C-535.96	Nghệ An
414	36K-129.55	Thanh Hóa	1414	37K-345.16	Nghệ An	2414	37K-369.26	Nghệ An	3414	37C-537.05	Nghệ An
415	36K-130.79	Thanh Hóa	1415	37K-347.84	Nghệ An	2415	37K-370.31	Nghệ An	3415	37C-537.15	Nghệ An
416	36K-131.96	Thanh Hóa	1416	37K-349.26	Nghệ An	2416	37K-370.93	Nghệ An	3416	37C-538.44	Nghệ An
417	36K-131.99	Thanh Hóa	1417	37K-352.09	Nghệ An	2417	37K-372.99	Nghệ An	3417	37K-343.71	Nghệ An
418	36K-133.58	Thanh Hóa	1418	37K-352.38	Nghệ An	2418	37K-373.06	Nghệ An	3418	37K-347.86	Nghệ An
419	36K-134.08	Thanh Hóa	1419	37K-352.85	Nghệ An	2419	37K-373.39	Nghệ An	3419	37K-349.12	Nghệ An
420	36K-134.33	Thanh Hóa	1420	37K-353.19	Nghệ An	2420	37K-373.74	Nghệ An	3420	37K-349.14	Nghệ An
421	36K-134.45	Thanh Hóa	1421	37K-353.26	Nghệ An	2421	37K-373.88	Nghệ An	3421	37K-349.28	Nghệ An
422	36K-135.11	Thanh Hóa	1422	37K-357.93	Nghệ An	2422	37K-373.92	Nghệ An	3422	37K-349.85	Nghệ An
423	36K-135.44	Thanh Hóa	1423	37K-359.39	Nghệ An	2423	37K-374.55	Nghệ An	3423	37K-350.34	Nghệ An
424	37C-533.15	Nghệ An	1424	37K-360.44	Nghệ An	2424	37K-375.36	Nghệ An	3424	37K-353.28	Nghệ An
425	37C-533.68	Nghệ An	1425	37K-360.55	Nghệ An	2425	37K-376.51	Nghệ An	3425	37K-354.06	Nghệ An
426	37C-534.99	Nghệ An	1426	37K-360.68	Nghệ An	2426	37K-376.59	Nghệ An	3426	37K-354.26	Nghệ An
427	37C-535.58	Nghệ An	1427	37K-362.21	Nghệ An	2427	37K-377.71	Nghệ An	3427	37K-354.65	Nghệ An
428	37C-537.29	Nghệ An	1428	37K-362.38	Nghệ An	2428	37K-378.29	Nghệ An	3428	37K-355.25	Nghệ An
429	37C-537.68	Nghệ An	1429	37K-362.79	Nghệ An	2429	37K-379.83	Nghệ An	3429	37K-355.27	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
430	37K-344.16	Nghệ An	1430	37K-362.96	Nghệ An	2430	37K-380.35	Nghệ An	3430	37K-355.89	Nghệ An
431	37K-345.18	Nghệ An	1431	37K-363.30	Nghệ An	2431	37K-382.09	Nghệ An	3431	37K-355.95	Nghệ An
432	37K-345.80	Nghệ An	1432	37K-363.58	Nghệ An	2432	37K-382.23	Nghệ An	3432	37K-356.19	Nghệ An
433	37K-346.67	Nghệ An	1433	37K-363.61	Nghệ An	2433	37K-383.24	Nghệ An	3433	37K-356.37	Nghệ An
434	37K-348.25	Nghệ An	1434	37K-364.21	Nghệ An	2434	37K-383.34	Nghệ An	3434	37K-356.83	Nghệ An
435	37K-348.44	Nghệ An	1435	37K-365.66	Nghệ An	2435	37K-383.44	Nghệ An	3435	37K-358.02	Nghệ An
436	37K-348.95	Nghệ An	1436	37K-366.28	Nghệ An	2436	37K-385.03	Nghệ An	3436	37K-359.62	Nghệ An
437	37K-352.43	Nghệ An	1437	37K-366.54	Nghệ An	2437	37K-385.19	Nghệ An	3437	37K-365.10	Nghệ An
438	37K-352.69	Nghệ An	1438	37K-367.07	Nghệ An	2438	37K-386.22	Nghệ An	3438	37K-370.38	Nghệ An
439	37K-354.08	Nghệ An	1439	37K-367.94	Nghệ An	2439	37K-387.06	Nghệ An	3439	37K-371.68	Nghệ An
440	37K-354.39	Nghệ An	1440	37K-370.36	Nghệ An	2440	38A-626.11	Hà Tĩnh	3440	37K-371.91	Nghệ An
441	37K-354.66	Nghệ An	1441	37K-371.33	Nghệ An	2441	38A-627.18	Hà Tĩnh	3441	37K-374.58	Nghệ An
442	37K-355.39	Nghệ An	1442	37K-373.44	Nghệ An	2442	38A-628.16	Hà Tĩnh	3442	37K-375.33	Nghệ An
443	37K-356.95	Nghệ An	1443	37K-373.55	Nghệ An	2443	38A-628.56	Hà Tĩnh	3443	37K-381.86	Nghệ An
444	37K-356.96	Nghệ An	1444	37K-377.28	Nghệ An	2444	38A-628.85	Hà Tĩnh	3444	37K-382.54	Nghệ An
445	37K-357.64	Nghệ An	1445	37K-377.42	Nghệ An	2445	38A-631.65	Hà Tĩnh	3445	37K-382.79	Nghệ An
446	37K-358.77	Nghệ An	1446	37K-377.90	Nghệ An	2446	38A-633.58	Hà Tĩnh	3446	37K-385.16	Nghệ An
447	37K-360.77	Nghệ An	1447	37K-379.17	Nghệ An	2447	38A-635.43	Hà Tĩnh	3447	37K-385.26	Nghệ An
448	37K-363.25	Nghệ An	1448	37K-380.15	Nghệ An	2448	38A-636.90	Hà Tĩnh	3448	37K-385.42	Nghệ An
449	37K-364.28	Nghệ An	1449	37K-381.17	Nghệ An	2449	38A-636.98	Hà Tĩnh	3449	37K-386.39	Nghệ An
450	37K-364.45	Nghệ An	1450	37K-383.22	Nghệ An	2450	38C-228.74	Hà Tĩnh	3450	37K-386.69	Nghệ An
451	37K-364.59	Nghệ An	1451	37K-383.69	Nghệ An	2451	38C-228.95	Hà Tĩnh	3451	38A-624.12	Hà Tĩnh
452	37K-364.88	Nghệ An	1452	37K-384.86	Nghệ An	2452	43A-881.89	Đà Nẵng	3452	38A-624.18	Hà Tĩnh
453	37K-364.89	Nghệ An	1453	37K-385.59	Nghệ An	2453	43A-882.09	Đà Nẵng	3453	38A-624.71	Hà Tĩnh
454	37K-365.94	Nghệ An	1454	37K-386.47	Nghệ An	2454	43A-887.19	Đà Nẵng	3454	38A-626.27	Hà Tĩnh
455	37K-369.56	Nghệ An	1455	38A-623.36	Hà Tĩnh	2455	43A-891.66	Đà Nẵng	3455	38A-626.28	Hà Tĩnh
456	37K-370.95	Nghệ An	1456	38A-623.69	Hà Tĩnh	2456	43A-892.11	Đà Nẵng	3456	38A-628.29	Hà Tĩnh
457	37K-371.65	Nghệ An	1457	38A-624.59	Hà Tĩnh	2457	43A-892.71	Đà Nẵng	3457	38A-629.59	Hà Tĩnh
458	37K-374.00	Nghệ An	1458	38A-624.89	Hà Tĩnh	2458	43A-893.06	Đà Nẵng	3458	38A-631.62	Hà Tĩnh
459	37K-376.96	Nghệ An	1459	38A-625.96	Hà Tĩnh	2459	43A-894.36	Đà Nẵng	3459	38A-632.76	Hà Tĩnh
460	37K-378.77	Nghệ An	1460	38A-628.35	Hà Tĩnh	2460	43A-895.19	Đà Nẵng	3460	38A-633.08	Hà Tĩnh
461	37K-380.06	Nghệ An	1461	38A-630.42	Hà Tĩnh	2461	47A-720.59	Đắk Lắk	3461	38A-635.59	Hà Tĩnh
462	37K-380.11	Nghệ An	1462	38A-632.41	Hà Tĩnh	2462	47A-725.36	Đắk Lắk	3462	38A-637.16	Hà Tĩnh
463	37K-380.81	Nghệ An	1463	38A-634.41	Hà Tĩnh	2463	47A-726.79	Đắk Lắk	3463	43A-879.11	Đà Nẵng
464	37K-381.25	Nghệ An	1464	38A-634.51	Hà Tĩnh	2464	47A-727.09	Đắk Lắk	3464	43A-879.18	Đà Nẵng
465	37K-381.34	Nghệ An	1465	38A-634.59	Hà Tĩnh	2465	47A-730.19	Đắk Lắk	3465	43A-879.25	Đà Nẵng
466	38A-623.24	Hà Tĩnh	1466	38A-635.19	Hà Tĩnh	2466	47A-730.87	Đắk Lắk	3466	43A-879.28	Đà Nẵng
467	38A-623.41	Hà Tĩnh	1467	38A-635.22	Hà Tĩnh	2467	47A-731.16	Đắk Lắk	3467	43A-880.18	Đà Nẵng
468	38A-623.86	Hà Tĩnh	1468	38A-636.96	Hà Tĩnh	2468	47A-731.92	Đắk Lắk	3468	43A-881.99	Đà Nẵng
469	38A-627.93	Hà Tĩnh	1469	38A-637.09	Hà Tĩnh	2469	47A-734.79	Đắk Lắk	3469	43A-886.08	Đà Nẵng
470	38A-628.80	Hà Tĩnh	1470	43A-878.16	Đà Nẵng	2470	47A-735.98	Đắk Lắk	3470	43A-886.25	Đà Nẵng
471	38A-628.81	Hà Tĩnh	1471	43A-878.65	Đà Nẵng	2471	47A-736.25	Đắk Lắk	3471	43A-886.85	Đà Nẵng
472	38A-628.99	Hà Tĩnh	1472	43A-883.86	Đà Nẵng	2472	47A-736.78	Đắk Lắk	3472	43A-887.58	Đà Nẵng
473	38A-629.22	Hà Tĩnh	1473	43A-887.98	Đà Nẵng	2473	47A-736.79	Đắk Lắk	3473	43A-891.08	Đà Nẵng
474	38A-630.20	Hà Tĩnh	1474	43A-890.25	Đà Nẵng	2474	47A-738.49	Đắk Lắk	3474	43A-892.65	Đà Nẵng
475	38A-633.09	Hà Tĩnh	1475	43A-891.73	Đà Nẵng	2475	47A-741.83	Đắk Lắk	3475	43A-893.18	Đà Nẵng
476	38A-634.28	Hà Tĩnh	1476	43A-892.27	Đà Nẵng	2476	47A-742.19	Đắk Lắk	3476	43A-893.81	Đà Nẵng
477	38A-634.80	Hà Tĩnh	1477	43A-892.79	Đà Nẵng	2477	47A-745.72	Đắk Lắk	3477	43A-895.60	Đà Nẵng
478	38A-634.98	Hà Tĩnh	1478	43A-895.85	Đà Nẵng	2478	47A-746.58	Đắk Lắk	3478	43A-898.11	Đà Nẵng
479	38A-636.09	Hà Tĩnh	1479	43A-896.59	Đà Nẵng	2479	47A-747.69	Đắk Lắk	3479	43C-305.36	Đà Nẵng
480	38A-637.38	Hà Tĩnh	1480	43A-897.58	Đà Nẵng	2480	47A-748.44	Đắk Lắk	3480	47A-723.44	Đắk Lắk
481	38C-228.60	Hà Tĩnh	1481	43A-898.56	Đà Nẵng	2481	47A-749.77	Đắk Lắk	3481	47A-723.56	Đắk Lắk
482	43A-878.14	Đà Nẵng	1482	47A-731.55	Đắk Lắk	2482	47A-750.19	Đắk Lắk	3482	47A-724.36	Đắk Lắk
483	43A-883.35	Đà Nẵng	1483	47A-732.70	Đắk Lắk	2483	47A-752.39	Đắk Lắk	3483	47A-730.09	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
484	43A-886.09	Đà Nẵng	1484	47A-732.85	Đắk Lắk	2484	47A-754.86	Đắk Lắk	3484	47A-730.99	Đắk Lắk
485	43A-886.39	Đà Nẵng	1485	47A-734.26	Đắk Lắk	2485	47A-755.89	Đắk Lắk	3485	47A-731.46	Đắk Lắk
486	43A-886.89	Đà Nẵng	1486	47A-734.58	Đắk Lắk	2486	47A-756.22	Đắk Lắk	3486	47A-732.08	Đắk Lắk
487	43A-890.39	Đà Nẵng	1487	47A-734.89	Đắk Lắk	2487	47A-756.39	Đắk Lắk	3487	47A-734.06	Đắk Lắk
488	43A-891.14	Đà Nẵng	1488	47A-737.06	Đắk Lắk	2488	47A-758.00	Đắk Lắk	3488	47A-734.38	Đắk Lắk
489	43A-892.44	Đà Nẵng	1489	47A-737.83	Đắk Lắk	2489	47A-759.11	Đắk Lắk	3489	47A-735.67	Đắk Lắk
490	43A-893.69	Đà Nẵng	1490	47A-739.60	Đắk Lắk	2490	47A-759.88	Đắk Lắk	3490	47A-736.35	Đắk Lắk
491	43A-893.77	Đà Nẵng	1491	47A-739.80	Đắk Lắk	2491	47C-360.44	Đắk Lắk	3491	47A-737.39	Đắk Lắk
492	43A-895.38	Đà Nẵng	1492	47A-740.19	Đắk Lắk	2492	47C-365.88	Đắk Lắk	3492	47A-738.69	Đắk Lắk
493	43A-898.25	Đà Nẵng	1493	47A-741.65	Đắk Lắk	2493	47C-367.99	Đắk Lắk	3493	47A-740.68	Đắk Lắk
494	47A-720.44	Đắk Lắk	1494	47A-742.98	Đắk Lắk	2494	47C-372.28	Đắk Lắk	3494	47A-740.78	Đắk Lắk
495	47A-720.66	Đắk Lắk	1495	47A-743.96	Đắk Lắk	2495	47C-372.29	Đắk Lắk	3495	47A-741.00	Đắk Lắk
496	47A-724.88	Đắk Lắk	1496	47A-746.55	Đắk Lắk	2496	47C-373.65	Đắk Lắk	3496	47A-741.69	Đắk Lắk
497	47A-725.58	Đắk Lắk	1497	47A-746.79	Đắk Lắk	2497	47C-373.66	Đắk Lắk	3497	47A-742.69	Đắk Lắk
498	47A-729.58	Đắk Lắk	1498	47A-747.39	Đắk Lắk	2498	47C-374.02	Đắk Lắk	3498	47A-744.62	Đắk Lắk
499	47A-729.68	Đắk Lắk	1499	47A-747.97	Đắk Lắk	2499	47C-374.11	Đắk Lắk	3499	47A-749.06	Đắk Lắk
500	47A-731.38	Đắk Lắk	1500	47A-750.60	Đắk Lắk	2500	49A-696.34	Lâm Đồng	3500	47A-749.32	Đắk Lắk
501	47A-731.69	Đắk Lắk	1501	47A-751.06	Đắk Lắk	2501	49A-697.10	Lâm Đồng	3501	47A-752.53	Đắk Lắk
502	47A-731.88	Đắk Lắk	1502	47A-751.25	Đắk Lắk	2502	49A-699.63	Lâm Đồng	3502	47A-753.29	Đắk Lắk
503	47A-732.49	Đắk Lắk	1503	47A-751.55	Đắk Lắk	2503	49A-701.12	Lâm Đồng	3503	47A-755.28	Đắk Lắk
504	47A-735.02	Đắk Lắk	1504	47A-752.12	Đắk Lắk	2504	49A-701.78	Lâm Đồng	3504	47C-357.68	Đắk Lắk
505	47A-736.26	Đắk Lắk	1505	47A-752.38	Đắk Lắk	2505	49A-701.99	Lâm Đồng	3505	47C-358.44	Đắk Lắk
506	47A-737.66	Đắk Lắk	1506	47A-752.54	Đắk Lắk	2506	49A-705.39	Lâm Đồng	3506	47C-364.79	Đắk Lắk
507	47A-739.58	Đắk Lắk	1507	47A-753.15	Đắk Lắk	2507	49A-705.86	Lâm Đồng	3507	47C-370.11	Đắk Lắk
508	47A-740.54	Đắk Lắk	1508	47A-754.66	Đắk Lắk	2508	49A-705.88	Lâm Đồng	3508	47C-370.60	Đắk Lắk
509	47A-740.86	Đắk Lắk	1509	47A-758.98	Đắk Lắk	2509	49A-707.15	Lâm Đồng	3509	47C-370.68	Đắk Lắk
510	47A-741.66	Đắk Lắk	1510	47A-759.19	Đắk Lắk	2510	49A-707.33	Lâm Đồng	3510	47C-370.96	Đắk Lắk
511	47A-743.59	Đắk Lắk	1511	47C-363.09	Đắk Lắk	2511	49A-707.95	Lâm Đồng	3511	47C-372.00	Đắk Lắk
512	47A-744.29	Đắk Lắk	1512	47C-367.86	Đắk Lắk	2512	49A-708.32	Lâm Đồng	3512	47C-374.06	Đắk Lắk
513	47A-748.26	Đắk Lắk	1513	47C-369.88	Đắk Lắk	2513	49C-365.71	Lâm Đồng	3513	47C-374.69	Đắk Lắk
514	47A-749.39	Đắk Lắk	1514	47C-370.79	Đắk Lắk	2514	49C-365.97	Lâm Đồng	3514	49A-695.72	Lâm Đồng
515	47A-750.22	Đắk Lắk	1515	47C-371.61	Đắk Lắk	2515	49C-366.14	Lâm Đồng	3515	49A-703.86	Lâm Đồng
516	47A-751.33	Đắk Lắk	1516	47C-372.58	Đắk Lắk	2516	49C-367.02	Lâm Đồng	3516	49A-704.69	Lâm Đồng
517	47A-751.35	Đắk Lắk	1517	47C-372.79	Đắk Lắk	2517	49D-011.83	Lâm Đồng	3517	49A-704.86	Lâm Đồng
518	47A-754.65	Đắk Lắk	1518	47C-372.86	Đắk Lắk	2518	51M-004.58	Hồ Chí Minh	3518	49C-365.90	Lâm Đồng
519	47A-754.83	Đắk Lắk	1519	47C-374.85	Đắk Lắk	2519	51M-005.56	Hồ Chí Minh	3519	49C-366.35	Lâm Đồng
520	47A-754.97	Đắk Lắk	1520	47C-375.28	Đắk Lắk	2520	51M-007.68	Hồ Chí Minh	3520	49C-367.83	Lâm Đồng
521	47A-756.08	Đắk Lắk	1521	49A-697.00	Lâm Đồng	2521	51M-007.92	Hồ Chí Minh	3521	51M-007.65	Hồ Chí Minh
522	47A-756.37	Đắk Lắk	1522	49A-699.58	Lâm Đồng	2522	51M-008.44	Hồ Chí Minh	3522	60C-717.75	Đồng Nai
523	47A-757.00	Đắk Lắk	1523	49A-699.85	Lâm Đồng	2523	51M-008.49	Hồ Chí Minh	3523	60C-717.93	Đồng Nai
524	47A-758.38	Đắk Lắk	1524	49A-701.29	Lâm Đồng	2524	60C-720.07	Đồng Nai	3524	60C-718.15	Đồng Nai
525	47A-759.20	Đắk Lắk	1525	49A-702.39	Lâm Đồng	2525	60C-720.55	Đồng Nai	3525	60C-718.44	Đồng Nai
526	47A-759.43	Đắk Lắk	1526	49A-705.65	Lâm Đồng	2526	60C-720.94	Đồng Nai	3526	60C-718.96	Đồng Nai
527	47C-361.33	Đắk Lắk	1527	49A-705.89	Lâm Đồng	2527	60C-722.50	Đồng Nai	3527	60C-719.06	Đồng Nai
528	47C-364.11	Đắk Lắk	1528	49A-706.14	Lâm Đồng	2528	60C-723.25	Đồng Nai	3528	60C-723.22	Đồng Nai
529	47C-364.33	Đắk Lắk	1529	49A-707.36	Lâm Đồng	2529	60C-724.84	Đồng Nai	3529	60C-724.90	Đồng Nai
530	47C-364.68	Đắk Lắk	1530	49A-708.06	Lâm Đồng	2530	60C-726.59	Đồng Nai	3530	60C-725.79	Đồng Nai
531	47C-371.06	Đắk Lắk	1531	49C-368.49	Lâm Đồng	2531	60C-726.95	Đồng Nai	3531	60C-727.26	Đồng Nai
532	47C-373.28	Đắk Lắk	1532	49D-012.06	Lâm Đồng	2532	60K-502.98	Đồng Nai	3532	60C-727.50	Đồng Nai
533	49A-696.01	Lâm Đồng	1533	51M-004.35	Hồ Chí Minh	2533	60K-503.02	Đồng Nai	3533	60K-501.06	Đồng Nai
534	49A-700.76	Lâm Đồng	1534	51M-006.91	Hồ Chí Minh	2534	60K-503.11	Đồng Nai	3534	60K-503.63	Đồng Nai
535	49A-701.36	Lâm Đồng	1535	51M-007.28	Hồ Chí Minh	2535	60K-503.37	Đồng Nai	3535	60K-504.83	Đồng Nai
536	49A-701.66	Lâm Đồng	1536	51M-007.35	Hồ Chí Minh	2536	60K-504.48	Đồng Nai	3536	60K-507.94	Đồng Nai
537	49A-701.69	Lâm Đồng	1537	60C-717.68	Đồng Nai	2537	60K-504.96	Đồng Nai	3537	60K-507.98	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
538	49A-702.38	Lâm Đồng	1538	60C-719.77	Đồng Nai	2538	60K-505.33	Đồng Nai	3538	60K-508.66	Đồng Nai
539	49A-702.66	Lâm Đồng	1539	60C-720.06	Đồng Nai	2539	60K-505.62	Đồng Nai	3539	60K-509.15	Đồng Nai
540	49A-702.79	Lâm Đồng	1540	60C-720.62	Đồng Nai	2540	60K-506.49	Đồng Nai	3540	60K-509.25	Đồng Nai
541	49A-702.88	Lâm Đồng	1541	60C-721.18	Đồng Nai	2541	60K-507.00	Đồng Nai	3541	60K-511.08	Đồng Nai
542	49A-703.34	Lâm Đồng	1542	60C-721.25	Đồng Nai	2542	60K-508.79	Đồng Nai	3542	60K-513.73	Đồng Nai
543	49A-704.25	Lâm Đồng	1543	60C-721.49	Đồng Nai	2543	60K-510.38	Đồng Nai	3543	60K-513.83	Đồng Nai
544	49A-706.54	Lâm Đồng	1544	60C-722.35	Đồng Nai	2544	60K-510.86	Đồng Nai	3544	60K-513.98	Đồng Nai
545	49A-706.96	Lâm Đồng	1545	60C-724.70	Đồng Nai	2545	60K-511.28	Đồng Nai	3545	60K-514.09	Đồng Nai
546	49C-366.89	Lâm Đồng	1546	60C-727.89	Đồng Nai	2546	60K-514.34	Đồng Nai	3546	60K-514.93	Đồng Nai
547	49C-366.94	Lâm Đồng	1547	60K-502.16	Đồng Nai	2547	60K-515.86	Đồng Nai	3547	60K-515.08	Đồng Nai
548	49D-012.04	Lâm Đồng	1548	60K-503.09	Đồng Nai	2548	60K-516.35	Đồng Nai	3548	60K-515.83	Đồng Nai
549	51M-004.59	Hồ Chí Minh	1549	60K-503.16	Đồng Nai	2549	60K-517.86	Đồng Nai	3549	60K-520.19	Đồng Nai
550	51M-005.26	Hồ Chí Minh	1550	60K-503.89	Đồng Nai	2550	60K-518.35	Đồng Nai	3550	60K-521.15	Đồng Nai
551	51M-007.66	Hồ Chí Minh	1551	60K-504.06	Đồng Nai	2551	60K-518.85	Đồng Nai	3551	60K-521.49	Đồng Nai
552	60C-717.90	Đồng Nai	1552	60K-504.68	Đồng Nai	2552	60K-521.86	Đồng Nai	3552	60K-521.98	Đồng Nai
553	60C-718.04	Đồng Nai	1553	60K-505.21	Đồng Nai	2553	60K-522.85	Đồng Nai	3553	60K-522.26	Đồng Nai
554	60C-719.09	Đồng Nai	1554	60K-506.01	Đồng Nai	2554	60K-523.18	Đồng Nai	3554	60K-522.93	Đồng Nai
555	60C-719.28	Đồng Nai	1555	60K-509.00	Đồng Nai	2555	60K-523.68	Đồng Nai	3555	60K-523.29	Đồng Nai
556	60C-723.08	Đồng Nai	1556	60K-510.28	Đồng Nai	2556	60K-523.95	Đồng Nai	3556	60K-523.99	Đồng Nai
557	60C-723.16	Đồng Nai	1557	60K-511.60	Đồng Nai	2557	60K-524.22	Đồng Nai	3557	60K-527.78	Đồng Nai
558	60C-724.17	Đồng Nai	1558	60K-513.29	Đồng Nai	2558	60K-526.70	Đồng Nai	3558	60K-529.11	Đồng Nai
559	60C-724.55	Đồng Nai	1559	60K-513.30	Đồng Nai	2559	60K-528.26	Đồng Nai	3559	60K-529.79	Đồng Nai
560	60C-727.29	Đồng Nai	1560	60K-517.22	Đồng Nai	2560	60K-528.36	Đồng Nai	3560	60K-530.36	Đồng Nai
561	60K-501.40	Đồng Nai	1561	60K-518.20	Đồng Nai	2561	60K-529.49	Đồng Nai	3561	60K-534.88	Đồng Nai
562	60K-502.18	Đồng Nai	1562	60K-522.73	Đồng Nai	2562	60K-530.44	Đồng Nai	3562	60K-534.99	Đồng Nai
563	60K-502.51	Đồng Nai	1563	60K-525.18	Đồng Nai	2563	60K-533.24	Đồng Nai	3563	60K-535.11	Đồng Nai
564	60K-502.59	Đồng Nai	1564	60K-525.58	Đồng Nai	2564	60K-533.39	Đồng Nai	3564	60K-535.36	Đồng Nai
565	60K-503.29	Đồng Nai	1565	60K-526.01	Đồng Nai	2565	60K-535.89	Đồng Nai	3565	60K-535.39	Đồng Nai
566	60K-503.96	Đồng Nai	1566	60K-526.63	Đồng Nai	2566	60K-538.61	Đồng Nai	3566	60K-535.83	Đồng Nai
567	60K-504.55	Đồng Nai	1567	60K-527.04	Đồng Nai	2567	60K-540.34	Đồng Nai	3567	60K-536.17	Đồng Nai
568	60K-505.26	Đồng Nai	1568	60K-530.28	Đồng Nai	2568	60K-541.83	Đồng Nai	3568	60K-536.58	Đồng Nai
569	60K-505.92	Đồng Nai	1569	60K-532.16	Đồng Nai	2569	60K-542.11	Đồng Nai	3569	60K-536.59	Đồng Nai
570	60K-506.25	Đồng Nai	1570	60K-532.89	Đồng Nai	2570	60K-542.15	Đồng Nai	3570	60K-536.89	Đồng Nai
571	60K-508.93	Đồng Nai	1571	60K-534.62	Đồng Nai	2571	60K-542.25	Đồng Nai	3571	60K-537.95	Đồng Nai
572	60K-509.33	Đồng Nai	1572	60K-535.93	Đồng Nai	2572	61C-582.64	Bình Dương	3572	60K-539.25	Đồng Nai
573	60K-510.56	Đồng Nai	1573	60K-536.04	Đồng Nai	2573	61C-583.11	Bình Dương	3573	60K-540.01	Đồng Nai
574	60K-511.68	Đồng Nai	1574	60K-537.83	Đồng Nai	2574	61C-584.59	Bình Dương	3574	60K-541.26	Đồng Nai
575	60K-512.30	Đồng Nai	1575	60K-538.69	Đồng Nai	2575	61C-584.86	Bình Dương	3575	60K-541.42	Đồng Nai
576	60K-513.63	Đồng Nai	1576	60K-540.46	Đồng Nai	2576	61C-585.44	Bình Dương	3576	60K-542.72	Đồng Nai
577	60K-513.65	Đồng Nai	1577	60K-540.61	Đồng Nai	2577	61C-585.83	Bình Dương	3577	60K-542.85	Đồng Nai
578	60K-514.72	Đồng Nai	1578	60K-540.87	Đồng Nai	2578	61C-586.00	Bình Dương	3578	60K-543.27	Đồng Nai
579	60K-515.59	Đồng Nai	1579	61C-582.07	Bình Dương	2579	61C-586.17	Bình Dương	3579	61C-581.99	Bình Dương
580	60K-520.69	Đồng Nai	1580	61C-583.13	Bình Dương	2580	61K-408.85	Bình Dương	3580	61C-582.29	Bình Dương
581	60K-522.38	Đồng Nai	1581	61C-586.14	Bình Dương	2581	61K-409.51	Bình Dương	3581	61C-582.77	Bình Dương
582	60K-522.51	Đồng Nai	1582	61C-587.22	Bình Dương	2582	61K-409.63	Bình Dương	3582	61C-582.86	Bình Dương
583	60K-522.84	Đồng Nai	1583	61C-587.96	Bình Dương	2583	61K-410.52	Bình Dương	3583	61C-584.55	Bình Dương
584	60K-523.88	Đồng Nai	1584	61K-409.11	Bình Dương	2584	61K-413.00	Bình Dương	3584	61C-586.11	Bình Dương
585	60K-524.36	Đồng Nai	1585	61K-409.81	Bình Dương	2585	61K-413.79	Bình Dương	3585	61D-019.26	Bình Dương
586	60K-525.01	Đồng Nai	1586	61K-410.75	Bình Dương	2586	61K-414.64	Bình Dương	3586	61D-019.33	Bình Dương
587	60K-527.41	Đồng Nai	1587	61K-410.94	Bình Dương	2587	61K-416.17	Bình Dương	3587	61K-413.05	Bình Dương
588	60K-527.99	Đồng Nai	1588	61K-411.95	Bình Dương	2588	61K-416.18	Bình Dương	3588	61K-415.39	Bình Dương
589	60K-528.17	Đồng Nai	1589	61K-411.97	Bình Dương	2589	61K-417.15	Bình Dương	3589	61K-416.15	Bình Dương
590	60K-530.89	Đồng Nai	1590	61K-412.83	Bình Dương	2590	61K-419.53	Bình Dương	3590	61K-417.44	Bình Dương
591	60K-532.00	Đồng Nai	1591	61K-414.58	Bình Dương	2591	61K-420.19	Bình Dương	3591	61K-420.08	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
592	60K-532.83	Đồng Nai	1592	61K-415.18	Bình Dương	2592	61K-422.04	Bình Dương	3592	61K-421.89	Bình Dương
593	60K-532.96	Đồng Nai	1593	61K-419.28	Bình Dương	2593	61K-424.11	Bình Dương	3593	61K-428.44	Bình Dương
594	60K-534.29	Đồng Nai	1594	61K-419.37	Bình Dương	2594	61K-424.39	Bình Dương	3594	61K-428.59	Bình Dương
595	60K-537.25	Đồng Nai	1595	61K-420.35	Bình Dương	2595	61K-425.06	Bình Dương	3595	61K-429.01	Bình Dương
596	60K-537.29	Đồng Nai	1596	61K-420.95	Bình Dương	2596	61K-425.16	Bình Dương	3596	61K-429.39	Bình Dương
597	60K-538.34	Đồng Nai	1597	61K-421.31	Bình Dương	2597	61K-427.98	Bình Dương	3597	61K-431.00	Bình Dương
598	60K-538.65	Đồng Nai	1598	61K-421.76	Bình Dương	2598	61K-429.27	Bình Dương	3598	61K-431.48	Bình Dương
599	60K-541.08	Đồng Nai	1599	61K-422.02	Bình Dương	2599	61K-429.44	Bình Dương	3599	61K-432.07	Bình Dương
600	60K-541.36	Đồng Nai	1600	61K-422.28	Bình Dương	2600	61K-433.36	Bình Dương	3600	61K-432.40	Bình Dương
601	60K-542.55	Đồng Nai	1601	61K-430.16	Bình Dương	2601	61K-434.79	Bình Dương	3601	61K-433.58	Bình Dương
602	60K-542.80	Đồng Nai	1602	61K-431.59	Bình Dương	2602	61K-436.38	Bình Dương	3602	61K-434.58	Bình Dương
603	60K-542.88	Đồng Nai	1603	61K-431.69	Bình Dương	2603	61K-438.35	Bình Dương	3603	61K-435.08	Bình Dương
604	61C-581.95	Bình Dương	1604	61K-431.96	Bình Dương	2604	61K-439.08	Bình Dương	3604	61K-436.17	Bình Dương
605	61C-582.14	Bình Dương	1605	61K-433.25	Bình Dương	2605	61K-439.23	Bình Dương	3605	61K-437.07	Bình Dương
606	61C-584.15	Bình Dương	1606	61K-433.35	Bình Dương	2606	61K-439.38	Bình Dương	3606	61K-437.25	Bình Dương
607	61C-585.89	Bình Dương	1607	61K-433.64	Bình Dương	2607	61K-439.86	Bình Dương	3607	61K-438.39	Bình Dương
608	61D-018.95	Bình Dương	1608	61K-433.68	Bình Dương	2608	61K-440.15	Bình Dương	3608	61K-438.59	Bình Dương
609	61D-019.00	Bình Dương	1609	61K-433.96	Bình Dương	2609	62A-439.28	Long An	3609	61K-440.26	Bình Dương
610	61K-409.39	Bình Dương	1610	61K-438.98	Bình Dương	2610	62A-439.89	Long An	3610	61K-441.22	Bình Dương
611	61K-409.44	Bình Dương	1611	61K-439.29	Bình Dương	2611	62A-440.55	Long An	3611	62A-440.66	Long An
612	61K-410.29	Bình Dương	1612	61K-439.61	Bình Dương	2612	62A-441.83	Long An	3612	62A-441.25	Long An
613	61K-410.79	Bình Dương	1613	61K-440.03	Bình Dương	2613	62A-442.32	Long An	3613	62A-442.00	Long An
614	61K-414.19	Bình Dương	1614	61K-440.88	Bình Dương	2614	62A-443.36	Long An	3614	62A-443.69	Long An
615	61K-414.28	Bình Dương	1615	62A-438.95	Long An	2615	62A-444.85	Long An	3615	62A-443.95	Long An
616	61K-414.59	Bình Dương	1616	62A-442.65	Long An	2616	62A-445.68	Long An	3616	62A-445.38	Long An
617	61K-415.89	Bình Dương	1617	62A-443.54	Long An	2617	62A-445.97	Long An	3617	62A-446.29	Long An
618	61K-417.84	Bình Dương	1618	62A-445.06	Long An	2618	62A-446.79	Long An	3618	62A-447.08	Long An
619	61K-419.83	Bình Dương	1619	62A-445.65	Long An	2619	62A-449.27	Long An	3619	62A-448.57	Long An
620	61K-420.81	Bình Dương	1620	62A-446.06	Long An	2620	62C-203.99	Long An	3620	62C-196.38	Long An
621	61K-421.02	Bình Dương	1621	62A-446.55	Long An	2621	62C-208.36	Long An	3621	62C-198.11	Long An
622	61K-422.87	Bình Dương	1622	62A-446.96	Long An	2622	63A-304.05	Tiền Giang	3622	62C-198.39	Long An
623	61K-425.88	Bình Dương	1623	62A-447.65	Long An	2623	63A-306.00	Tiền Giang	3623	62C-203.16	Long An
624	61K-426.65	Bình Dương	1624	62A-447.76	Long An	2624	63A-306.19	Tiền Giang	3624	62C-203.56	Long An
625	61K-429.11	Bình Dương	1625	62A-447.85	Long An	2625	63C-209.58	Tiền Giang	3625	62C-205.89	Long An
626	61K-431.26	Bình Dương	1626	62A-448.00	Long An	2626	63C-209.77	Tiền Giang	3626	62C-207.39	Long An
627	61K-431.39	Bình Dương	1627	62A-448.36	Long An	2627	63C-212.88	Tiền Giang	3627	62C-207.88	Long An
628	61K-433.53	Bình Dương	1628	62A-448.85	Long An	2628	63C-216.35	Tiền Giang	3628	62C-209.58	Long An
629	61K-433.86	Bình Dương	1629	62B-028.19	Long An	2629	63C-216.51	Tiền Giang	3629	63A-302.58	Tiền Giang
630	61K-436.58	Bình Dương	1630	62C-195.69	Long An	2630	63C-219.22	Tiền Giang	3630	63A-305.15	Tiền Giang
631	61K-437.22	Bình Dương	1631	62C-198.58	Long An	2631	64C-116.56	Vĩnh Long	3631	63A-305.94	Tiền Giang
632	61K-441.08	Bình Dương	1632	62C-201.55	Long An	2632	64C-120.89	Vĩnh Long	3632	63B-029.89	Tiền Giang
633	62A-439.49	Long An	1633	62C-203.36	Long An	2633	65A-457.38	Cần Thơ	3633	63C-216.85	Tiền Giang
634	62A-440.65	Long An	1634	62C-203.77	Long An	2634	65A-458.55	Cần Thơ	3634	63C-216.90	Tiền Giang
635	62A-441.29	Long An	1635	62C-205.19	Long An	2635	65A-460.69	Cần Thơ	3635	63C-219.33	Tiền Giang
636	62A-441.66	Long An	1636	62C-207.06	Long An	2636	65A-463.99	Cần Thơ	3636	63C-219.63	Tiền Giang
637	62A-442.56	Long An	1637	62C-207.36	Long An	2637	65A-464.86	Cần Thơ	3637	64A-192.95	Vĩnh Long
638	62A-446.58	Long An	1638	62C-209.11	Long An	2638	65A-472.06	Cần Thơ	3638	64C-115.18	Vĩnh Long
639	62A-447.98	Long An	1639	62C-209.59	Long An	2639	65A-473.36	Cần Thơ	3639	64C-121.26	Vĩnh Long
640	62A-448.50	Long An	1640	62C-209.89	Long An	2640	65A-474.22	Cần Thơ	3640	64D-002.66	Vĩnh Long
641	62A-448.56	Long An	1641	62C-210.62	Long An	2641	65A-474.33	Cần Thơ	3641	64D-002.70	Vĩnh Long
642	62A-449.23	Long An	1642	63A-301.95	Tiền Giang	2642	65A-475.00	Cần Thơ	3642	65A-459.38	Cần Thơ
643	62A-449.26	Long An	1643	63A-302.25	Tiền Giang	2643	65A-476.79	Cần Thơ	3643	65A-469.19	Cần Thơ
644	62C-196.36	Long An	1644	63A-302.56	Tiền Giang	2644	65A-480.16	Cần Thơ	3644	65A-476.11	Cần Thơ
645	62C-196.44	Long An	1645	63A-305.42	Tiền Giang	2645	65A-483.66	Cần Thơ	3645	65A-477.56	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
646	62C-202.55	Long An	1646	63A-306.37	Tiền Giang	2646	65A-484.66	Cần Thơ	3646	65A-478.08	Cần Thơ
647	62C-204.56	Long An	1647	63C-209.56	Tiền Giang	2647	65A-489.33	Cần Thơ	3647	65A-482.77	Cần Thơ
648	62C-206.16	Long An	1648	63C-210.58	Tiền Giang	2648	65A-489.88	Cần Thơ	3648	65A-483.36	Cần Thơ
649	62C-209.33	Long An	1649	63C-211.38	Tiền Giang	2649	65A-490.66	Cần Thơ	3649	65A-484.11	Cần Thơ
650	62C-210.68	Long An	1650	63C-213.08	Tiền Giang	2650	65C-216.19	Cần Thơ	3650	65A-484.88	Cần Thơ
651	63A-303.27	Tiền Giang	1651	63C-214.09	Tiền Giang	2651	65C-216.44	Cần Thơ	3651	65A-487.38	Cần Thơ
652	63A-303.72	Tiền Giang	1652	63C-218.26	Tiền Giang	2652	65C-216.59	Cần Thơ	3652	65A-488.39	Cần Thơ
653	63A-305.89	Tiền Giang	1653	63C-218.48	Tiền Giang	2653	65C-219.11	Cần Thơ	3653	65C-215.44	Cần Thơ
654	63C-212.11	Tiền Giang	1654	64A-192.76	Vĩnh Long	2654	66A-279.11	Đồng Tháp	3654	65C-216.55	Cần Thơ
655	63C-218.11	Tiền Giang	1655	64A-193.16	Vĩnh Long	2655	66A-279.18	Đồng Tháp	3655	65C-216.89	Cần Thơ
656	63C-218.90	Tiền Giang	1656	65A-457.36	Cần Thơ	2656	66A-280.68	Đồng Tháp	3656	65C-218.33	Cần Thơ
657	64A-193.18	Vĩnh Long	1657	65A-457.58	Cần Thơ	2657	66A-280.99	Đồng Tháp	3657	65C-223.18	Cần Thơ
658	64A-193.82	Vĩnh Long	1658	65A-461.08	Cần Thơ	2658	66A-282.00	Đồng Tháp	3658	65C-225.11	Cần Thơ
659	64C-117.18	Vĩnh Long	1659	65A-461.18	Cần Thơ	2659	66A-283.94	Đồng Tháp	3659	65D-006.11	Cần Thơ
660	64C-120.03	Vĩnh Long	1660	65A-461.22	Cần Thơ	2660	66A-284.46	Đồng Tháp	3660	66A-278.39	Đồng Tháp
661	64D-002.46	Vĩnh Long	1661	65A-465.33	Cần Thơ	2661	66A-285.23	Đồng Tháp	3661	66A-282.18	Đồng Tháp
662	65A-457.88	Cần Thơ	1662	65A-473.08	Cần Thơ	2662	66A-287.34	Đồng Tháp	3662	66A-286.19	Đồng Tháp
663	65A-460.86	Cần Thơ	1663	65A-475.09	Cần Thơ	2663	66C-174.16	Đồng Tháp	3663	66A-286.44	Đồng Tháp
664	65A-464.39	Cần Thơ	1664	65A-476.88	Cần Thơ	2664	66C-174.90	Đồng Tháp	3664	66A-287.30	Đồng Tháp
665	65A-465.36	Cần Thơ	1665	65A-478.16	Cần Thơ	2665	66C-174.98	Đồng Tháp	3665	67A-308.98	An Giang
666	65A-466.08	Cần Thơ	1666	65A-478.38	Cần Thơ	2666	66C-175.16	Đồng Tháp	3666	67A-311.16	An Giang
667	65A-466.56	Cần Thơ	1667	65A-478.56	Cần Thơ	2667	66C-176.24	Đồng Tháp	3667	67A-313.57	An Giang
668	65A-471.86	Cần Thơ	1668	65A-480.77	Cần Thơ	2668	66C-177.18	Đồng Tháp	3668	67A-313.59	An Giang
669	65A-472.00	Cần Thơ	1669	65A-481.89	Cần Thơ	2669	67A-306.69	An Giang	3669	67C-180.40	An Giang
670	65A-475.69	Cần Thơ	1670	65A-483.88	Cần Thơ	2670	67A-307.93	An Giang	3670	68A-345.74	Kiên Giang
671	65A-476.59	Cần Thơ	1671	65A-486.06	Cần Thơ	2671	67A-308.27	An Giang	3671	68A-346.16	Kiên Giang
672	65A-479.39	Cần Thơ	1672	65A-488.38	Cần Thơ	2672	67A-308.44	An Giang	3672	68A-348.55	Kiên Giang
673	65A-480.33	Cần Thơ	1673	65C-212.38	Cần Thơ	2673	67A-310.29	An Giang	3673	68A-348.76	Kiên Giang
674	65A-486.89	Cần Thơ	1674	65C-212.58	Cần Thơ	2674	67A-310.57	An Giang	3674	68A-349.33	Kiên Giang
675	65A-487.22	Cần Thơ	1675	65C-217.68	Cần Thơ	2675	67A-312.26	An Giang	3675	68A-349.91	Kiên Giang
676	65C-212.55	Cần Thơ	1676	65C-224.39	Cần Thơ	2676	67A-312.73	An Giang	3676	68A-350.28	Kiên Giang
677	65C-212.79	Cần Thơ	1677	65C-225.88	Cần Thơ	2677	67A-313.55	An Giang	3677	68A-350.66	Kiên Giang
678	65C-213.38	Cần Thơ	1678	66A-280.83	Đồng Tháp	2678	67A-313.96	An Giang	3678	68C-169.19	Kiên Giang
679	65C-215.11	Cần Thơ	1679	66A-285.18	Đồng Tháp	2679	67A-314.22	An Giang	3679	68C-170.48	Kiên Giang
680	65C-216.77	Cần Thơ	1680	66A-285.59	Đồng Tháp	2680	67A-314.49	An Giang	3680	69A-162.06	Cà Mau
681	65C-218.56	Cần Thơ	1681	66C-175.89	Đồng Tháp	2681	67C-179.77	An Giang	3681	69A-162.08	Cà Mau
682	65C-219.00	Cần Thơ	1682	67A-306.18	An Giang	2682	67C-181.26	An Giang	3682	69A-162.42	Cà Mau
683	65C-219.33	Cần Thơ	1683	67A-307.14	An Giang	2683	67C-182.23	An Giang	3683	69C-099.36	Cà Mau
684	65C-225.36	Cần Thơ	1684	67A-308.19	An Giang	2684	68A-341.16	Kiên Giang	3684	70A-546.00	Tây Ninh
685	66A-277.85	Đồng Tháp	1685	67A-308.77	An Giang	2685	68A-345.79	Kiên Giang	3685	70A-546.22	Tây Ninh
686	66A-279.36	Đồng Tháp	1686	67A-309.08	An Giang	2686	68A-348.10	Kiên Giang	3686	70A-547.26	Tây Ninh
687	66A-281.29	Đồng Tháp	1687	67A-310.50	An Giang	2687	68A-348.97	Kiên Giang	3687	70A-548.46	Tây Ninh
688	66A-283.35	Đồng Tháp	1688	67A-311.38	An Giang	2688	68A-349.83	Kiên Giang	3688	70A-549.00	Tây Ninh
689	66A-286.06	Đồng Tháp	1689	67A-311.78	An Giang	2689	68A-350.04	Kiên Giang	3689	70A-549.87	Tây Ninh
690	66A-287.08	Đồng Tháp	1690	67A-313.94	An Giang	2690	68A-351.06	Kiên Giang	3690	70A-553.15	Tây Ninh
691	66A-287.44	Đồng Tháp	1691	67C-178.19	An Giang	2691	68A-351.16	Kiên Giang	3691	70A-553.86	Tây Ninh
692	66C-174.07	Đồng Tháp	1692	67C-180.86	An Giang	2692	68C-169.28	Kiên Giang	3692	70A-554.69	Tây Ninh
693	66C-176.09	Đồng Tháp	1693	67C-181.29	An Giang	2693	68C-172.06	Kiên Giang	3693	70B-030.82	Tây Ninh
694	67A-305.91	An Giang	1694	67C-181.46	An Giang	2694	70A-543.44	Tây Ninh	3694	70B-030.94	Tây Ninh
695	67A-306.36	An Giang	1695	67C-183.10	An Giang	2695	70A-543.94	Tây Ninh	3695	70B-031.00	Tây Ninh
696	67A-306.56	An Giang	1696	68A-344.63	Kiên Giang	2696	70A-546.69	Tây Ninh	3696	70C-198.99	Tây Ninh
697	67A-307.48	An Giang	1697	68A-344.65	Kiên Giang	2697	70A-546.96	Tây Ninh	3697	70C-204.36	Tây Ninh
698	67A-308.60	An Giang	1698	68A-345.24	Kiên Giang	2698	70A-546.98	Tây Ninh	3698	70C-204.79	Tây Ninh
699	67A-308.84	An Giang	1699	68A-345.82	Kiên Giang	2699	70A-547.23	Tây Ninh	3699	70C-205.16	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
700	67A-310.22	An Giang	1700	68A-346.69	Kiên Giang	2700	70A-548.36	Tây Ninh	3700	70C-206.55	Tây Ninh
701	67A-311.69	An Giang	1701	68A-347.44	Kiên Giang	2701	70A-548.96	Tây Ninh	3701	70D-008.03	Tây Ninh
702	67A-313.08	An Giang	1702	68A-347.87	Kiên Giang	2702	70A-551.25	Tây Ninh	3702	71A-199.59	Bến Tre
703	67A-313.15	An Giang	1703	68A-348.11	Kiên Giang	2703	70A-551.35	Tây Ninh	3703	71A-199.74	Bến Tre
704	67A-313.44	An Giang	1704	68A-349.06	Kiên Giang	2704	70A-552.56	Tây Ninh	3704	71A-201.44	Bến Tre
705	67A-314.28	An Giang	1705	68A-349.14	Kiên Giang	2705	70C-205.86	Tây Ninh	3705	72A-788.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
706	67C-177.58	An Giang	1706	68A-349.65	Kiên Giang	2706	70C-208.09	Tây Ninh	3706	72A-788.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
707	67C-178.11	An Giang	1707	68A-350.36	Kiên Giang	2707	70C-208.59	Tây Ninh	3707	72A-789.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
708	67C-180.22	An Giang	1708	68A-350.85	Kiên Giang	2708	70C-209.66	Tây Ninh	3708	72A-790.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
709	67C-182.66	An Giang	1709	68A-351.00	Kiên Giang	2709	70D-008.02	Tây Ninh	3709	72A-791.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
710	68A-342.38	Kiên Giang	1710	68C-170.25	Kiên Giang	2710	71A-198.39	Bến Tre	3710	72A-793.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
711	68A-342.39	Kiên Giang	1711	68C-172.15	Kiên Giang	2711	71A-198.44	Bến Tre	3711	72A-794.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
712	68A-342.68	Kiên Giang	1712	69C-099.69	Cà Mau	2712	71A-199.56	Bến Tre	3712	72A-796.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
713	68A-344.16	Kiên Giang	1713	69C-100.86	Cà Mau	2713	71A-201.88	Bến Tre	3713	72A-797.73	Bà Rịa - Vũng Tàu
714	68A-346.77	Kiên Giang	1714	70A-545.22	Tây Ninh	2714	72A-788.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3714	72A-798.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
715	68A-346.98	Kiên Giang	1715	70A-545.84	Tây Ninh	2715	72A-788.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3715	72A-798.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
716	68A-347.33	Kiên Giang	1716	70A-548.66	Tây Ninh	2716	72A-788.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	3716	72A-798.70	Bà Rịa - Vũng Tàu
717	68A-347.56	Kiên Giang	1717	70A-549.26	Tây Ninh	2717	72A-788.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	3717	72A-799.74	Bà Rịa - Vũng Tàu
718	68C-169.62	Kiên Giang	1718	70A-549.39	Tây Ninh	2718	72A-789.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3718	72A-800.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
719	68C-171.83	Kiên Giang	1719	70A-551.28	Tây Ninh	2719	72A-790.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	3719	72A-801.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
720	69A-162.19	Cà Mau	1720	70A-551.39	Tây Ninh	2720	72A-790.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	3720	72A-803.14	Bà Rịa - Vũng Tàu
721	69C-099.16	Cà Mau	1721	70A-554.11	Tây Ninh	2721	72A-791.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3721	72A-803.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
722	69C-100.38	Cà Mau	1722	70A-555.43	Tây Ninh	2722	72A-792.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	3722	72A-804.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
723	69C-100.58	Cà Mau	1723	70C-199.89	Tây Ninh	2723	72A-793.49	Bà Rịa - Vũng Tàu	3723	72A-804.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
724	69C-100.59	Cà Mau	1724	70C-204.33	Tây Ninh	2724	72A-793.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	3724	73A-353.25	Quảng Bình
725	70A-543.26	Tây Ninh	1725	70C-205.33	Tây Ninh	2725	72A-796.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	3725	73A-353.88	Quảng Bình
726	70A-544.94	Tây Ninh	1726	71A-198.36	Bến Tre	2726	72A-796.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3726	73C-177.39	Quảng Bình
727	70A-545.85	Tây Ninh	1727	71A-200.25	Bến Tre	2727	72A-797.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3727	73C-179.86	Quảng Bình
728	70A-546.33	Tây Ninh	1728	71A-201.55	Bến Tre	2728	72A-797.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	3728	73C-184.99	Quảng Bình
729	70A-546.52	Tây Ninh	1729	71D-002.36	Bến Tre	2729	72A-798.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	3729	73C-185.44	Quảng Bình
730	70A-550.09	Tây Ninh	1730	72A-787.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	2730	72A-798.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	3730	74A-263.00	Quảng Trị
731	70A-550.79	Tây Ninh	1731	72A-789.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	2731	72A-799.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3731	74A-263.55	Quảng Trị
732	70A-550.97	Tây Ninh	1732	72A-789.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2732	72A-800.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	3732	74A-263.90	Quảng Trị
733	70A-552.79	Tây Ninh	1733	72A-793.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2733	72A-803.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3733	74A-264.20	Quảng Trị
734	70A-552.89	Tây Ninh	1734	72A-793.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2734	72C-230.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	3734	74A-264.86	Quảng Trị
735	70A-553.36	Tây Ninh	1735	72A-795.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2735	73A-352.26	Quảng Bình	3735	75C-152.60	Thừa Thiên Huế
736	70A-553.79	Tây Ninh	1736	72A-796.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2736	73A-353.56	Quảng Bình	3736	75C-153.28	Thừa Thiên Huế
737	70A-554.16	Tây Ninh	1737	72A-797.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2737	73A-355.95	Quảng Bình	3737	75C-153.66	Thừa Thiên Huế
738	70A-554.99	Tây Ninh	1738	72A-797.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2738	73C-179.58	Quảng Bình	3738	76A-308.33	Quảng Ngãi
739	70C-203.09	Tây Ninh	1739	72A-798.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2739	73C-181.66	Quảng Bình	3739	76A-312.01	Quảng Ngãi
740	70C-204.59	Tây Ninh	1740	72A-798.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	2740	73C-181.86	Quảng Bình	3740	76C-173.55	Quảng Ngãi
741	70C-207.89	Tây Ninh	1741	72A-802.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	2741	74A-265.29	Quảng Trị	3741	76C-174.06	Quảng Ngãi
742	70C-208.06	Tây Ninh	1742	72A-802.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2742	75C-153.22	Thừa Thiên Huế	3742	76C-174.20	Quảng Ngãi
743	70C-209.71	Tây Ninh	1743	72D-007.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2743	76A-308.22	Quảng Ngãi	3743	76D-008.94	Quảng Ngãi
744	70D-007.96	Tây Ninh	1744	73A-353.85	Quảng Bình	2744	76A-310.27	Quảng Ngãi	3744	77A-332.03	Bình Định
745	71A-197.95	Bến Tre	1745	73A-354.65	Quảng Bình	2745	76D-008.96	Quảng Ngãi	3745	77A-332.05	Bình Định
746	71A-198.10	Bến Tre	1746	73C-180.19	Quảng Bình	2746	77A-332.18	Bình Định	3746	77A-335.36	Bình Định
747	71A-198.17	Bến Tre	1747	73C-180.44	Quảng Bình	2747	77A-333.98	Bình Định	3747	77A-336.56	Bình Định
748	71A-201.08	Bến Tre	1748	73C-183.69	Quảng Bình	2748	77A-335.28	Bình Định	3748	77A-337.58	Bình Định
749	72A-789.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	1749	74A-262.98	Quảng Trị	2749	77A-336.70	Bình Định	3749	77A-337.89	Bình Định
750	72A-789.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	1750	74A-263.86	Quảng Trị	2750	77A-336.95	Bình Định	3750	77A-339.26	Bình Định
751	72A-790.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	1751	74A-264.70	Quảng Trị	2751	77A-337.28	Bình Định	3751	77A-339.63	Bình Định
752	72A-791.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	1752	74A-266.65	Quảng Trị	2752	77A-338.52	Bình Định	3752	77A-340.22	Bình Định
753	72A-794.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	1753	75C-151.53	Thừa Thiên Huế	2753	77A-338.65	Bình Định	3753	77A-340.59	Bình Định

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
754	72A-799.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1754	75C-152.74	Thừa Thiên Huế	2754	77A-340.31	Bình Định	3754	77A-341.09	Bình Định
755	72A-799.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	1755	75C-152.82	Thừa Thiên Huế	2755	77C-247.86	Bình Định	3755	77C-248.08	Bình Định
756	72A-802.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1756	75C-153.18	Thừa Thiên Huế	2756	77C-249.83	Bình Định	3756	77C-251.77	Bình Định
757	72A-803.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1757	76A-309.44	Quảng Ngãi	2757	77C-250.13	Bình Định	3757	77C-252.18	Bình Định
758	72A-803.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1758	76A-310.56	Quảng Ngãi	2758	77C-250.38	Bình Định	3758	78A-200.56	Phú Yên
759	73A-352.29	Quảng Bình	1759	76A-311.24	Quảng Ngãi	2759	77C-251.58	Bình Định	3759	78A-200.95	Phú Yên
760	73A-353.94	Quảng Bình	1760	76A-312.11	Quảng Ngãi	2760	77C-251.79	Bình Định	3760	78A-201.27	Phú Yên
761	73A-354.77	Quảng Bình	1761	76C-173.25	Quảng Ngãi	2761	78A-202.43	Phú Yên	3761	78A-202.19	Phú Yên
762	73A-355.19	Quảng Bình	1762	76C-174.11	Quảng Ngãi	2762	78A-203.85	Phú Yên	3762	78A-203.88	Phú Yên
763	73A-356.06	Quảng Bình	1763	76D-008.98	Quảng Ngãi	2763	78A-203.95	Phú Yên	3763	78C-121.08	Phú Yên
764	73A-356.08	Quảng Bình	1764	77A-333.83	Bình Định	2764	78A-204.08	Phú Yên	3764	79A-528.95	Khánh Hòa
765	73C-179.09	Quảng Bình	1765	77A-334.42	Bình Định	2765	78A-204.39	Phú Yên	3765	79A-529.06	Khánh Hòa
766	73C-179.56	Quảng Bình	1766	77A-334.58	Bình Định	2766	78A-204.46	Phú Yên	3766	79A-530.39	Khánh Hòa
767	73C-182.08	Quảng Bình	1767	77A-335.40	Bình Định	2767	78A-205.77	Phú Yên	3767	79A-530.68	Khánh Hòa
768	73C-182.55	Quảng Bình	1768	77A-337.36	Bình Định	2768	78C-121.19	Phú Yên	3768	79A-531.26	Khánh Hòa
769	73C-184.79	Quảng Bình	1769	77A-337.39	Bình Định	2769	78C-121.86	Phú Yên	3769	79A-534.22	Khánh Hòa
770	74A-265.58	Quảng Trị	1770	77A-339.95	Bình Định	2770	79A-530.05	Khánh Hòa	3770	79A-534.59	Khánh Hòa
771	74A-265.59	Quảng Trị	1771	77A-340.20	Bình Định	2771	79A-535.90	Khánh Hòa	3771	79A-539.42	Khánh Hòa
772	74A-266.73	Quảng Trị	1772	77A-341.22	Bình Định	2772	79A-537.04	Khánh Hòa	3772	79A-539.64	Khánh Hòa
773	76A-307.58	Quảng Ngãi	1773	77C-248.39	Bình Định	2773	79A-537.98	Khánh Hòa	3773	79A-540.28	Khánh Hòa
774	76A-308.14	Quảng Ngãi	1774	77C-250.29	Bình Định	2774	79A-539.28	Khánh Hòa	3774	79A-540.73	Khánh Hòa
775	76A-308.39	Quảng Ngãi	1775	77C-250.92	Bình Định	2775	79A-540.24	Khánh Hòa	3775	79A-540.77	Khánh Hòa
776	76A-312.16	Quảng Ngãi	1776	78A-201.09	Phú Yên	2776	79A-541.44	Khánh Hòa	3776	79C-216.06	Khánh Hòa
777	76C-173.59	Quảng Ngãi	1777	78A-204.35	Phú Yên	2777	79A-542.09	Khánh Hòa	3777	79C-216.56	Khánh Hòa
778	77A-331.66	Bình Định	1778	78A-204.66	Phú Yên	2778	79C-214.38	Khánh Hòa	3778	79C-216.69	Khánh Hòa
779	77A-331.78	Bình Định	1779	78A-206.28	Phú Yên	2779	79C-218.26	Khánh Hòa	3779	79C-218.06	Khánh Hòa
780	77A-333.80	Bình Định	1780	78C-120.58	Phú Yên	2780	79D-007.36	Khánh Hòa	3780	79C-218.58	Khánh Hòa
781	77A-334.50	Bình Định	1781	78C-121.85	Phú Yên	2781	79D-007.44	Khánh Hòa	3781	79C-220.95	Khánh Hòa
782	77A-337.53	Bình Định	1782	78D-003.45	Phú Yên	2782	81A-414.18	Gia Lai	3782	81A-414.55	Gia Lai
783	77A-338.32	Bình Định	1783	78D-003.46	Phú Yên	2783	81A-415.23	Gia Lai	3783	81A-414.85	Gia Lai
784	77A-338.66	Bình Định	1784	79A-529.11	Khánh Hòa	2784	81A-415.33	Gia Lai	3784	81A-415.58	Gia Lai
785	77A-339.29	Bình Định	1785	79A-529.35	Khánh Hòa	2785	81A-416.22	Gia Lai	3785	81A-418.25	Gia Lai
786	77C-248.69	Bình Định	1786	79A-532.06	Khánh Hòa	2786	81A-416.26	Gia Lai	3786	81A-419.56	Gia Lai
787	77C-250.99	Bình Định	1787	79A-532.56	Khánh Hòa	2787	81A-416.50	Gia Lai	3787	81A-420.06	Gia Lai
788	77C-251.36	Bình Định	1788	79A-532.80	Khánh Hòa	2788	81A-417.68	Gia Lai	3788	81A-420.91	Gia Lai
789	78A-201.06	Phú Yên	1789	79A-534.77	Khánh Hòa	2789	81A-418.73	Gia Lai	3789	81A-421.59	Gia Lai
790	78A-201.22	Phú Yên	1790	79A-538.23	Khánh Hòa	2790	81A-419.38	Gia Lai	3790	81A-421.62	Gia Lai
791	78A-202.83	Phú Yên	1791	79A-538.39	Khánh Hòa	2791	81A-419.66	Gia Lai	3791	81A-421.94	Gia Lai
792	78A-202.84	Phú Yên	1792	79A-538.98	Khánh Hòa	2792	81A-421.65	Gia Lai	3792	81A-422.59	Gia Lai
793	78A-203.93	Phú Yên	1793	79A-539.38	Khánh Hòa	2793	81A-421.67	Gia Lai	3793	81A-422.95	Gia Lai
794	78B-015.28	Phú Yên	1794	79A-539.77	Khánh Hòa	2794	81A-421.76	Gia Lai	3794	81A-423.39	Gia Lai
795	78C-121.68	Phú Yên	1795	79A-540.15	Khánh Hòa	2795	81A-421.90	Gia Lai	3795	81A-424.14	Gia Lai
796	78D-003.22	Phú Yên	1796	79A-540.99	Khánh Hòa	2796	81A-422.14	Gia Lai	3796	81C-262.08	Gia Lai
797	79A-529.08	Khánh Hòa	1797	79C-213.38	Khánh Hòa	2797	81C-262.66	Gia Lai	3797	81C-263.39	Gia Lai
798	79A-529.65	Khánh Hòa	1798	79C-214.16	Khánh Hòa	2798	81C-264.99	Gia Lai	3798	81C-263.40	Gia Lai
799	79A-534.86	Khánh Hòa	1799	79C-215.08	Khánh Hòa	2799	81D-010.39	Gia Lai	3799	81C-265.42	Gia Lai
800	79A-535.09	Khánh Hòa	1800	79C-219.79	Khánh Hòa	2800	82A-150.43	Kon Tum	3800	81C-268.03	Gia Lai
801	79A-536.11	Khánh Hòa	1801	79C-219.85	Khánh Hòa	2801	82A-150.95	Kon Tum	3801	81C-268.08	Gia Lai
802	79A-536.18	Khánh Hòa	1802	79C-220.35	Khánh Hòa	2802	82C-090.69	Kon Tum	3802	81C-268.18	Gia Lai
803	79A-538.26	Khánh Hòa	1803	81A-414.68	Gia Lai	2803	83A-183.79	Sóc Trăng	3803	81C-269.01	Gia Lai
804	79A-538.66	Khánh Hòa	1804	81A-415.10	Gia Lai	2804	83C-126.56	Sóc Trăng	3804	82A-150.08	Kon Tum
805	79A-540.36	Khánh Hòa	1805	81A-416.38	Gia Lai	2805	83C-127.39	Sóc Trăng	3805	82A-150.75	Kon Tum
806	79A-540.81	Khánh Hòa	1806	81A-417.08	Gia Lai	2806	83C-127.66	Sóc Trăng	3806	82C-091.85	Kon Tum
807	79C-214.88	Khánh Hòa	1807	81A-419.44	Gia Lai	2807	83C-127.85	Sóc Trăng	3807	82C-091.86	Kon Tum

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
808	79C-217.99	Khánh Hòa	1808	81A-420.88	Gia Lai	2808	83C-128.51	Sóc Trăng	3808	83A-183.66	Sóc Trăng
809	81A-414.77	Gia Lai	1809	81A-421.29	Gia Lai	2809	84A-138.65	Trà Vinh	3809	83A-184.29	Sóc Trăng
810	81A-414.79	Gia Lai	1810	81A-421.56	Gia Lai	2810	85D-003.39	Ninh Thuận	3810	83A-184.78	Sóc Trăng
811	81A-415.44	Gia Lai	1811	81A-421.85	Gia Lai	2811	86A-299.81	Bình Thuận	3811	83A-184.86	Sóc Trăng
812	81A-418.36	Gia Lai	1812	81A-421.89	Gia Lai	2812	86A-300.16	Bình Thuận	3812	83A-185.08	Sóc Trăng
813	81A-419.68	Gia Lai	1813	81A-423.11	Gia Lai	2813	86A-302.33	Bình Thuận	3813	83C-126.58	Sóc Trăng
814	81A-419.89	Gia Lai	1814	81A-423.16	Gia Lai	2814	86A-303.18	Bình Thuận	3814	83D-004.98	Sóc Trăng
815	81A-419.95	Gia Lai	1815	81A-424.68	Gia Lai	2815	86A-304.59	Bình Thuận	3815	84B-016.39	Trà Vinh
816	81A-420.66	Gia Lai	1816	81A-424.88	Gia Lai	2816	86A-305.53	Bình Thuận	3816	84C-119.52	Trà Vinh
817	81A-421.05	Gia Lai	1817	81C-261.14	Gia Lai	2817	86A-306.19	Bình Thuận	3817	85A-139.55	Ninh Thuận
818	81A-422.46	Gia Lai	1818	81C-264.91	Gia Lai	2818	86A-306.98	Bình Thuận	3818	85A-140.55	Ninh Thuận
819	81C-262.10	Gia Lai	1819	81C-265.06	Gia Lai	2819	86A-307.06	Bình Thuận	3819	85A-140.95	Ninh Thuận
820	81C-263.87	Gia Lai	1820	81C-265.83	Gia Lai	2820	86A-307.96	Bình Thuận	3820	85D-003.28	Ninh Thuận
821	81C-266.09	Gia Lai	1821	81C-266.47	Gia Lai	2821	86C-199.08	Bình Thuận	3821	86A-301.02	Bình Thuận
822	81C-266.39	Gia Lai	1822	81C-267.73	Gia Lai	2822	86C-201.25	Bình Thuận	3822	86A-301.44	Bình Thuận
823	81C-267.95	Gia Lai	1823	82A-151.00	Kon Tum	2823	86C-203.76	Bình Thuận	3823	86A-302.29	Bình Thuận
824	81C-268.75	Gia Lai	1824	83A-184.61	Sóc Trăng	2824	86D-002.86	Bình Thuận	3824	86A-304.05	Bình Thuận
825	81C-269.46	Gia Lai	1825	83A-184.88	Sóc Trăng	2825	88A-721.62	Vĩnh Phúc	3825	86A-304.66	Bình Thuận
826	82A-151.39	Kon Tum	1826	83A-185.68	Sóc Trăng	2826	88A-725.40	Vĩnh Phúc	3826	86A-306.05	Bình Thuận
827	82C-091.31	Kon Tum	1827	83C-126.79	Sóc Trăng	2827	88A-725.68	Vĩnh Phúc	3827	86A-307.15	Bình Thuận
828	83A-185.82	Sóc Trăng	1828	83C-128.41	Sóc Trăng	2828	88A-725.99	Vĩnh Phúc	3828	86A-307.26	Bình Thuận
829	83C-126.63	Sóc Trăng	1829	83C-128.52	Sóc Trăng	2829	88A-726.07	Vĩnh Phúc	3829	86C-198.06	Bình Thuận
830	83C-127.55	Sóc Trăng	1830	84A-139.15	Trà Vinh	2830	88A-726.33	Vĩnh Phúc	3830	86C-198.55	Bình Thuận
831	84A-138.84	Trà Vinh	1831	84A-139.26	Trà Vinh	2831	88A-727.35	Vĩnh Phúc	3831	86C-201.26	Bình Thuận
832	84C-120.06	Trà Vinh	1832	84A-139.29	Trà Vinh	2832	88A-729.88	Vĩnh Phúc	3832	86C-201.50	Bình Thuận
833	84C-120.38	Trà Vinh	1833	84C-119.77	Trà Vinh	2833	88A-730.33	Vĩnh Phúc	3833	86C-201.86	Bình Thuận
834	85D-003.38	Ninh Thuận	1834	85A-139.68	Ninh Thuận	2834	88A-730.40	Vĩnh Phúc	3834	86C-203.57	Bình Thuận
835	86A-301.54	Bình Thuận	1835	85A-139.91	Ninh Thuận	2835	88A-730.64	Vĩnh Phúc	3835	88A-722.83	Vĩnh Phúc
836	86A-301.88	Bình Thuận	1836	86A-300.05	Bình Thuận	2836	88A-731.66	Vĩnh Phúc	3836	88A-723.22	Vĩnh Phúc
837	86A-303.19	Bình Thuận	1837	86A-300.35	Bình Thuận	2837	88A-732.86	Vĩnh Phúc	3837	88A-724.06	Vĩnh Phúc
838	86A-303.46	Bình Thuận	1838	86A-302.98	Bình Thuận	2838	88A-733.67	Vĩnh Phúc	3838	88A-724.25	Vĩnh Phúc
839	86A-303.49	Bình Thuận	1839	86A-303.09	Bình Thuận	2839	88A-734.86	Vĩnh Phúc	3839	88A-724.88	Vĩnh Phúc
840	86A-304.71	Bình Thuận	1840	86A-304.50	Bình Thuận	2840	88A-734.98	Vĩnh Phúc	3840	88A-725.08	Vĩnh Phúc
841	86A-307.58	Bình Thuận	1841	86A-304.98	Bình Thuận	2841	88A-738.36	Vĩnh Phúc	3841	88A-725.96	Vĩnh Phúc
842	86C-197.22	Bình Thuận	1842	86A-306.44	Bình Thuận	2842	88A-738.55	Vĩnh Phúc	3842	88A-727.15	Vĩnh Phúc
843	88A-722.07	Vĩnh Phúc	1843	86A-307.27	Bình Thuận	2843	88A-739.06	Vĩnh Phúc	3843	88A-727.82	Vĩnh Phúc
844	88A-723.03	Vĩnh Phúc	1844	86B-021.35	Bình Thuận	2844	88A-739.44	Vĩnh Phúc	3844	88A-728.95	Vĩnh Phúc
845	88A-723.53	Vĩnh Phúc	1845	86C-197.85	Bình Thuận	2845	88A-740.23	Vĩnh Phúc	3845	88A-729.22	Vĩnh Phúc
846	88A-723.89	Vĩnh Phúc	1846	86C-200.58	Bình Thuận	2846	88A-741.26	Vĩnh Phúc	3846	88A-729.44	Vĩnh Phúc
847	88A-726.00	Vĩnh Phúc	1847	86C-201.12	Bình Thuận	2847	88A-741.58	Vĩnh Phúc	3847	88A-729.95	Vĩnh Phúc
848	88A-727.14	Vĩnh Phúc	1848	86C-202.06	Bình Thuận	2848	88A-742.44	Vĩnh Phúc	3848	88A-731.39	Vĩnh Phúc
849	88A-727.38	Vĩnh Phúc	1849	86C-203.04	Bình Thuận	2849	88C-293.60	Vĩnh Phúc	3849	88A-732.55	Vĩnh Phúc
850	88A-731.69	Vĩnh Phúc	1850	86D-002.97	Bình Thuận	2850	88C-294.68	Vĩnh Phúc	3850	88A-733.15	Vĩnh Phúc
851	88A-732.58	Vĩnh Phúc	1851	88A-722.59	Vĩnh Phúc	2851	89A-481.73	Hưng Yên	3851	88A-735.56	Vĩnh Phúc
852	88A-733.26	Vĩnh Phúc	1852	88A-723.86	Vĩnh Phúc	2852	89A-483.88	Hưng Yên	3852	88A-736.79	Vĩnh Phúc
853	88A-733.39	Vĩnh Phúc	1853	88A-725.26	Vĩnh Phúc	2853	89A-484.58	Hưng Yên	3853	88A-738.85	Vĩnh Phúc
854	88A-739.00	Vĩnh Phúc	1854	88A-725.59	Vĩnh Phúc	2854	89A-485.36	Hưng Yên	3854	88A-739.08	Vĩnh Phúc
855	88A-739.38	Vĩnh Phúc	1855	88A-725.76	Vĩnh Phúc	2855	89A-486.06	Hưng Yên	3855	88A-740.18	Vĩnh Phúc
856	88A-740.77	Vĩnh Phúc	1856	88A-726.48	Vĩnh Phúc	2856	89A-487.55	Hưng Yên	3856	88A-741.66	Vĩnh Phúc
857	88A-741.86	Vĩnh Phúc	1857	88A-726.95	Vĩnh Phúc	2857	89A-488.93	Hưng Yên	3857	88C-292.41	Vĩnh Phúc
858	88C-293.28	Vĩnh Phúc	1858	88A-728.56	Vĩnh Phúc	2858	89A-490.03	Hưng Yên	3858	88C-294.39	Vĩnh Phúc
859	89A-482.66	Hưng Yên	1859	88A-729.16	Vĩnh Phúc	2859	89A-491.06	Hưng Yên	3859	88C-295.09	Vĩnh Phúc
860	89A-483.09	Hưng Yên	1860	88A-730.58	Vĩnh Phúc	2860	89A-492.58	Hưng Yên	3860	89A-482.55	Hưng Yên
861	89A-483.89	Hưng Yên	1861	88A-731.44	Vĩnh Phúc	2861	89A-494.11	Hưng Yên	3861	89A-484.09	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
862	89A-484.66	Hưng Yên	1862	88A-737.06	Vĩnh Phúc	2862	89A-494.53	Hưng Yên	3862	89A-484.19	Hưng Yên
863	89A-484.69	Hưng Yên	1863	88A-738.62	Vĩnh Phúc	2863	89A-497.39	Hưng Yên	3863	89A-486.35	Hưng Yên
864	89A-485.16	Hưng Yên	1864	88A-742.64	Vĩnh Phúc	2864	89B-021.88	Hưng Yên	3864	89A-489.29	Hưng Yên
865	89A-487.22	Hưng Yên	1865	88A-742.68	Vĩnh Phúc	2865	89B-021.98	Hưng Yên	3865	89A-489.36	Hưng Yên
866	89A-490.06	Hưng Yên	1866	88C-292.58	Vĩnh Phúc	2866	89C-327.11	Hưng Yên	3866	89A-489.65	Hưng Yên
867	89A-490.55	Hưng Yên	1867	88C-294.36	Vĩnh Phúc	2867	89C-327.68	Hưng Yên	3867	89A-490.85	Hưng Yên
868	89A-493.92	Hưng Yên	1868	88C-294.73	Vĩnh Phúc	2868	89C-327.69	Hưng Yên	3868	89A-491.48	Hưng Yên
869	89A-497.26	Hưng Yên	1869	88C-294.76	Vĩnh Phúc	2869	89C-328.83	Hưng Yên	3869	89A-492.88	Hưng Yên
870	89B-021.73	Hưng Yên	1870	88C-295.27	Vĩnh Phúc	2870	89C-330.99	Hưng Yên	3870	89A-493.98	Hưng Yên
871	89C-326.24	Hưng Yên	1871	89A-481.56	Hưng Yên	2871	89C-331.58	Hưng Yên	3871	89A-495.16	Hưng Yên
872	89C-326.95	Hưng Yên	1872	89A-482.98	Hưng Yên	2872	90A-265.21	Hà Nam	3872	89A-495.20	Hưng Yên
873	89C-327.49	Hưng Yên	1873	89A-483.04	Hưng Yên	2873	90A-265.77	Hà Nam	3873	89A-495.56	Hưng Yên
874	89C-329.06	Hưng Yên	1874	89A-486.95	Hưng Yên	2874	90A-266.08	Hà Nam	3874	89A-496.17	Hưng Yên
875	89C-329.18	Hưng Yên	1875	89A-490.16	Hưng Yên	2875	90A-267.16	Hà Nam	3875	89A-496.39	Hưng Yên
876	89C-329.47	Hưng Yên	1876	89A-490.47	Hưng Yên	2876	90A-267.35	Hà Nam	3876	89C-326.01	Hưng Yên
877	89C-329.83	Hưng Yên	1877	89A-490.92	Hưng Yên	2877	90A-267.69	Hà Nam	3877	89C-326.28	Hưng Yên
878	89C-330.16	Hưng Yên	1878	89A-491.58	Hưng Yên	2878	90A-268.07	Hà Nam	3878	89C-326.31	Hưng Yên
879	89C-330.89	Hưng Yên	1879	89A-491.61	Hưng Yên	2879	90A-269.15	Hà Nam	3879	89C-329.16	Hưng Yên
880	89C-331.95	Hưng Yên	1880	89A-493.69	Hưng Yên	2880	90A-270.11	Hà Nam	3880	89C-331.66	Hưng Yên
881	89C-332.39	Hưng Yên	1881	89A-494.35	Hưng Yên	2881	90A-270.71	Hà Nam	3881	90A-265.12	Hà Nam
882	89D-019.38	Hưng Yên	1882	89A-494.58	Hưng Yên	2882	90A-271.06	Hà Nam	3882	90A-265.69	Hà Nam
883	90A-265.33	Hà Nam	1883	89A-494.69	Hưng Yên	2883	90A-271.16	Hà Nam	3883	90A-265.70	Hà Nam
884	90A-265.96	Hà Nam	1884	89A-496.88	Hưng Yên	2884	90A-271.18	Hà Nam	3884	90A-265.74	Hà Nam
885	90A-268.31	Hà Nam	1885	89C-325.99	Hưng Yên	2885	90C-144.18	Hà Nam	3885	90A-267.98	Hà Nam
886	90A-269.89	Hà Nam	1886	89D-018.98	Hưng Yên	2886	90C-147.18	Hà Nam	3886	90A-270.16	Hà Nam
887	90A-270.86	Hà Nam	1887	90A-265.78	Hà Nam	2887	90C-149.11	Hà Nam	3887	90A-270.38	Hà Nam
888	90A-271.55	Hà Nam	1888	90A-266.95	Hà Nam	2888	92A-406.56	Quảng Nam	3888	90A-270.98	Hà Nam
889	90A-272.64	Hà Nam	1889	90A-267.51	Hà Nam	2889	92A-410.87	Quảng Nam	3889	90A-271.28	Hà Nam
890	90B-009.22	Hà Nam	1890	90A-269.08	Hà Nam	2890	92A-411.36	Quảng Nam	3890	90A-273.69	Hà Nam
891	90B-009.36	Hà Nam	1891	90A-269.19	Hà Nam	2891	92A-411.83	Quảng Nam	3891	90A-273.83	Hà Nam
892	90B-009.40	Hà Nam	1892	90A-271.36	Hà Nam	2892	92A-413.39	Quảng Nam	3892	90C-145.58	Hà Nam
893	90C-141.33	Hà Nam	1893	90A-271.79	Hà Nam	2893	92A-413.59	Quảng Nam	3893	90C-148.49	Hà Nam
894	90C-142.33	Hà Nam	1894	90A-272.18	Hà Nam	2894	92A-414.66	Quảng Nam	3894	90C-149.26	Hà Nam
895	90C-144.36	Hà Nam	1895	90C-142.77	Hà Nam	2895	92A-416.29	Quảng Nam	3895	92A-405.16	Quảng Nam
896	90C-148.26	Hà Nam	1896	90C-143.66	Hà Nam	2896	92C-241.89	Quảng Nam	3896	92A-406.83	Quảng Nam
897	90D-006.53	Hà Nam	1897	90C-149.31	Hà Nam	2897	92C-242.00	Quảng Nam	3897	92A-406.90	Quảng Nam
898	92A-404.06	Quảng Nam	1898	92A-404.79	Quảng Nam	2898	92C-242.18	Quảng Nam	3898	92A-407.29	Quảng Nam
899	92A-406.38	Quảng Nam	1899	92A-407.58	Quảng Nam	2899	92C-248.11	Quảng Nam	3899	92A-411.35	Quảng Nam
900	92A-406.89	Quảng Nam	1900	92A-409.39	Quảng Nam	2900	93A-473.39	Bình Phước	3900	92A-415.31	Quảng Nam
901	92A-410.22	Quảng Nam	1901	92A-409.43	Quảng Nam	2901	93A-474.69	Bình Phước	3901	92A-416.08	Quảng Nam
902	92A-411.29	Quảng Nam	1902	92A-413.66	Quảng Nam	2902	93A-476.19	Bình Phước	3902	92B-032.19	Quảng Nam
903	92A-412.15	Quảng Nam	1903	92A-414.95	Quảng Nam	2903	93A-477.58	Bình Phước	3903	92C-243.66	Quảng Nam
904	92A-414.22	Quảng Nam	1904	92A-415.69	Quảng Nam	2904	93A-478.06	Bình Phước	3904	92C-246.89	Quảng Nam
905	92A-414.57	Quảng Nam	1905	92A-415.95	Quảng Nam	2905	93A-478.19	Bình Phước	3905	92C-247.18	Quảng Nam
906	92A-415.09	Quảng Nam	1906	92C-243.08	Quảng Nam	2906	93A-480.59	Bình Phước	3906	92C-249.58	Quảng Nam
907	92A-415.79	Quảng Nam	1907	92C-247.69	Quảng Nam	2907	93A-481.39	Bình Phước	3907	92C-250.08	Quảng Nam
908	92C-242.09	Quảng Nam	1908	92C-250.39	Quảng Nam	2908	93A-482.39	Bình Phước	3908	93A-472.11	Bình Phước
909	92C-243.09	Quảng Nam	1909	93A-476.55	Bình Phước	2909	93A-482.41	Bình Phước	3909	93A-472.38	Bình Phước
910	92C-245.86	Quảng Nam	1910	93A-477.56	Bình Phước	2910	93A-484.92	Bình Phước	3910	93A-473.38	Bình Phước
911	92C-247.19	Quảng Nam	1911	93A-479.53	Bình Phước	2911	93A-485.56	Bình Phước	3911	93A-474.68	Bình Phước
912	92C-248.19	Quảng Nam	1912	93A-480.03	Bình Phước	2912	93A-485.66	Bình Phước	3912	93A-475.06	Bình Phước
913	92C-249.00	Quảng Nam	1913	93A-481.87	Bình Phước	2913	93C-184.36	Bình Phước	3913	93A-475.56	Bình Phước
914	92C-249.36	Quảng Nam	1914	93A-484.13	Bình Phước	2914	93C-185.19	Bình Phước	3914	93A-480.38	Bình Phước
915	93A-471.89	Bình Phước	1915	93A-485.69	Bình Phước	2915	93C-186.77	Bình Phước	3915	93A-481.00	Bình Phước

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	93A-474.56	Bình Phước	1916	93C-185.16	Bình Phước	2916	93C-190.36	Bình Phước	3916	93A-481.02	Bình Phước
917	93A-477.68	Bình Phước	1917	93C-185.77	Bình Phước	2917	93D-004.25	Bình Phước	3917	93A-481.56	Bình Phước
918	93A-478.77	Bình Phước	1918	93C-190.44	Bình Phước	2918	94C-078.39	Bạc Liêu	3918	93A-481.79	Bình Phước
919	93A-479.58	Bình Phước	1919	93C-194.06	Bình Phước	2919	94C-079.11	Bạc Liêu	3919	93A-482.26	Bình Phước
920	93A-480.39	Bình Phước	1920	93C-194.38	Bình Phước	2920	94C-079.22	Bạc Liêu	3920	93A-485.00	Bình Phước
921	93A-481.26	Bình Phước	1921	94C-078.11	Bạc Liêu	2921	94D-002.08	Bạc Liêu	3921	93A-485.08	Bình Phước
922	93A-482.75	Bình Phước	1922	94C-078.18	Bạc Liêu	2922	95B-010.58	Hậu Giang	3922	93A-485.11	Bình Phước
923	93A-482.99	Bình Phước	1923	94C-079.19	Bạc Liêu	2923	95C-081.69	Hậu Giang	3923	93A-485.62	Bình Phước
924	93A-483.88	Bình Phước	1924	95C-082.56	Hậu Giang	2924	95C-083.09	Hậu Giang	3924	93A-486.15	Bình Phước
925	93A-484.99	Bình Phước	1925	95C-083.19	Hậu Giang	2925	95C-086.00	Hậu Giang	3925	93B-018.28	Bình Phước
926	93C-187.85	Bình Phước	1926	95C-085.26	Hậu Giang	2926	97A-092.25	Bắc Kạn	3926	93C-188.58	Bình Phước
927	93C-189.36	Bình Phước	1927	95C-086.06	Hậu Giang	2927	97B-012.39	Bắc Kạn	3927	93C-188.85	Bình Phước
928	93C-189.56	Bình Phước	1928	97C-041.18	Bắc Kạn	2928	97C-040.86	Bắc Kạn	3928	93C-189.77	Bình Phước
929	93C-190.11	Bình Phước	1929	97C-041.99	Bắc Kạn	2929	97C-042.09	Bắc Kạn	3929	93C-190.89	Bình Phước
930	93C-190.68	Bình Phước	1930	98A-766.95	Bắc Giang	2930	98A-766.34	Bắc Giang	3930	93C-193.77	Bình Phước
931	93C-190.88	Bình Phước	1931	98A-766.98	Bắc Giang	2931	98A-766.59	Bắc Giang	3931	93C-196.00	Bình Phước
932	93C-192.36	Bình Phước	1932	98A-767.93	Bắc Giang	2932	98A-767.28	Bắc Giang	3932	94C-078.33	Bạc Liêu
933	93C-193.55	Bình Phước	1933	98A-770.98	Bắc Giang	2933	98A-767.61	Bắc Giang	3933	94C-080.39	Bạc Liêu
934	94C-078.55	Bạc Liêu	1934	98A-772.16	Bắc Giang	2934	98A-767.99	Bắc Giang	3934	94D-001.85	Bạc Liêu
935	94C-079.00	Bạc Liêu	1935	98A-772.58	Bắc Giang	2935	98A-768.28	Bắc Giang	3935	95C-084.09	Hậu Giang
936	94C-080.05	Bạc Liêu	1936	98A-774.89	Bắc Giang	2936	98A-769.28	Bắc Giang	3936	97C-041.44	Bắc Kạn
937	94C-080.33	Bạc Liêu	1937	98A-778.48	Bắc Giang	2937	98A-769.33	Bắc Giang	3937	97C-044.38	Bắc Kạn
938	95C-084.86	Hậu Giang	1938	98A-779.58	Bắc Giang	2938	98A-769.38	Bắc Giang	3938	98A-767.69	Bắc Giang
939	95D-020.33	Hậu Giang	1939	98A-780.98	Bắc Giang	2939	98A-769.77	Bắc Giang	3939	98A-769.66	Bắc Giang
940	97C-042.00	Bắc Kạn	1940	98A-782.61	Bắc Giang	2940	98A-771.98	Bắc Giang	3940	98A-769.70	Bắc Giang
941	97C-043.99	Bắc Kạn	1941	98A-783.49	Bắc Giang	2941	98A-772.09	Bắc Giang	3941	98A-770.66	Bắc Giang
942	98A-766.41	Bắc Giang	1942	98A-784.96	Bắc Giang	2942	98A-774.67	Bắc Giang	3942	98A-771.59	Bắc Giang
943	98A-768.32	Bắc Giang	1943	98A-785.09	Bắc Giang	2943	98A-775.76	Bắc Giang	3943	98A-774.09	Bắc Giang
944	98A-769.15	Bắc Giang	1944	98A-787.56	Bắc Giang	2944	98A-778.15	Bắc Giang	3944	98A-774.68	Bắc Giang
945	98A-770.16	Bắc Giang	1945	98A-789.43	Bắc Giang	2945	98A-779.09	Bắc Giang	3945	98A-776.14	Bắc Giang
946	98A-771.35	Bắc Giang	1946	98A-789.56	Bắc Giang	2946	98A-779.85	Bắc Giang	3946	98A-777.21	Bắc Giang
947	98A-773.15	Bắc Giang	1947	98A-789.94	Bắc Giang	2947	98A-779.92	Bắc Giang	3947	98A-778.99	Bắc Giang
948	98A-774.40	Bắc Giang	1948	98A-791.55	Bắc Giang	2948	98A-781.16	Bắc Giang	3948	98A-779.44	Bắc Giang
949	98A-774.53	Bắc Giang	1949	98A-791.66	Bắc Giang	2949	98A-781.55	Bắc Giang	3949	98A-779.95	Bắc Giang
950	98A-775.39	Bắc Giang	1950	98A-794.39	Bắc Giang	2950	98A-787.36	Bắc Giang	3950	98A-781.51	Bắc Giang
951	98A-775.68	Bắc Giang	1951	98A-796.16	Bắc Giang	2951	98A-787.41	Bắc Giang	3951	98A-783.85	Bắc Giang
952	98A-776.78	Bắc Giang	1952	98A-796.20	Bắc Giang	2952	98A-787.99	Bắc Giang	3952	98A-784.56	Bắc Giang
953	98A-778.46	Bắc Giang	1953	98A-797.18	Bắc Giang	2953	98A-790.36	Bắc Giang	3953	98A-787.28	Bắc Giang
954	98A-780.58	Bắc Giang	1954	98A-797.25	Bắc Giang	2954	98A-790.43	Bắc Giang	3954	98A-787.38	Bắc Giang
955	98A-781.37	Bắc Giang	1955	98A-797.28	Bắc Giang	2955	98A-790.98	Bắc Giang	3955	98A-790.02	Bắc Giang
956	98A-781.68	Bắc Giang	1956	98C-351.46	Bắc Giang	2956	98A-791.76	Bắc Giang	3956	98A-790.55	Bắc Giang
957	98A-781.71	Bắc Giang	1957	98C-352.19	Bắc Giang	2957	98A-793.16	Bắc Giang	3957	98A-790.58	Bắc Giang
958	98A-782.57	Bắc Giang	1958	98D-014.65	Bắc Giang	2958	98A-793.58	Bắc Giang	3958	98A-790.92	Bắc Giang
959	98A-782.96	Bắc Giang	1959	99A-771.66	Bắc Ninh	2959	98A-793.86	Bắc Giang	3959	98A-791.92	Bắc Giang
960	98A-782.99	Bắc Giang	1960	99A-774.89	Bắc Ninh	2960	98A-795.28	Bắc Giang	3960	98A-793.11	Bắc Giang
961	98A-783.27	Bắc Giang	1961	99A-775.11	Bắc Ninh	2961	98A-796.09	Bắc Giang	3961	98A-793.49	Bắc Giang
962	98A-784.54	Bắc Giang	1962	99A-775.65	Bắc Ninh	2962	98A-796.85	Bắc Giang	3962	98A-793.55	Bắc Giang
963	98A-784.59	Bắc Giang	1963	99A-777.84	Bắc Ninh	2963	98C-351.52	Bắc Giang	3963	98A-794.47	Bắc Giang
964	98A-785.31	Bắc Giang	1964	99A-778.45	Bắc Ninh	2964	98C-352.40	Bắc Giang	3964	98A-794.52	Bắc Giang
965	98A-785.66	Bắc Giang	1965	99A-779.18	Bắc Ninh	2965	98C-353.88	Bắc Giang	3965	98A-794.85	Bắc Giang
966	98A-787.17	Bắc Giang	1966	99A-779.28	Bắc Ninh	2966	98C-354.25	Bắc Giang	3966	98A-795.00	Bắc Giang
967	98A-788.28	Bắc Giang	1967	99A-779.47	Bắc Ninh	2967	99A-776.19	Bắc Ninh	3967	98A-797.12	Bắc Giang
968	98A-789.33	Bắc Giang	1968	99A-779.94	Bắc Ninh	2968	99A-776.69	Bắc Ninh	3968	98C-351.36	Bắc Giang
969	98A-790.39	Bắc Giang	1969	99A-780.68	Bắc Ninh	2969	99A-776.88	Bắc Ninh	3969	98C-352.08	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
970	98C-352.98	Bắc Giang	1970	99A-781.06	Bắc Ninh	2970	99A-777.90	Bắc Ninh	3970	98C-353.83	Bắc Giang
971	98C-353.77	Bắc Giang	1971	99A-782.00	Bắc Ninh	2971	99A-780.16	Bắc Ninh	3971	98C-354.56	Bắc Giang
972	98C-354.01	Bắc Giang	1972	99A-783.16	Bắc Ninh	2972	99A-780.59	Bắc Ninh	3972	98D-014.88	Bắc Giang
973	98C-354.33	Bắc Giang	1973	99A-784.85	Bắc Ninh	2973	99A-780.72	Bắc Ninh	3973	99A-772.75	Bắc Ninh
974	99A-772.03	Bắc Ninh	1974	99A-784.91	Bắc Ninh	2974	99A-781.55	Bắc Ninh	3974	99A-773.03	Bắc Ninh
975	99A-772.56	Bắc Ninh	1975	99A-785.52	Bắc Ninh	2975	99A-782.26	Bắc Ninh	3975	99A-775.98	Bắc Ninh
976	99A-773.49	Bắc Ninh	1976	99A-787.68	Bắc Ninh	2976	99A-784.89	Bắc Ninh	3976	99A-776.30	Bắc Ninh
977	99A-776.55	Bắc Ninh	1977	99A-787.86	Bắc Ninh	2977	99A-786.19	Bắc Ninh	3977	99A-779.19	Bắc Ninh
978	99A-776.96	Bắc Ninh	1978	99A-788.67	Bắc Ninh	2978	99A-786.50	Bắc Ninh	3978	99A-779.36	Bắc Ninh
979	99A-777.83	Bắc Ninh	1979	99A-790.55	Bắc Ninh	2979	99A-786.52	Bắc Ninh	3979	99A-779.48	Bắc Ninh
980	99A-778.66	Bắc Ninh	1980	99A-790.56	Bắc Ninh	2980	99A-787.18	Bắc Ninh	3980	99A-780.18	Bắc Ninh
981	99A-778.76	Bắc Ninh	1981	99A-790.58	Bắc Ninh	2981	99A-787.80	Bắc Ninh	3981	99A-780.52	Bắc Ninh
982	99A-781.79	Bắc Ninh	1982	99A-792.05	Bắc Ninh	2982	99A-789.45	Bắc Ninh	3982	99A-780.55	Bắc Ninh
983	99A-784.38	Bắc Ninh	1983	99A-792.10	Bắc Ninh	2983	99A-789.58	Bắc Ninh	3983	99A-781.70	Bắc Ninh
984	99A-784.68	Bắc Ninh	1984	99A-793.08	Bắc Ninh	2984	99A-793.10	Bắc Ninh	3984	99A-782.18	Bắc Ninh
985	99A-784.93	Bắc Ninh	1985	99A-794.77	Bắc Ninh	2985	99A-793.47	Bắc Ninh	3985	99A-782.59	Bắc Ninh
986	99A-784.98	Bắc Ninh	1986	99A-797.35	Bắc Ninh	2986	99A-794.16	Bắc Ninh	3986	99A-783.69	Bắc Ninh
987	99A-785.16	Bắc Ninh	1987	99A-797.65	Bắc Ninh	2987	99A-794.28	Bắc Ninh	3987	99A-787.85	Bắc Ninh
988	99A-786.29	Bắc Ninh	1988	99A-798.30	Bắc Ninh	2988	99A-794.98	Bắc Ninh	3988	99A-788.39	Bắc Ninh
989	99A-788.06	Bắc Ninh	1989	99A-798.60	Bắc Ninh	2989	99A-795.77	Bắc Ninh	3989	99A-790.98	Bắc Ninh
990	99A-791.69	Bắc Ninh	1990	99B-026.71	Bắc Ninh	2990	99A-797.28	Bắc Ninh	3990	99A-793.38	Bắc Ninh
991	99A-791.73	Bắc Ninh	1991	99C-309.55	Bắc Ninh	2991	99A-799.08	Bắc Ninh	3991	99A-794.74	Bắc Ninh
992	99A-793.86	Bắc Ninh	1992	99C-310.12	Bắc Ninh	2992	99A-800.06	Bắc Ninh	3992	99A-796.60	Bắc Ninh
993	99A-798.66	Bắc Ninh	1993	99C-311.12	Bắc Ninh	2993	99C-310.68	Bắc Ninh	3993	99A-799.43	Bắc Ninh
994	99A-799.80	Bắc Ninh	1994	99C-312.26	Bắc Ninh	2994	99C-312.80	Bắc Ninh	3994	99A-800.36	Bắc Ninh
995	99C-309.88	Bắc Ninh	1995	99C-312.43	Bắc Ninh	2995	99C-313.24	Bắc Ninh	3995	99C-309.89	Bắc Ninh
996	99C-310.08	Bắc Ninh	1996	99C-314.68	Bắc Ninh	2996	99C-313.54	Bắc Ninh	3996	99C-311.20	Bắc Ninh
997	99C-312.58	Bắc Ninh	1997	99C-314.77	Bắc Ninh	2997	99C-313.66	Bắc Ninh	3997	99C-311.85	Bắc Ninh
998	99C-312.81	Bắc Ninh	1998	99C-315.95	Bắc Ninh	2998	99C-313.90	Bắc Ninh	3998	99C-313.36	Bắc Ninh
999	99C-314.79	Bắc Ninh	1999	99C-316.23	Bắc Ninh	2999	99C-314.83	Bắc Ninh	3999	99C-313.86	Bắc Ninh
1000	99C-316.39	Bắc Ninh	2000	99C-316.29	Bắc Ninh	3000	99C-315.33	Bắc Ninh	4000	99C-315.89	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4001	29K-188.88	Hà Nội	5001	20A-789.89	Thái Nguyên	6001	20A-789.99	Thái Nguyên	7001	14A-928.88	Quảng Ninh
4002	93C-193.93	Bình Phước	5002	30L-488.99	Hà Nội	6002	47A-739.68	Đắk Lắk	7002	30L-508.88	Hà Nội
4003	99A-779.99	Bắc Ninh	5003	37K-373.37	Nghệ An	6003	98A-777.99	Bắc Giang	7003	37K-373.79	Nghệ An
4004	14A-929.89	Quảng Ninh	5004	14A-926.68	Quảng Ninh	6004	12A-252.22	Lạng Sơn	7004	14A-927.77	Quảng Ninh
4005	15K-298.68	Hải Phòng	5005	15K-213.66	Hải Phòng	6005	14A-913.19	Quảng Ninh	7005	15K-316.13	Hải Phòng
4006	15K-311.13	Hải Phòng	5006	15K-319.96	Hải Phòng	6006	15K-321.12	Hải Phòng	7006	15K-322.55	Hải Phòng
4007	15K-333.77	Hải Phòng	5007	18A-466.46	Nam Định	6007	15K-325.52	Hải Phòng	7007	18A-458.45	Nam Định
4008	18A-465.55	Nam Định	5008	20A-783.38	Thái Nguyên	6008	18A-461.16	Nam Định	7008	19A-662.66	Phú Thọ
4009	18D-011.33	Nam Định	5009	21A-178.78	Yên Bái	6009	20A-788.11	Thái Nguyên	7009	19A-666.33	Phú Thọ
4010	20A-784.48	Thái Nguyên	5010	22C-105.55	Tuyên Quang	6010	20A-799.55	Thái Nguyên	7010	20A-788.00	Thái Nguyên
4011	20C-288.11	Thái Nguyên	5011	23A-136.89	Hà Giang	6011	20A-809.96	Thái Nguyên	7011	21A-208.68	Yên Bái
4012	21A-209.96	Yên Bái	5012	24A-296.86	Lào Cai	6012	21A-211.00	Yên Bái	7012	21C-107.07	Yên Bái
4013	24C-156.65	Lào Cai	5013	24A-296.99	Lào Cai	6013	26A-222.44	Sơn La	7013	23C-086.08	Hà Giang
4014	26A-222.13	Sơn La	5014	24A-299.77	Lào Cai	6014	27C-071.11	Điện Biên	7014	23D-004.44	Hà Giang
4015	26A-222.36	Sơn La	5015	26A-222.86	Sơn La	6015	28C-110.10	Hòa Bình	7015	24A-292.92	Lào Cai
4016	27C-070.00	Điện Biên	5016	28A-243.43	Hòa Bình	6016	29K-219.21	Hà Nội	7016	26A-219.91	Sơn La
4017	28A-246.66	Hòa Bình	5017	28C-111.57	Hòa Bình	6017	30K-509.69	Hà Nội	7017	28C-111.69	Hòa Bình
4018	28C-111.14	Hòa Bình	5018	29K-199.66	Hà Nội	6018	30K-923.79	Hà Nội	7018	29K-197.97	Hà Nội
4019	28C-111.16	Hòa Bình	5019	30K-821.79	Hà Nội	6019	30L-489.99	Hà Nội	7019	29K-216.61	Hà Nội
4020	28C-111.25	Hòa Bình	5020	30L-093.68	Hà Nội	6020	30L-510.10	Hà Nội	7020	30K-859.69	Hà Nội
4021	28C-111.37	Hòa Bình	5021	30L-488.22	Hà Nội	6021	30L-528.28	Hà Nội	7021	30K-935.36	Hà Nội
4022	28C-112.11	Hòa Bình	5022	30L-526.99	Hà Nội	6022	30L-537.77	Hà Nội	7022	30K-986.66	Hà Nội
4023	29K-193.33	Hà Nội	5023	30L-527.72	Hà Nội	6023	34A-822.86	Hải Dương	7023	30L-501.01	Hà Nội
4024	29K-199.88	Hà Nội	5024	34A-832.32	Hải Dương	6024	34A-825.55	Hải Dương	7024	30L-544.99	Hà Nội
4025	29K-207.79	Hà Nội	5025	34A-855.85	Hải Dương	6025	34A-835.35	Hải Dương	7025	34A-832.83	Hải Dương
4026	29K-219.99	Hà Nội	5026	34C-408.40	Hải Dương	6026	34A-836.99	Hải Dương	7026	34C-408.04	Hải Dương
4027	30K-417.89	Hà Nội	5027	36C-488.00	Thanh Hóa	6027	35C-166.16	Ninh Bình	7027	35A-436.36	Ninh Bình
4028	30K-672.22	Hà Nội	5028	36K-088.89	Thanh Hóa	6028	36C-500.77	Thanh Hóa	7028	36C-500.05	Thanh Hóa
4029	30L-491.94	Hà Nội	5029	36K-104.40	Thanh Hóa	6029	36K-083.33	Thanh Hóa	7029	36K-090.00	Thanh Hóa
4030	30L-507.70	Hà Nội	5030	36K-110.11	Thanh Hóa	6030	36K-107.10	Thanh Hóa	7030	36K-092.22	Thanh Hóa
4031	30L-512.21	Hà Nội	5031	36K-111.39	Thanh Hóa	6031	37K-356.53	Nghệ An	7031	36K-111.04	Thanh Hóa
4032	30L-522.66	Hà Nội	5032	36K-112.22	Thanh Hóa	6032	37K-356.79	Nghệ An	7032	36K-111.25	Thanh Hóa
4033	30L-546.64	Hà Nội	5033	36K-114.41	Thanh Hóa	6033	38A-623.23	Hà Tĩnh	7033	36K-130.30	Thanh Hóa
4034	34A-830.03	Hải Dương	5034	37K-355.68	Nghệ An	6034	38A-628.66	Hà Tĩnh	7034	36K-134.13	Thanh Hóa
4035	34A-838.68	Hải Dương	5035	37K-363.66	Nghệ An	6035	38C-228.89	Hà Tĩnh	7035	37C-537.79	Nghệ An
4036	34A-844.77	Hải Dương	5036	37K-382.22	Nghệ An	6036	43A-877.87	Đà Nẵng	7036	37K-322.69	Nghệ An
4037	35C-172.72	Ninh Bình	5037	43A-881.81	Đà Nẵng	6037	43A-879.78	Đà Nẵng	7037	37K-345.79	Nghệ An
4038	36K-116.86	Thanh Hóa	5038	43A-888.36	Đà Nẵng	6038	43A-881.68	Đà Nẵng	7038	37K-356.99	Nghệ An
4039	36K-117.11	Thanh Hóa	5039	47A-744.11	Đắk Lắk	6039	43A-885.99	Đà Nẵng	7039	37K-358.68	Nghệ An
4040	37K-376.68	Nghệ An	5040	47A-755.68	Đắk Lắk	6040	43A-891.91	Đà Nẵng	7040	37K-367.67	Nghệ An
4041	37K-383.89	Nghệ An	5041	49A-699.11	Lâm Đồng	6041	47A-731.11	Đắk Lắk	7041	37K-368.63	Nghệ An
4042	38A-631.31	Hà Tĩnh	5042	49A-706.06	Lâm Đồng	6042	47A-733.88	Đắk Lắk	7042	38C-227.77	Hà Tĩnh
4043	43A-877.79	Đà Nẵng	5043	60C-719.99	Đồng Nai	6043	47C-365.36	Đắk Lắk	7043	47A-736.37	Đắk Lắk
4044	43A-888.22	Đà Nẵng	5044	60C-723.33	Đồng Nai	6044	47C-367.36	Đắk Lắk	7044	47C-373.73	Đắk Lắk
4045	43A-896.66	Đà Nẵng	5045	60K-502.05	Đồng Nai	6045	47C-374.37	Đắk Lắk	7045	49A-666.26	Lâm Đồng
4046	47A-724.42	Đắk Lắk	5046	60K-517.71	Đồng Nai	6046	49C-366.63	Lâm Đồng	7046	49A-706.66	Lâm Đồng
4047	47A-731.37	Đắk Lắk	5047	61K-422.11	Bình Dương	6047	51D-999.55	Hồ Chí Minh	7047	49A-708.08	Lâm Đồng
4048	47A-736.36	Đắk Lắk	5048	62A-446.68	Long An	6048	51M-006.00	Hồ Chí Minh	7048	51D-999.58	Hồ Chí Minh
4049	47A-736.99	Đắk Lắk	5049	62C-210.10	Long An	6049	60C-720.27	Đồng Nai	7049	51M-005.00	Hồ Chí Minh
4050	47A-743.43	Đắk Lắk	5050	63C-214.14	Tiền Giang	6050	60K-503.33	Đồng Nai	7050	51M-006.68	Hồ Chí Minh
4051	47A-745.74	Đắk Lắk	5051	63C-217.77	Tiền Giang	6051	60K-518.18	Đồng Nai	7051	60K-500.99	Đồng Nai
4052	47A-754.44	Đắk Lắk	5052	65A-456.99	Cần Thơ	6052	60K-524.44	Đồng Nai	7052	60K-506.68	Đồng Nai
4053	47A-756.66	Đắk Lắk	5053	65A-481.81	Cần Thơ	6053	61K-416.14	Bình Dương	7053	60K-511.77	Đồng Nai
4054	51D-999.48	Hồ Chí Minh	5054	65A-487.79	Cần Thơ	6054	61K-436.34	Bình Dương	7054	60K-512.22	Đồng Nai

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4055	51L-286.89	Hồ Chí Minh	5055	65C-211.77	Cần Thơ	6055	61K-436.86	Bình Dương	7055	60K-516.15	Đồng Nai
4056	51L-379.37	Hồ Chí Minh	5056	65C-222.36	Cần Thơ	6056	61K-440.00	Bình Dương	7056	60K-538.68	Đồng Nai
4057	60K-514.14	Đồng Nai	5057	66C-176.71	Đồng Tháp	6057	62A-444.89	Long An	7057	61K-409.04	Bình Dương
4058	60K-521.25	Đồng Nai	5058	67A-313.18	An Giang	6058	62C-199.88	Long An	7058	61K-426.26	Bình Dương
4059	60K-542.24	Đồng Nai	5059	67C-177.55	An Giang	6059	63A-306.30	Tiền Giang	7059	63C-213.31	Tiền Giang
4060	61K-389.38	Bình Dương	5060	70A-555.04	Tây Ninh	6060	65A-488.00	Cần Thơ	7060	65A-465.56	Cần Thơ
4061	62A-444.29	Long An	5061	70C-209.02	Tây Ninh	6061	65C-222.39	Cần Thơ	7061	65C-212.21	Cần Thơ
4062	62A-444.47	Long An	5062	71A-200.55	Bến Tre	6062	65C-222.89	Cần Thơ	7062	65C-222.46	Cần Thơ
4063	62A-446.46	Long An	5063	72A-788.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	6063	66A-277.33	Đồng Tháp	7063	66C-176.99	Đồng Tháp
4064	64C-118.81	Vĩnh Long	5064	72A-791.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	6064	66A-286.99	Đồng Tháp	7064	67A-306.30	An Giang
4065	65A-475.55	Cần Thơ	5065	72A-796.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	6065	67A-306.66	An Giang	7065	70A-547.47	Tây Ninh
4066	68A-346.34	Kiên Giang	5066	72A-798.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6066	68A-350.35	Kiên Giang	7066	70A-555.13	Tây Ninh
4067	69C-100.66	Cà Mau	5067	72C-230.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	6067	69A-162.22	Cà Mau	7067	71A-202.20	Bến Tre
4068	74A-264.64	Quảng Trị	5068	76A-307.77	Quảng Ngãi	6068	70A-544.77	Tây Ninh	7068	72A-796.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
4069	76A-248.88	Quảng Ngãi	5069	76D-008.88	Quảng Ngãi	6069	70C-199.19	Tây Ninh	7069	72A-801.10	Bà Rịa - Vũng Tàu
4070	76A-312.31	Quảng Ngãi	5070	77A-333.18	Bình Định	6070	72A-795.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7070	73C-177.88	Quảng Bình
4071	77A-333.26	Bình Định	5071	77A-335.79	Bình Định	6071	72A-800.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7071	76A-308.86	Quảng Ngãi
4072	77A-336.66	Bình Định	5072	77C-251.11	Bình Định	6072	73A-355.88	Quảng Bình	7072	76A-311.77	Quảng Ngãi
4073	81A-419.19	Gia Lai	5073	79A-538.83	Khánh Hòa	6073	76D-008.89	Quảng Ngãi	7073	77A-334.33	Bình Định
4074	81C-264.46	Gia Lai	5074	81A-424.42	Gia Lai	6074	79C-220.00	Khánh Hòa	7074	77C-249.94	Bình Định
4075	82A-127.89	Kon Tum	5075	81C-265.26	Gia Lai	6075	88A-738.88	Vĩnh Phúc	7075	77C-250.52	Bình Định
4076	86A-302.22	Bình Thuận	5076	86A-299.96	Bình Thuận	6076	89A-493.94	Hưng Yên	7076	82A-149.14	Kon Tum
4077	88A-738.38	Vĩnh Phúc	5077	86A-307.07	Bình Thuận	6077	89A-495.59	Hưng Yên	7077	83A-183.89	Sóc Trăng
4078	89A-494.44	Hưng Yên	5078	88A-684.88	Vĩnh Phúc	6078	89C-326.62	Hưng Yên	7078	88A-730.30	Vĩnh Phúc
4079	89C-326.66	Hưng Yên	5079	92A-413.41	Quảng Nam	6079	90A-271.72	Hà Nam	7079	88A-735.37	Vĩnh Phúc
4080	90C-148.89	Hà Nam	5080	93C-187.87	Bình Phước	6080	90C-149.14	Hà Nam	7080	89A-495.55	Hưng Yên
4081	92A-403.30	Quảng Nam	5081	98A-767.79	Bắc Giang	6081	92A-407.70	Quảng Nam	7081	90C-146.86	Hà Nam
4082	92A-407.40	Quảng Nam	5082	98A-776.77	Bắc Giang	6082	92C-247.74	Quảng Nam	7082	97A-092.09	Bắc Kạn
4083	93C-189.98	Bình Phước	5083	98A-777.26	Bắc Giang	6083	99A-777.14	Bắc Ninh	7083	97C-042.24	Bắc Kạn
4084	98A-778.89	Bắc Giang	5084	98C-354.35	Bắc Giang	6084	99A-783.87	Bắc Ninh	7084	97C-043.34	Bắc Kạn
4085	98A-785.87	Bắc Giang	5085	98C-354.54	Bắc Giang	6085	99A-787.79	Bắc Ninh	7085	98A-778.68	Bắc Giang
4086	98A-796.68	Bắc Giang	5086	99A-794.94	Bắc Ninh	6086	99A-788.66	Bắc Ninh	7086	98A-784.84	Bắc Giang
4087	98C-351.11	Bắc Giang	5087	99A-800.88	Bắc Ninh	6087	99A-788.87	Bắc Ninh	7087	99A-773.33	Bắc Ninh
4088	99A-798.97	Bắc Ninh	5088	99A-801.11	Bắc Ninh	6088	99A-796.68	Bắc Ninh	7088	99A-777.11	Bắc Ninh
4089	30L-486.60	Hà Nội	5089	30L-487.66	Hà Nội	6089	30L-488.92	Hà Nội	7089	99C-312.12	Bắc Ninh
4090	30L-487.69	Hà Nội	5090	30L-489.19	Hà Nội	6090	30L-490.12	Hà Nội	7090	99C-315.13	Bắc Ninh
4091	30L-490.02	Hà Nội	5091	30L-489.56	Hà Nội	6091	30L-490.35	Hà Nội	7091	99C-316.16	Bắc Ninh
4092	30L-490.38	Hà Nội	5092	30L-492.41	Hà Nội	6092	30L-494.06	Hà Nội	7092	30L-488.54	Hà Nội
4093	30L-491.38	Hà Nội	5093	30L-492.59	Hà Nội	6093	30L-497.96	Hà Nội	7093	30L-491.39	Hà Nội
4094	30L-493.15	Hà Nội	5094	30L-492.85	Hà Nội	6094	30L-498.58	Hà Nội	7094	30L-492.44	Hà Nội
4095	30L-493.35	Hà Nội	5095	30L-495.91	Hà Nội	6095	30L-499.59	Hà Nội	7095	30L-492.52	Hà Nội
4096	30L-495.04	Hà Nội	5096	30L-496.56	Hà Nội	6096	30L-503.36	Hà Nội	7096	30L-492.68	Hà Nội
4097	30L-495.31	Hà Nội	5097	30L-497.98	Hà Nội	6097	30L-504.14	Hà Nội	7097	30L-492.86	Hà Nội
4098	30L-495.38	Hà Nội	5098	30L-499.09	Hà Nội	6098	30L-508.54	Hà Nội	7098	30L-493.99	Hà Nội
4099	30L-500.89	Hà Nội	5099	30L-501.39	Hà Nội	6099	30L-509.28	Hà Nội	7099	30L-494.55	Hà Nội
4100	30L-502.80	Hà Nội	5100	30L-502.83	Hà Nội	6100	30L-511.35	Hà Nội	7100	30L-495.29	Hà Nội
4101	30L-507.71	Hà Nội	5101	30L-503.00	Hà Nội	6101	30L-512.09	Hà Nội	7101	30L-496.19	Hà Nội
4102	30L-508.19	Hà Nội	5102	30L-503.73	Hà Nội	6102	30L-512.69	Hà Nội	7102	30L-501.22	Hà Nội
4103	30L-508.51	Hà Nội	5103	30L-503.89	Hà Nội	6103	30L-512.89	Hà Nội	7103	30L-502.19	Hà Nội
4104	30L-509.29	Hà Nội	5104	30L-506.18	Hà Nội	6104	30L-513.40	Hà Nội	7104	30L-502.33	Hà Nội
4105	30L-512.18	Hà Nội	5105	30L-507.18	Hà Nội	6105	30L-515.10	Hà Nội	7105	30L-503.44	Hà Nội
4106	30L-512.39	Hà Nội	5106	30L-508.55	Hà Nội	6106	30L-515.26	Hà Nội	7106	30L-504.37	Hà Nội
4107	30L-513.23	Hà Nội	5107	30L-508.74	Hà Nội	6107	30L-515.36	Hà Nội	7107	30L-505.16	Hà Nội
4108	30L-515.46	Hà Nội	5108	30L-511.82	Hà Nội	6108	30L-515.88	Hà Nội	7108	30L-505.26	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4109	30L-517.52	Hà Nội	5109	30L-513.25	Hà Nội	6109	30L-516.95	Hà Nội	7109	30L-506.85	Hà Nội
4110	30L-518.20	Hà Nội	5110	30L-513.87	Hà Nội	6110	30L-519.16	Hà Nội	7110	30L-508.66	Hà Nội
4111	30L-518.30	Hà Nội	5111	30L-514.24	Hà Nội	6111	30L-520.53	Hà Nội	7111	30L-510.43	Hà Nội
4112	30L-518.85	Hà Nội	5112	30L-517.14	Hà Nội	6112	30L-521.29	Hà Nội	7112	30L-510.93	Hà Nội
4113	30L-519.26	Hà Nội	5113	30L-517.89	Hà Nội	6113	30L-523.63	Hà Nội	7113	30L-512.33	Hà Nội
4114	30L-519.36	Hà Nội	5114	30L-519.38	Hà Nội	6114	30L-523.83	Hà Nội	7114	30L-512.77	Hà Nội
4115	30L-520.33	Hà Nội	5115	30L-520.08	Hà Nội	6115	30L-523.96	Hà Nội	7115	30L-513.63	Hà Nội
4116	30L-520.65	Hà Nội	5116	30L-520.35	Hà Nội	6116	30L-524.39	Hà Nội	7116	30L-513.65	Hà Nội
4117	30L-521.18	Hà Nội	5117	30L-520.86	Hà Nội	6117	30L-525.08	Hà Nội	7117	30L-514.01	Hà Nội
4118	30L-521.96	Hà Nội	5118	30L-521.13	Hà Nội	6118	30L-525.29	Hà Nội	7118	30L-514.18	Hà Nội
4119	30L-524.59	Hà Nội	5119	30L-522.36	Hà Nội	6119	30L-525.49	Hà Nội	7119	30L-517.10	Hà Nội
4120	30L-525.48	Hà Nội	5120	30L-522.96	Hà Nội	6120	30L-527.76	Hà Nội	7120	30L-518.00	Hà Nội
4121	30L-525.80	Hà Nội	5121	30L-523.26	Hà Nội	6121	30L-528.71	Hà Nội	7121	30L-520.68	Hà Nội
4122	30L-529.20	Hà Nội	5122	30L-528.20	Hà Nội	6122	30L-529.11	Hà Nội	7122	30L-521.16	Hà Nội
4123	30L-530.78	Hà Nội	5123	30L-530.19	Hà Nội	6123	30L-529.38	Hà Nội	7123	30L-521.66	Hà Nội
4124	30L-531.92	Hà Nội	5124	30L-530.56	Hà Nội	6124	30L-529.69	Hà Nội	7124	30L-523.36	Hà Nội
4125	30L-533.26	Hà Nội	5125	30L-530.67	Hà Nội	6125	30L-531.07	Hà Nội	7125	30L-523.82	Hà Nội
4126	30L-533.36	Hà Nội	5126	30L-536.10	Hà Nội	6126	30L-535.24	Hà Nội	7126	30L-524.68	Hà Nội
4127	30L-541.35	Hà Nội	5127	30L-536.60	Hà Nội	6127	30L-535.75	Hà Nội	7127	30L-524.86	Hà Nội
4128	30L-541.65	Hà Nội	5128	30L-537.39	Hà Nội	6128	30L-536.44	Hà Nội	7128	30L-527.66	Hà Nội
4129	30L-542.60	Hà Nội	5129	30L-537.66	Hà Nội	6129	30L-538.03	Hà Nội	7129	30L-528.69	Hà Nội
4130	30L-542.87	Hà Nội	5130	30L-539.28	Hà Nội	6130	30L-538.30	Hà Nội	7130	30L-530.38	Hà Nội
4131	30L-544.61	Hà Nội	5131	30L-539.58	Hà Nội	6131	30L-538.39	Hà Nội	7131	30L-531.08	Hà Nội
4132	30L-546.11	Hà Nội	5132	30L-540.77	Hà Nội	6132	30L-538.50	Hà Nội	7132	30L-532.65	Hà Nội
4133	30L-546.20	Hà Nội	5133	30L-540.96	Hà Nội	6133	30L-541.03	Hà Nội	7133	30L-532.99	Hà Nội
4134	30L-546.89	Hà Nội	5134	30L-540.98	Hà Nội	6134	30L-542.37	Hà Nội	7134	30L-533.15	Hà Nội
4135	30L-547.33	Hà Nội	5135	30L-541.36	Hà Nội	6135	30L-544.08	Hà Nội	7135	30L-535.19	Hà Nội
4136	12A-251.55	Lạng Sơn	5136	30L-542.29	Hà Nội	6136	30L-544.59	Hà Nội	7136	30L-538.13	Hà Nội
4137	12D-004.22	Lạng Sơn	5137	30L-543.31	Hà Nội	6137	30L-545.09	Hà Nội	7137	30L-540.08	Hà Nội
4138	14A-915.69	Quảng Ninh	5138	30L-544.58	Hà Nội	6138	12D-004.36	Lạng Sơn	7138	30L-540.95	Hà Nội
4139	14A-916.35	Quảng Ninh	5139	30L-545.28	Hà Nội	6139	14A-913.29	Quảng Ninh	7139	30L-541.06	Hà Nội
4140	14A-917.00	Quảng Ninh	5140	30L-545.69	Hà Nội	6140	14A-915.17	Quảng Ninh	7140	30L-546.22	Hà Nội
4141	14A-917.86	Quảng Ninh	5141	30L-546.48	Hà Nội	6141	14A-915.62	Quảng Ninh	7141	30L-546.95	Hà Nội
4142	14A-920.10	Quảng Ninh	5142	12A-252.06	Lạng Sơn	6142	14A-917.39	Quảng Ninh	7142	14A-914.34	Quảng Ninh
4143	14A-920.33	Quảng Ninh	5143	14A-913.26	Quảng Ninh	6143	14A-917.59	Quảng Ninh	7143	14A-914.79	Quảng Ninh
4144	14A-920.39	Quảng Ninh	5144	14A-913.85	Quảng Ninh	6144	14A-917.78	Quảng Ninh	7144	14A-916.74	Quảng Ninh
4145	14A-921.16	Quảng Ninh	5145	14A-914.97	Quảng Ninh	6145	14A-918.44	Quảng Ninh	7145	14A-916.92	Quảng Ninh
4146	14A-922.86	Quảng Ninh	5146	14A-914.98	Quảng Ninh	6146	14A-918.87	Quảng Ninh	7146	14A-917.88	Quảng Ninh
4147	14A-924.15	Quảng Ninh	5147	14A-915.77	Quảng Ninh	6147	14A-919.08	Quảng Ninh	7147	14A-918.25	Quảng Ninh
4148	14A-925.68	Quảng Ninh	5148	14A-917.16	Quảng Ninh	6148	14A-919.22	Quảng Ninh	7148	14A-921.05	Quảng Ninh
4149	15K-307.44	Hải Phòng	5149	14A-919.10	Quảng Ninh	6149	14A-919.31	Quảng Ninh	7149	14A-921.18	Quảng Ninh
4150	15K-308.77	Hải Phòng	5150	14A-920.89	Quảng Ninh	6150	14A-919.35	Quảng Ninh	7150	14A-921.22	Quảng Ninh
4151	15K-310.96	Hải Phòng	5151	14A-921.55	Quảng Ninh	6151	14A-919.76	Quảng Ninh	7151	14A-921.44	Quảng Ninh
4152	15K-311.10	Hải Phòng	5152	14A-922.04	Quảng Ninh	6152	14A-923.26	Quảng Ninh	7152	14A-922.78	Quảng Ninh
4153	15K-312.89	Hải Phòng	5153	14A-924.03	Quảng Ninh	6153	14A-925.21	Quảng Ninh	7153	14A-924.99	Quảng Ninh
4154	15K-313.76	Hải Phòng	5154	14A-925.40	Quảng Ninh	6154	14A-925.59	Quảng Ninh	7154	14A-926.28	Quảng Ninh
4155	15K-313.95	Hải Phòng	5155	14A-926.95	Quảng Ninh	6155	14A-926.31	Quảng Ninh	7155	14A-926.49	Quảng Ninh
4156	15K-314.73	Hải Phòng	5156	14A-929.06	Quảng Ninh	6156	14A-927.13	Quảng Ninh	7156	14A-927.83	Quảng Ninh
4157	15K-315.08	Hải Phòng	5157	14A-930.19	Quảng Ninh	6157	14A-928.90	Quảng Ninh	7157	15K-306.02	Hải Phòng
4158	15K-316.22	Hải Phòng	5158	15K-305.77	Hải Phòng	6158	15K-305.96	Hải Phòng	7158	15K-306.85	Hải Phòng
4159	15K-317.15	Hải Phòng	5159	15K-305.95	Hải Phòng	6159	15K-307.99	Hải Phòng	7159	15K-309.77	Hải Phòng
4160	15K-317.18	Hải Phòng	5160	15K-306.16	Hải Phòng	6160	15K-308.65	Hải Phòng	7160	15K-311.96	Hải Phòng
4161	15K-319.77	Hải Phòng	5161	15K-306.20	Hải Phòng	6161	15K-308.96	Hải Phòng	7161	15K-312.85	Hải Phòng
4162	15K-320.08	Hải Phòng	5162	15K-306.69	Hải Phòng	6162	15K-312.00	Hải Phòng	7162	15K-313.69	Hải Phòng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4163	15K-320.80	Hải Phòng	5163	15K-307.88	Hải Phòng	6163	15K-312.25	Hải Phòng	7163	15K-313.73	Hải Phòng
4164	15K-322.16	Hải Phòng	5164	15K-308.70	Hải Phòng	6164	15K-312.86	Hải Phòng	7164	15K-315.11	Hải Phòng
4165	15K-324.30	Hải Phòng	5165	15K-310.44	Hải Phòng	6165	15K-314.53	Hải Phòng	7165	15K-316.12	Hải Phòng
4166	15K-324.58	Hải Phòng	5166	15K-313.09	Hải Phòng	6166	15K-317.08	Hải Phòng	7166	15K-316.19	Hải Phòng
4167	15K-325.33	Hải Phòng	5167	15K-313.15	Hải Phòng	6167	15K-317.59	Hải Phòng	7167	15K-318.45	Hải Phòng
4168	15K-326.29	Hải Phòng	5168	15K-316.15	Hải Phòng	6168	15K-317.62	Hải Phòng	7168	15K-320.38	Hải Phòng
4169	15K-326.59	Hải Phòng	5169	15K-317.29	Hải Phòng	6169	15K-318.16	Hải Phòng	7169	15K-321.98	Hải Phòng
4170	15K-327.35	Hải Phòng	5170	15K-317.68	Hải Phòng	6170	15K-318.35	Hải Phòng	7170	15K-324.76	Hải Phòng
4171	15K-327.47	Hải Phòng	5171	15K-318.59	Hải Phòng	6171	15K-319.66	Hải Phòng	7171	15K-326.94	Hải Phòng
4172	15K-327.62	Hải Phòng	5172	15K-321.97	Hải Phòng	6172	15K-320.84	Hải Phòng	7172	15K-327.09	Hải Phòng
4173	15K-327.83	Hải Phòng	5173	15K-324.83	Hải Phòng	6173	15K-322.59	Hải Phòng	7173	15K-329.08	Hải Phòng
4174	15K-328.19	Hải Phòng	5174	15K-325.69	Hải Phòng	6174	15K-322.86	Hải Phòng	7174	15K-330.11	Hải Phòng
4175	15K-329.17	Hải Phòng	5175	15K-326.19	Hải Phòng	6175	15K-323.64	Hải Phòng	7175	15K-332.26	Hải Phòng
4176	15K-330.26	Hải Phòng	5176	15K-327.22	Hải Phòng	6176	15K-325.19	Hải Phòng	7176	15K-332.29	Hải Phòng
4177	15K-330.51	Hải Phòng	5177	15K-329.12	Hải Phòng	6177	15K-325.99	Hải Phòng	7177	15K-333.96	Hải Phòng
4178	15K-330.69	Hải Phòng	5178	17A-466.04	Thái Bình	6178	15K-326.55	Hải Phòng	7178	15K-334.53	Hải Phòng
4179	15K-334.55	Hải Phòng	5179	17A-466.16	Thái Bình	6179	15K-327.14	Hải Phòng	7179	15K-334.89	Hải Phòng
4180	15K-335.29	Hải Phòng	5180	17A-466.29	Thái Bình	6180	15K-328.77	Hải Phòng	7180	17A-468.65	Thái Bình
4181	15K-335.43	Hải Phòng	5181	17A-467.33	Thái Bình	6181	15K-331.25	Hải Phòng	7181	18A-457.70	Nam Định
4182	15K-336.03	Hải Phòng	5182	17A-467.99	Thái Bình	6182	15K-331.39	Hải Phòng	7182	18A-457.85	Nam Định
4183	17A-465.68	Thái Bình	5183	17A-468.00	Thái Bình	6183	15K-332.57	Hải Phòng	7183	18A-458.24	Nam Định
4184	17A-467.58	Thái Bình	5184	18A-457.60	Nam Định	6184	15K-334.00	Hải Phòng	7184	18A-459.37	Nam Định
4185	18A-457.38	Nam Định	5185	18A-459.15	Nam Định	6185	15K-335.36	Hải Phòng	7185	18A-459.38	Nam Định
4186	18A-457.40	Nam Định	5186	18A-459.55	Nam Định	6186	17A-467.24	Thái Bình	7186	18A-460.61	Nam Định
4187	18A-458.15	Nam Định	5187	18A-460.26	Nam Định	6187	17A-467.66	Thái Bình	7187	18A-462.85	Nam Định
4188	18A-459.88	Nam Định	5188	18A-461.86	Nam Định	6188	18A-460.12	Nam Định	7188	18A-465.10	Nam Định
4189	18A-462.03	Nam Định	5189	18A-462.06	Nam Định	6189	18A-461.23	Nam Định	7189	18A-466.52	Nam Định
4190	18A-462.92	Nam Định	5190	18A-463.18	Nam Định	6190	18A-463.00	Nam Định	7190	19A-652.99	Phú Thọ
4191	18A-464.65	Nam Định	5191	18A-463.31	Nam Định	6191	18A-463.83	Nam Định	7191	19A-654.94	Phú Thọ
4192	18A-466.09	Nam Định	5192	18A-465.35	Nam Định	6192	18A-466.18	Nam Định	7192	19A-655.86	Phú Thọ
4193	18D-011.26	Nam Định	5193	19A-653.15	Phú Thọ	6193	18D-011.28	Nam Định	7193	19A-657.97	Phú Thọ
4194	18D-011.53	Nam Định	5194	19A-653.68	Phú Thọ	6194	18D-011.59	Nam Định	7194	19A-658.20	Phú Thọ
4195	19A-657.85	Phú Thọ	5195	19A-654.10	Phú Thọ	6195	19A-653.54	Phú Thọ	7195	19A-658.66	Phú Thọ
4196	19A-660.44	Phú Thọ	5196	19A-654.64	Phú Thọ	6196	19A-653.89	Phú Thọ	7196	19A-659.15	Phú Thọ
4197	19A-660.88	Phú Thọ	5197	19A-654.66	Phú Thọ	6197	19A-654.06	Phú Thọ	7197	19A-659.31	Phú Thọ
4198	19A-662.48	Phú Thọ	5198	19A-655.25	Phú Thọ	6198	19A-655.16	Phú Thọ	7198	19A-665.36	Phú Thọ
4199	19A-662.74	Phú Thọ	5199	19A-659.26	Phú Thọ	6199	19A-657.19	Phú Thọ	7199	19A-667.01	Phú Thọ
4200	19A-663.11	Phú Thọ	5200	19A-661.32	Phú Thọ	6200	19A-660.35	Phú Thọ	7200	19A-668.18	Phú Thọ
4201	19A-663.42	Phú Thọ	5201	19A-661.69	Phú Thọ	6201	19A-661.08	Phú Thọ	7201	19A-668.76	Phú Thọ
4202	19A-668.69	Phú Thọ	5202	19A-662.65	Phú Thọ	6202	19A-661.85	Phú Thọ	7202	19A-669.09	Phú Thọ
4203	19A-670.91	Phú Thọ	5203	19A-664.00	Phú Thọ	6203	19A-661.89	Phú Thọ	7203	19A-669.39	Phú Thọ
4204	19C-246.77	Phú Thọ	5204	19A-664.22	Phú Thọ	6204	19A-663.06	Phú Thọ	7204	19A-669.74	Phú Thọ
4205	19C-248.99	Phú Thọ	5205	19A-665.95	Phú Thọ	6205	19A-664.68	Phú Thọ	7205	19C-246.39	Phú Thọ
4206	20A-784.88	Thái Nguyên	5206	19A-671.18	Phú Thọ	6206	19A-665.96	Phú Thọ	7206	19C-247.67	Phú Thọ
4207	20A-785.99	Thái Nguyên	5207	19A-671.29	Phú Thọ	6207	19A-666.71	Phú Thọ	7207	19C-248.26	Phú Thọ
4208	20A-793.30	Thái Nguyên	5208	19D-012.68	Phú Thọ	6208	19A-668.34	Phú Thọ	7208	19D-012.74	Phú Thọ
4209	20A-794.59	Thái Nguyên	5209	19D-012.69	Phú Thọ	6209	19C-246.28	Phú Thọ	7209	20A-783.56	Thái Nguyên
4210	20A-795.83	Thái Nguyên	5210	20A-782.86	Thái Nguyên	6210	19C-246.40	Phú Thọ	7210	20A-786.55	Thái Nguyên
4211	20A-797.04	Thái Nguyên	5211	20A-786.00	Thái Nguyên	6211	19D-012.79	Phú Thọ	7211	20A-787.16	Thái Nguyên
4212	20A-797.85	Thái Nguyên	5212	20A-786.38	Thái Nguyên	6212	20A-783.55	Thái Nguyên	7212	20A-789.44	Thái Nguyên
4213	20A-798.07	Thái Nguyên	5213	20A-786.89	Thái Nguyên	6213	20A-790.59	Thái Nguyên	7213	20A-789.88	Thái Nguyên
4214	20A-799.35	Thái Nguyên	5214	20A-789.79	Thái Nguyên	6214	20A-791.50	Thái Nguyên	7214	20A-790.11	Thái Nguyên
4215	20A-803.06	Thái Nguyên	5215	20A-790.33	Thái Nguyên	6215	20A-791.85	Thái Nguyên	7215	20A-791.30	Thái Nguyên
4216	20A-803.89	Thái Nguyên	5216	20A-791.07	Thái Nguyên	6216	20A-793.11	Thái Nguyên	7216	20A-791.77	Thái Nguyên

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4217	20A-804.38	Thái Nguyên	5217	20A-792.88	Thái Nguyên	6217	20A-795.08	Thái Nguyên	7217	20A-793.56	Thái Nguyên
4218	20A-805.24	Thái Nguyên	5218	20A-793.95	Thái Nguyên	6218	20A-795.40	Thái Nguyên	7218	20A-794.09	Thái Nguyên
4219	20A-805.99	Thái Nguyên	5219	20A-794.28	Thái Nguyên	6219	20A-795.69	Thái Nguyên	7219	20A-794.57	Thái Nguyên
4220	20A-806.69	Thái Nguyên	5220	20A-794.34	Thái Nguyên	6220	20A-796.52	Thái Nguyên	7220	20A-795.23	Thái Nguyên
4221	20A-807.34	Thái Nguyên	5221	20A-794.69	Thái Nguyên	6221	20A-797.29	Thái Nguyên	7221	20A-799.62	Thái Nguyên
4222	20A-810.61	Thái Nguyên	5222	20A-795.56	Thái Nguyên	6222	20A-798.00	Thái Nguyên	7222	20A-800.18	Thái Nguyên
4223	20C-292.24	Thái Nguyên	5223	20A-795.89	Thái Nguyên	6223	20A-799.95	Thái Nguyên	7223	20A-801.33	Thái Nguyên
4224	20C-293.11	Thái Nguyên	5224	20A-798.38	Thái Nguyên	6224	20A-800.78	Thái Nguyên	7224	20A-801.49	Thái Nguyên
4225	20C-293.79	Thái Nguyên	5225	20A-800.87	Thái Nguyên	6225	20A-803.77	Thái Nguyên	7225	20A-802.83	Thái Nguyên
4226	20C-294.33	Thái Nguyên	5226	20A-801.07	Thái Nguyên	6226	20A-804.83	Thái Nguyên	7226	20A-803.00	Thái Nguyên
4227	20D-027.99	Thái Nguyên	5227	20A-803.12	Thái Nguyên	6227	20A-806.65	Thái Nguyên	7227	20A-805.00	Thái Nguyên
4228	20D-028.00	Thái Nguyên	5228	20A-803.85	Thái Nguyên	6228	20A-807.58	Thái Nguyên	7228	20A-807.85	Thái Nguyên
4229	20D-028.26	Thái Nguyên	5229	20A-804.26	Thái Nguyên	6229	20A-808.35	Thái Nguyên	7229	20A-809.19	Thái Nguyên
4230	21A-210.49	Yên Bái	5230	20A-805.85	Thái Nguyên	6230	20A-809.15	Thái Nguyên	7230	20A-811.19	Thái Nguyên
4231	21C-103.18	Yên Bái	5231	20A-806.16	Thái Nguyên	6231	20A-809.28	Thái Nguyên	7231	20B-032.06	Thái Nguyên
4232	21C-103.19	Yên Bái	5232	20A-807.03	Thái Nguyên	6232	20A-809.61	Thái Nguyên	7232	20C-287.66	Thái Nguyên
4233	21C-104.18	Yên Bái	5233	20A-807.28	Thái Nguyên	6233	20C-290.30	Thái Nguyên	7233	20C-290.60	Thái Nguyên
4234	21C-106.38	Yên Bái	5234	20A-808.23	Thái Nguyên	6234	20C-294.38	Thái Nguyên	7234	20C-291.95	Thái Nguyên
4235	21C-107.39	Yên Bái	5235	20A-810.28	Thái Nguyên	6235	20C-295.18	Thái Nguyên	7235	20C-294.63	Thái Nguyên
4236	22A-251.28	Tuyên Quang	5236	20A-810.65	Thái Nguyên	6236	20C-295.22	Thái Nguyên	7236	20C-294.68	Thái Nguyên
4237	22A-255.40	Tuyên Quang	5237	20B-032.26	Thái Nguyên	6237	20C-295.68	Thái Nguyên	7237	21A-206.89	Yên Bái
4238	22C-108.96	Tuyên Quang	5238	20C-290.54	Thái Nguyên	6238	20D-028.09	Thái Nguyên	7238	21A-207.08	Yên Bái
4239	23C-084.77	Hà Giang	5239	20C-291.55	Thái Nguyên	6239	20D-028.52	Thái Nguyên	7239	21A-207.86	Yên Bái
4240	24A-291.68	Lào Cai	5240	20C-292.66	Thái Nguyên	6240	21A-207.55	Yên Bái	7240	21A-207.90	Yên Bái
4241	24A-294.38	Lào Cai	5241	20C-293.18	Thái Nguyên	6241	22A-250.92	Tuyên Quang	7241	21A-211.06	Yên Bái
4242	24A-295.19	Lào Cai	5242	20C-293.45	Thái Nguyên	6242	22A-250.99	Tuyên Quang	7242	21C-103.77	Yên Bái
4243	24A-296.11	Lào Cai	5243	20C-293.84	Thái Nguyên	6243	22A-251.99	Tuyên Quang	7243	21C-105.56	Yên Bái
4244	24A-297.59	Lào Cai	5244	20C-294.10	Thái Nguyên	6244	22A-254.55	Tuyên Quang	7244	21C-107.08	Yên Bái
4245	24A-298.16	Lào Cai	5245	20C-294.42	Thái Nguyên	6245	23C-082.66	Hà Giang	7245	21C-108.09	Yên Bái
4246	24A-300.56	Lào Cai	5246	20C-295.09	Thái Nguyên	6246	23C-083.09	Hà Giang	7246	21D-003.68	Yên Bái
4247	24A-300.58	Lào Cai	5247	21A-208.06	Yên Bái	6247	23C-086.02	Hà Giang	7247	22A-250.80	Tuyên Quang
4248	24A-301.89	Lào Cai	5248	21A-208.16	Yên Bái	6248	23C-086.22	Hà Giang	7248	22A-251.08	Tuyên Quang
4249	24A-303.25	Lào Cai	5249	21A-208.26	Yên Bái	6249	24A-292.86	Lào Cai	7249	22A-255.73	Tuyên Quang
4250	24A-303.38	Lào Cai	5250	21A-209.84	Yên Bái	6250	24A-296.59	Lào Cai	7250	22C-106.19	Tuyên Quang
4251	24C-154.78	Lào Cai	5251	21A-210.56	Yên Bái	6251	24A-298.18	Lào Cai	7251	22C-107.36	Tuyên Quang
4252	24C-156.64	Lào Cai	5252	21A-210.68	Yên Bái	6252	24A-300.43	Lào Cai	7252	22C-108.56	Tuyên Quang
4253	26A-218.44	Sơn La	5253	21C-102.19	Yên Bái	6253	24A-302.15	Lào Cai	7253	23C-083.44	Hà Giang
4254	26A-220.40	Sơn La	5254	21C-105.58	Yên Bái	6254	24A-302.25	Lào Cai	7254	24A-292.55	Lào Cai
4255	26A-222.43	Sơn La	5255	21C-107.59	Yên Bái	6255	24C-155.28	Lào Cai	7255	24A-293.55	Lào Cai
4256	26C-149.59	Sơn La	5256	22A-250.79	Tuyên Quang	6256	24C-157.41	Lào Cai	7256	24A-296.09	Lào Cai
4257	26C-154.19	Sơn La	5257	22A-251.22	Tuyên Quang	6257	26A-218.41	Sơn La	7257	24A-296.88	Lào Cai
4258	26C-154.26	Sơn La	5258	22A-251.40	Tuyên Quang	6258	26A-219.01	Sơn La	7258	24A-297.69	Lào Cai
4259	26C-154.95	Sơn La	5259	22A-251.85	Tuyên Quang	6259	26A-220.69	Sơn La	7259	24A-299.18	Lào Cai
4260	26C-154.96	Sơn La	5260	22A-252.36	Tuyên Quang	6260	26A-222.54	Sơn La	7260	24A-301.50	Lào Cai
4261	26C-154.97	Sơn La	5261	22A-254.65	Tuyên Quang	6261	26A-222.97	Sơn La	7261	24A-302.47	Lào Cai
4262	26C-155.93	Sơn La	5262	23C-082.56	Hà Giang	6262	26B-015.69	Sơn La	7262	24A-303.18	Lào Cai
4263	27C-067.36	Điện Biên	5263	23C-084.55	Hà Giang	6263	26C-148.77	Sơn La	7263	24C-155.63	Lào Cai
4264	27C-067.38	Điện Biên	5264	23D-004.33	Hà Giang	6264	26C-149.33	Sơn La	7264	24C-155.69	Lào Cai
4265	27C-069.39	Điện Biên	5265	24A-293.38	Lào Cai	6265	26C-149.38	Sơn La	7265	24D-006.11	Lào Cai
4266	27C-069.86	Điện Biên	5266	24A-296.26	Lào Cai	6266	26C-150.08	Sơn La	7266	24D-006.12	Lào Cai
4267	27C-070.09	Điện Biên	5267	24A-299.56	Lào Cai	6267	26C-152.09	Sơn La	7267	24D-006.18	Lào Cai
4268	27C-070.37	Điện Biên	5268	24A-299.68	Lào Cai	6268	26C-152.46	Sơn La	7268	26A-218.33	Sơn La
4269	28A-245.35	Hòa Bình	5269	24C-154.56	Lào Cai	6269	26C-153.44	Sơn La	7269	26A-221.10	Sơn La
4270	28A-245.51	Hòa Bình	5270	24C-156.22	Lào Cai	6270	27C-068.16	Điện Biên	7270	26A-221.37	Sơn La

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4271	28A-245.85	Hòa Bình	5271	24D-006.26	Lào Cai	6271	27C-068.22	Điện Biên	7271	26C-150.39	Sơn La
4272	28A-245.88	Hòa Bình	5272	26A-219.59	Sơn La	6272	27C-068.39	Điện Biên	7272	26C-151.18	Sơn La
4273	28A-246.65	Hòa Bình	5273	26A-219.70	Sơn La	6273	28A-242.75	Hòa Bình	7273	26C-152.38	Sơn La
4274	28A-247.29	Hòa Bình	5274	26A-220.54	Sơn La	6274	28A-243.99	Hòa Bình	7274	27C-066.89	Điện Biên
4275	28C-112.59	Hòa Bình	5275	26C-147.19	Sơn La	6275	28A-244.45	Hòa Bình	7275	27C-069.22	Điện Biên
4276	28C-112.86	Hòa Bình	5276	26C-147.99	Sơn La	6276	28A-246.70	Hòa Bình	7276	28A-244.27	Hòa Bình
4277	28C-114.58	Hòa Bình	5277	26C-148.59	Sơn La	6277	28B-014.09	Hòa Bình	7277	28A-244.79	Hòa Bình
4278	28C-114.68	Hòa Bình	5278	26C-149.88	Sơn La	6278	28C-115.43	Hòa Bình	7278	28A-246.09	Hòa Bình
4279	28C-115.00	Hòa Bình	5279	26C-151.08	Sơn La	6279	29K-192.86	Hà Nội	7279	28A-246.71	Hòa Bình
4280	28C-115.69	Hòa Bình	5280	26C-152.35	Sơn La	6280	29K-199.56	Hà Nội	7280	28C-113.39	Hòa Bình
4281	29K-194.18	Hà Nội	5281	26C-152.67	Sơn La	6281	29K-201.65	Hà Nội	7281	28C-113.66	Hòa Bình
4282	29K-198.69	Hà Nội	5282	26C-154.77	Sơn La	6282	29K-202.26	Hà Nội	7282	28C-115.40	Hòa Bình
4283	29K-200.06	Hà Nội	5283	26D-010.38	Sơn La	6283	29K-204.36	Hà Nội	7283	28C-115.77	Hòa Bình
4284	29K-200.87	Hà Nội	5284	27C-069.68	Điện Biên	6284	29K-207.65	Hà Nội	7284	28C-116.31	Hòa Bình
4285	29K-201.68	Hà Nội	5285	28A-243.68	Hòa Bình	6285	29K-208.83	Hà Nội	7285	29K-192.58	Hà Nội
4286	29K-202.88	Hà Nội	5286	28A-244.15	Hòa Bình	6286	29K-213.14	Hà Nội	7286	29K-193.89	Hà Nội
4287	29K-203.68	Hà Nội	5287	28A-246.19	Hòa Bình	6287	29K-213.40	Hà Nội	7287	29K-194.39	Hà Nội
4288	29K-203.85	Hà Nội	5288	28A-246.39	Hòa Bình	6288	29K-214.71	Hà Nội	7288	29K-195.33	Hà Nội
4289	29K-204.11	Hà Nội	5289	28A-246.98	Hòa Bình	6289	29K-215.57	Hà Nội	7289	29K-195.38	Hà Nội
4290	29K-205.52	Hà Nội	5290	28C-111.86	Hòa Bình	6290	29K-219.11	Hà Nội	7290	29K-200.45	Hà Nội
4291	29K-208.37	Hà Nội	5291	28C-115.33	Hòa Bình	6291	34A-821.88	Hải Dương	7291	29K-201.09	Hà Nội
4292	29K-209.06	Hà Nội	5292	28C-116.44	Hòa Bình	6292	34A-824.77	Hải Dương	7292	29K-203.90	Hà Nội
4293	29K-209.86	Hà Nội	5293	29K-193.68	Hà Nội	6293	34A-825.30	Hải Dương	7293	29K-204.59	Hà Nội
4294	29K-211.68	Hà Nội	5294	29K-198.38	Hà Nội	6294	34A-826.22	Hải Dương	7294	29K-204.84	Hà Nội
4295	29K-212.13	Hà Nội	5295	29K-200.15	Hà Nội	6295	34A-827.06	Hải Dương	7295	29K-205.25	Hà Nội
4296	29K-214.05	Hà Nội	5296	29K-203.08	Hà Nội	6296	34A-827.54	Hải Dương	7296	29K-205.99	Hà Nội
4297	29K-215.27	Hà Nội	5297	29K-204.00	Hà Nội	6297	34A-828.63	Hải Dương	7297	29K-206.00	Hà Nội
4298	34A-824.38	Hải Dương	5298	29K-204.66	Hà Nội	6298	34A-829.35	Hải Dương	7298	29K-209.30	Hà Nội
4299	34A-826.44	Hải Dương	5299	29K-206.11	Hà Nội	6299	34A-829.74	Hải Dương	7299	29K-211.82	Hà Nội
4300	34A-827.25	Hải Dương	5300	29K-210.31	Hà Nội	6300	34A-831.55	Hải Dương	7300	29K-212.58	Hà Nội
4301	34A-827.39	Hải Dương	5301	29K-213.58	Hà Nội	6301	34A-831.73	Hải Dương	7301	29K-212.88	Hà Nội
4302	34A-829.30	Hải Dương	5302	29K-214.18	Hà Nội	6302	34A-832.09	Hải Dương	7302	29K-213.11	Hà Nội
4303	34A-831.07	Hải Dương	5303	29K-217.35	Hà Nội	6303	34A-832.89	Hải Dương	7303	29K-215.58	Hà Nội
4304	34A-831.35	Hải Dương	5304	29K-218.03	Hà Nội	6304	34A-834.21	Hải Dương	7304	29K-216.79	Hà Nội
4305	34A-834.02	Hải Dương	5305	29K-218.58	Hà Nội	6305	34A-835.11	Hải Dương	7305	29K-219.36	Hà Nội
4306	34A-834.48	Hải Dương	5306	29K-218.79	Hà Nội	6306	34A-835.13	Hải Dương	7306	34A-820.06	Hải Dương
4307	34A-835.79	Hải Dương	5307	29K-219.85	Hà Nội	6307	34A-835.71	Hải Dương	7307	34A-822.39	Hải Dương
4308	34A-835.98	Hải Dương	5308	34A-821.79	Hải Dương	6308	34A-836.84	Hải Dương	7308	34A-822.85	Hải Dương
4309	34A-838.28	Hải Dương	5309	34A-822.26	Hải Dương	6309	34A-836.85	Hải Dương	7309	34A-826.77	Hải Dương
4310	34A-839.77	Hải Dương	5310	34A-823.99	Hải Dương	6310	34A-838.66	Hải Dương	7310	34A-828.33	Hải Dương
4311	34A-839.78	Hải Dương	5311	34A-824.89	Hải Dương	6311	34A-841.15	Hải Dương	7311	34A-829.00	Hải Dương
4312	34A-839.86	Hải Dương	5312	34A-825.33	Hải Dương	6312	34A-843.17	Hải Dương	7312	34A-829.13	Hải Dương
4313	34A-840.28	Hải Dương	5313	34A-825.53	Hải Dương	6313	34A-843.22	Hải Dương	7313	34A-830.50	Hải Dương
4314	34A-840.56	Hải Dương	5314	34A-825.78	Hải Dương	6314	34A-843.39	Hải Dương	7314	34A-830.99	Hải Dương
4315	34A-842.19	Hải Dương	5315	34A-826.25	Hải Dương	6315	34A-844.06	Hải Dương	7315	34A-831.16	Hải Dương
4316	34A-842.89	Hải Dương	5316	34A-827.68	Hải Dương	6316	34A-845.88	Hải Dương	7316	34A-831.67	Hải Dương
4317	34A-843.83	Hải Dương	5317	34A-828.95	Hải Dương	6317	34A-846.26	Hải Dương	7317	34A-833.28	Hải Dương
4318	34A-843.92	Hải Dương	5318	34A-829.18	Hải Dương	6318	34A-847.06	Hải Dương	7318	34A-833.98	Hải Dương
4319	34A-845.06	Hải Dương	5319	34A-830.51	Hải Dương	6319	34A-847.72	Hải Dương	7319	34A-834.07	Hải Dương
4320	34A-848.57	Hải Dương	5320	34A-830.92	Hải Dương	6320	34A-849.08	Hải Dương	7320	34A-834.63	Hải Dương
4321	34A-849.17	Hải Dương	5321	34A-832.08	Hải Dương	6321	34A-849.13	Hải Dương	7321	34A-835.16	Hải Dương
4322	34A-849.18	Hải Dương	5322	34A-834.68	Hải Dương	6322	34A-849.29	Hải Dương	7322	34A-840.58	Hải Dương
4323	34A-850.31	Hải Dương	5323	34A-835.89	Hải Dương	6323	34A-849.88	Hải Dương	7323	34A-841.67	Hải Dương
4324	34A-851.96	Hải Dương	5324	34A-838.33	Hải Dương	6324	34A-850.16	Hải Dương	7324	34A-842.41	Hải Dương

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4325	34A-854.33	Hải Dương	5325	34A-839.48	Hải Dương	6325	34A-851.35	Hải Dương	7325	34A-842.85	Hải Dương
4326	34C-400.28	Hải Dương	5326	34A-840.33	Hải Dương	6326	34A-851.77	Hải Dương	7326	34A-843.74	Hải Dương
4327	34C-401.47	Hải Dương	5327	34A-842.11	Hải Dương	6327	34A-855.06	Hải Dương	7327	34A-843.79	Hải Dương
4328	34C-403.56	Hải Dương	5328	34A-842.58	Hải Dương	6328	34A-855.15	Hải Dương	7328	34A-844.36	Hải Dương
4329	34C-403.79	Hải Dương	5329	34A-844.09	Hải Dương	6329	34A-855.90	Hải Dương	7329	34A-845.11	Hải Dương
4330	34C-406.34	Hải Dương	5330	34A-844.19	Hải Dương	6330	34A-856.19	Hải Dương	7330	34A-845.31	Hải Dương
4331	34C-406.59	Hải Dương	5331	34A-846.06	Hải Dương	6331	34C-401.16	Hải Dương	7331	34A-846.59	Hải Dương
4332	34C-407.09	Hải Dương	5332	34A-846.29	Hải Dương	6332	34C-402.66	Hải Dương	7332	34A-847.25	Hải Dương
4333	34C-407.44	Hải Dương	5333	34A-846.95	Hải Dương	6333	34C-403.18	Hải Dương	7333	34A-848.06	Hải Dương
4334	34D-034.18	Hải Dương	5334	34A-848.25	Hải Dương	6334	34C-405.29	Hải Dương	7334	34A-849.55	Hải Dương
4335	34D-034.69	Hải Dương	5335	34A-850.91	Hải Dương	6335	34C-406.33	Hải Dương	7335	34A-851.19	Hải Dương
4336	35A-436.22	Ninh Bình	5336	34A-851.83	Hải Dương	6336	34C-408.09	Hải Dương	7336	34A-851.73	Hải Dương
4337	35A-436.25	Ninh Bình	5337	34A-852.38	Hải Dương	6337	35A-434.40	Ninh Bình	7337	34A-851.79	Hải Dương
4338	35A-439.00	Ninh Bình	5338	34A-853.18	Hải Dương	6338	35A-437.47	Ninh Bình	7338	34C-400.67	Hải Dương
4339	35A-439.28	Ninh Bình	5339	34A-854.20	Hải Dương	6339	35A-441.56	Ninh Bình	7339	34C-400.80	Hải Dương
4340	35A-441.06	Ninh Bình	5340	34A-854.26	Hải Dương	6340	35A-442.39	Ninh Bình	7340	34C-402.03	Hải Dương
4341	35A-441.58	Ninh Bình	5341	34A-854.96	Hải Dương	6341	35A-442.59	Ninh Bình	7341	34C-403.25	Hải Dương
4342	35A-442.96	Ninh Bình	5342	34A-855.29	Hải Dương	6342	35A-442.69	Ninh Bình	7342	34C-403.28	Hải Dương
4343	35C-164.36	Ninh Bình	5343	34A-855.56	Hải Dương	6343	35A-442.94	Ninh Bình	7343	34C-406.23	Hải Dương
4344	35C-164.85	Ninh Bình	5344	34C-401.18	Hải Dương	6344	35C-163.89	Ninh Bình	7344	34C-407.19	Hải Dương
4345	35C-166.36	Ninh Bình	5345	34C-401.87	Hải Dương	6345	35C-173.32	Ninh Bình	7345	34C-407.26	Hải Dương
4346	35C-169.56	Ninh Bình	5346	34C-403.65	Hải Dương	6346	35C-173.66	Ninh Bình	7346	34D-034.86	Hải Dương
4347	35C-170.56	Ninh Bình	5347	34C-404.83	Hải Dương	6347	36C-483.89	Thanh Hóa	7347	35A-434.96	Ninh Bình
4348	35D-011.69	Ninh Bình	5348	34C-404.87	Hải Dương	6348	36C-485.18	Thanh Hóa	7348	35A-436.11	Ninh Bình
4349	36C-485.09	Thanh Hóa	5349	34C-405.39	Hải Dương	6349	36C-487.06	Thanh Hóa	7349	35A-437.63	Ninh Bình
4350	36C-486.33	Thanh Hóa	5350	34C-406.88	Hải Dương	6350	36C-489.39	Thanh Hóa	7350	35A-437.86	Ninh Bình
4351	36C-492.06	Thanh Hóa	5351	34D-033.58	Hải Dương	6351	36C-489.88	Thanh Hóa	7351	35A-439.35	Ninh Bình
4352	36C-494.56	Thanh Hóa	5352	35A-434.08	Ninh Bình	6352	36C-495.66	Thanh Hóa	7352	35A-439.49	Ninh Bình
4353	36C-495.33	Thanh Hóa	5353	35A-436.44	Ninh Bình	6353	36C-495.89	Thanh Hóa	7353	35A-442.00	Ninh Bình
4354	36C-495.68	Thanh Hóa	5354	35A-437.56	Ninh Bình	6354	36C-496.38	Thanh Hóa	7354	35A-442.31	Ninh Bình
4355	36C-497.08	Thanh Hóa	5355	35A-437.89	Ninh Bình	6355	36C-497.11	Thanh Hóa	7355	35A-442.66	Ninh Bình
4356	36C-498.55	Thanh Hóa	5356	35A-440.41	Ninh Bình	6356	36C-497.33	Thanh Hóa	7356	35C-163.56	Ninh Bình
4357	36C-502.36	Thanh Hóa	5357	35A-441.18	Ninh Bình	6357	36C-498.77	Thanh Hóa	7357	35C-166.18	Ninh Bình
4358	36K-081.09	Thanh Hóa	5358	35A-441.24	Ninh Bình	6358	36C-499.18	Thanh Hóa	7358	35C-169.79	Ninh Bình
4359	36K-081.58	Thanh Hóa	5359	35A-442.06	Ninh Bình	6359	36K-086.56	Thanh Hóa	7359	35C-170.86	Ninh Bình
4360	36K-084.06	Thanh Hóa	5360	35C-163.59	Ninh Bình	6360	36K-089.44	Thanh Hóa	7360	35C-171.38	Ninh Bình
4361	36K-089.55	Thanh Hóa	5361	35C-167.19	Ninh Bình	6361	36K-091.56	Thanh Hóa	7361	35C-173.58	Ninh Bình
4362	36K-094.68	Thanh Hóa	5362	35C-170.11	Ninh Bình	6362	36K-092.39	Thanh Hóa	7362	36C-489.18	Thanh Hóa
4363	36K-095.22	Thanh Hóa	5363	35C-170.19	Ninh Bình	6363	36K-092.68	Thanh Hóa	7363	36C-489.36	Thanh Hóa
4364	36K-096.58	Thanh Hóa	5364	35C-171.33	Ninh Bình	6364	36K-094.69	Thanh Hóa	7364	36C-500.36	Thanh Hóa
4365	36K-097.69	Thanh Hóa	5365	35C-171.77	Ninh Bình	6365	36K-098.06	Thanh Hóa	7365	36C-505.09	Thanh Hóa
4366	36K-100.41	Thanh Hóa	5366	35C-171.79	Ninh Bình	6366	36K-100.86	Thanh Hóa	7366	36C-506.88	Thanh Hóa
4367	36K-101.36	Thanh Hóa	5367	36C-483.09	Thanh Hóa	6367	36K-101.37	Thanh Hóa	7367	36C-507.39	Thanh Hóa
4368	36K-102.79	Thanh Hóa	5368	36C-484.86	Thanh Hóa	6368	36K-102.71	Thanh Hóa	7368	36K-082.19	Thanh Hóa
4369	36K-103.25	Thanh Hóa	5369	36C-487.11	Thanh Hóa	6369	36K-103.15	Thanh Hóa	7369	36K-086.06	Thanh Hóa
4370	36K-104.18	Thanh Hóa	5370	36C-488.06	Thanh Hóa	6370	36K-104.05	Thanh Hóa	7370	36K-087.55	Thanh Hóa
4371	36K-104.95	Thanh Hóa	5371	36C-492.59	Thanh Hóa	6371	36K-106.87	Thanh Hóa	7371	36K-090.08	Thanh Hóa
4372	36K-105.44	Thanh Hóa	5372	36C-492.86	Thanh Hóa	6372	36K-106.94	Thanh Hóa	7372	36K-091.68	Thanh Hóa
4373	36K-106.38	Thanh Hóa	5373	36C-495.79	Thanh Hóa	6373	36K-110.96	Thanh Hóa	7373	36K-093.88	Thanh Hóa
4374	36K-106.55	Thanh Hóa	5374	36C-496.08	Thanh Hóa	6374	36K-113.06	Thanh Hóa	7374	36K-100.19	Thanh Hóa
4375	36K-108.17	Thanh Hóa	5375	36C-498.16	Thanh Hóa	6375	36K-113.99	Thanh Hóa	7375	36K-100.26	Thanh Hóa
4376	36K-109.98	Thanh Hóa	5376	36C-500.58	Thanh Hóa	6376	36K-114.53	Thanh Hóa	7376	36K-101.26	Thanh Hóa
4377	36K-110.44	Thanh Hóa	5377	36C-501.55	Thanh Hóa	6377	36K-115.09	Thanh Hóa	7377	36K-102.15	Thanh Hóa
4378	36K-110.53	Thanh Hóa	5378	36C-501.59	Thanh Hóa	6378	36K-115.38	Thanh Hóa	7378	36K-102.94	Thanh Hóa

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4379	36K-112.61	Thanh Hóa	5379	36C-502.59	Thanh Hóa	6379	36K-115.86	Thanh Hóa	7379	36K-104.70	Thanh Hóa
4380	36K-114.07	Thanh Hóa	5380	36C-503.77	Thanh Hóa	6380	36K-117.70	Thanh Hóa	7380	36K-106.58	Thanh Hóa
4381	36K-114.22	Thanh Hóa	5381	36K-080.19	Thanh Hóa	6381	36K-118.56	Thanh Hóa	7381	36K-106.96	Thanh Hóa
4382	36K-114.23	Thanh Hóa	5382	36K-080.59	Thanh Hóa	6382	36K-118.67	Thanh Hóa	7382	36K-107.28	Thanh Hóa
4383	36K-114.43	Thanh Hóa	5383	36K-082.36	Thanh Hóa	6383	36K-119.85	Thanh Hóa	7383	36K-108.98	Thanh Hóa
4384	36K-114.45	Thanh Hóa	5384	36K-091.66	Thanh Hóa	6384	36K-121.68	Thanh Hóa	7384	36K-109.36	Thanh Hóa
4385	36K-115.44	Thanh Hóa	5385	36K-097.44	Thanh Hóa	6385	36K-122.37	Thanh Hóa	7385	36K-110.13	Thanh Hóa
4386	36K-115.66	Thanh Hóa	5386	36K-098.36	Thanh Hóa	6386	36K-122.79	Thanh Hóa	7386	36K-113.66	Thanh Hóa
4387	36K-116.29	Thanh Hóa	5387	36K-098.58	Thanh Hóa	6387	36K-122.80	Thanh Hóa	7387	36K-114.06	Thanh Hóa
4388	36K-116.32	Thanh Hóa	5388	36K-099.79	Thanh Hóa	6388	36K-122.83	Thanh Hóa	7388	36K-114.35	Thanh Hóa
4389	36K-118.93	Thanh Hóa	5389	36K-101.69	Thanh Hóa	6389	36K-124.46	Thanh Hóa	7389	36K-114.55	Thanh Hóa
4390	36K-119.16	Thanh Hóa	5390	36K-105.36	Thanh Hóa	6390	36K-124.99	Thanh Hóa	7390	36K-115.29	Thanh Hóa
4391	36K-120.22	Thanh Hóa	5391	36K-107.38	Thanh Hóa	6391	36K-125.15	Thanh Hóa	7391	36K-115.98	Thanh Hóa
4392	36K-126.42	Thanh Hóa	5392	36K-107.65	Thanh Hóa	6392	36K-125.61	Thanh Hóa	7392	36K-117.28	Thanh Hóa
4393	36K-128.72	Thanh Hóa	5393	36K-109.17	Thanh Hóa	6393	36K-127.13	Thanh Hóa	7393	36K-117.94	Thanh Hóa
4394	36K-130.88	Thanh Hóa	5394	36K-109.67	Thanh Hóa	6394	36K-129.88	Thanh Hóa	7394	36K-118.75	Thanh Hóa
4395	36K-131.10	Thanh Hóa	5395	36K-110.55	Thanh Hóa	6395	36K-129.91	Thanh Hóa	7395	36K-120.77	Thanh Hóa
4396	36K-131.12	Thanh Hóa	5396	36K-111.83	Thanh Hóa	6396	36K-130.18	Thanh Hóa	7396	36K-120.89	Thanh Hóa
4397	36K-131.75	Thanh Hóa	5397	36K-113.19	Thanh Hóa	6397	36K-130.22	Thanh Hóa	7397	36K-121.79	Thanh Hóa
4398	36K-131.79	Thanh Hóa	5398	36K-117.23	Thanh Hóa	6398	36K-133.34	Thanh Hóa	7398	36K-124.51	Thanh Hóa
4399	36K-132.43	Thanh Hóa	5399	36K-118.35	Thanh Hóa	6399	36K-133.42	Thanh Hóa	7399	36K-124.77	Thanh Hóa
4400	36K-135.75	Thanh Hóa	5400	36K-120.78	Thanh Hóa	6400	36K-136.27	Thanh Hóa	7400	36K-125.50	Thanh Hóa
4401	36K-136.59	Thanh Hóa	5401	36K-121.35	Thanh Hóa	6401	36K-136.67	Thanh Hóa	7401	36K-127.94	Thanh Hóa
4402	37C-534.66	Nghệ An	5402	36K-123.08	Thanh Hóa	6402	37C-533.39	Nghệ An	7402	36K-130.28	Thanh Hóa
4403	37C-536.55	Nghệ An	5403	36K-126.09	Thanh Hóa	6403	37C-533.47	Nghệ An	7403	36K-133.16	Thanh Hóa
4404	37C-537.82	Nghệ An	5404	36K-127.09	Thanh Hóa	6404	37C-534.06	Nghệ An	7404	36K-133.64	Thanh Hóa
4405	37C-537.99	Nghệ An	5405	36K-127.19	Thanh Hóa	6405	37C-534.15	Nghệ An	7405	36K-133.78	Thanh Hóa
4406	37C-538.24	Nghệ An	5406	36K-127.47	Thanh Hóa	6406	37C-538.56	Nghệ An	7406	37C-537.14	Nghệ An
4407	37K-343.73	Nghệ An	5407	36K-127.95	Thanh Hóa	6407	37D-040.88	Nghệ An	7407	37C-537.70	Nghệ An
4408	37K-344.15	Nghệ An	5408	36K-128.55	Thanh Hóa	6408	37D-040.94	Nghệ An	7408	37C-537.83	Nghệ An
4409	37K-346.28	Nghệ An	5409	36K-129.83	Thanh Hóa	6409	37K-344.40	Nghệ An	7409	37K-344.25	Nghệ An
4410	37K-346.38	Nghệ An	5410	36K-130.58	Thanh Hóa	6410	37K-345.42	Nghệ An	7410	37K-344.58	Nghệ An
4411	37K-347.14	Nghệ An	5411	36K-130.73	Thanh Hóa	6411	37K-345.77	Nghệ An	7411	37K-346.72	Nghệ An
4412	37K-348.50	Nghệ An	5412	36K-132.08	Thanh Hóa	6412	37K-346.71	Nghệ An	7412	37K-347.25	Nghệ An
4413	37K-350.22	Nghệ An	5413	36K-134.93	Thanh Hóa	6413	37K-347.96	Nghệ An	7413	37K-347.28	Nghệ An
4414	37K-350.70	Nghệ An	5414	36K-135.78	Thanh Hóa	6414	37K-348.64	Nghệ An	7414	37K-349.61	Nghệ An
4415	37K-351.33	Nghệ An	5415	36K-136.37	Thanh Hóa	6415	37K-350.42	Nghệ An	7415	37K-349.68	Nghệ An
4416	37K-352.61	Nghệ An	5416	36K-136.55	Thanh Hóa	6416	37K-352.01	Nghệ An	7416	37K-350.66	Nghệ An
4417	37K-353.94	Nghệ An	5417	37C-533.18	Nghệ An	6417	37K-353.59	Nghệ An	7417	37K-351.45	Nghệ An
4418	37K-354.29	Nghệ An	5418	37C-534.67	Nghệ An	6418	37K-357.19	Nghệ An	7418	37K-354.88	Nghệ An
4419	37K-356.06	Nghệ An	5419	37C-535.32	Nghệ An	6419	37K-357.36	Nghệ An	7419	37K-356.77	Nghệ An
4420	37K-356.46	Nghệ An	5420	37C-535.61	Nghệ An	6420	37K-360.40	Nghệ An	7420	37K-357.20	Nghệ An
4421	37K-356.61	Nghệ An	5421	37C-536.69	Nghệ An	6421	37K-360.46	Nghệ An	7421	37K-357.28	Nghệ An
4422	37K-357.86	Nghệ An	5422	37C-537.43	Nghệ An	6422	37K-360.51	Nghệ An	7422	37K-357.97	Nghệ An
4423	37K-358.80	Nghệ An	5423	37K-345.60	Nghệ An	6423	37K-365.76	Nghệ An	7423	37K-357.98	Nghệ An
4424	37K-360.25	Nghệ An	5424	37K-346.77	Nghệ An	6424	37K-365.77	Nghệ An	7424	37K-359.83	Nghệ An
4425	37K-360.38	Nghệ An	5425	37K-347.78	Nghệ An	6425	37K-366.65	Nghệ An	7425	37K-359.85	Nghệ An
4426	37K-361.89	Nghệ An	5426	37K-347.88	Nghệ An	6426	37K-366.95	Nghệ An	7426	37K-360.52	Nghệ An
4427	37K-363.59	Nghệ An	5427	37K-349.19	Nghệ An	6427	37K-367.35	Nghệ An	7427	37K-361.29	Nghệ An
4428	37K-364.96	Nghệ An	5428	37K-350.89	Nghệ An	6428	37K-367.96	Nghệ An	7428	37K-361.33	Nghệ An
4429	37K-365.99	Nghệ An	5429	37K-353.18	Nghệ An	6429	37K-369.47	Nghệ An	7429	37K-361.55	Nghệ An
4430	37K-367.39	Nghệ An	5430	37K-354.89	Nghệ An	6430	37K-370.01	Nghệ An	7430	37K-362.99	Nghệ An
4431	37K-367.65	Nghệ An	5431	37K-354.99	Nghệ An	6431	37K-371.44	Nghệ An	7431	37K-363.38	Nghệ An
4432	37K-370.11	Nghệ An	5432	37K-357.15	Nghệ An	6432	37K-371.83	Nghệ An	7432	37K-366.17	Nghệ An

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4433	37K-370.65	Nghệ An	5433	37K-357.72	Nghệ An	6433	37K-371.98	Nghệ An	7433	37K-366.82	Nghệ An
4434	37K-372.83	Nghệ An	5434	37K-362.04	Nghệ An	6434	37K-372.06	Nghệ An	7434	37K-367.26	Nghệ An
4435	37K-373.30	Nghệ An	5435	37K-363.92	Nghệ An	6435	37K-372.77	Nghệ An	7435	37K-369.33	Nghệ An
4436	37K-374.86	Nghệ An	5436	37K-364.18	Nghệ An	6436	37K-374.40	Nghệ An	7436	37K-372.84	Nghệ An
4437	37K-374.98	Nghệ An	5437	37K-364.65	Nghệ An	6437	37K-374.59	Nghệ An	7437	37K-373.95	Nghệ An
4438	37K-375.58	Nghệ An	5438	37K-366.70	Nghệ An	6438	37K-375.23	Nghệ An	7438	37K-374.33	Nghệ An
4439	37K-375.88	Nghệ An	5439	37K-367.58	Nghệ An	6439	37K-377.69	Nghệ An	7439	37K-374.75	Nghệ An
4440	37K-377.95	Nghệ An	5440	37K-368.18	Nghệ An	6440	37K-378.35	Nghệ An	7440	37K-375.11	Nghệ An
4441	37K-381.09	Nghệ An	5441	37K-371.54	Nghệ An	6441	37K-379.22	Nghệ An	7441	37K-375.27	Nghệ An
4442	37K-383.02	Nghệ An	5442	37K-373.68	Nghệ An	6442	37K-380.17	Nghệ An	7442	37K-375.44	Nghệ An
4443	37K-385.21	Nghệ An	5443	37K-374.11	Nghệ An	6443	37K-380.75	Nghệ An	7443	37K-375.86	Nghệ An
4444	37K-385.29	Nghệ An	5444	37K-374.25	Nghệ An	6444	37K-381.99	Nghệ An	7444	37K-378.39	Nghệ An
4445	38A-623.34	Hà Tĩnh	5445	37K-376.70	Nghệ An	6445	37K-383.51	Nghệ An	7445	37K-378.66	Nghệ An
4446	38A-624.17	Hà Tĩnh	5446	37K-376.77	Nghệ An	6446	37K-384.29	Nghệ An	7446	37K-379.80	Nghệ An
4447	38A-624.68	Hà Tĩnh	5447	37K-376.92	Nghệ An	6447	37K-384.39	Nghệ An	7447	37K-380.25	Nghệ An
4448	38A-625.03	Hà Tĩnh	5448	37K-377.36	Nghệ An	6448	37K-384.77	Nghệ An	7448	37K-380.64	Nghệ An
4449	38A-625.17	Hà Tĩnh	5449	37K-378.05	Nghệ An	6449	37K-385.09	Nghệ An	7449	37K-381.58	Nghệ An
4450	38A-627.38	Hà Tĩnh	5450	37K-378.17	Nghệ An	6450	37K-386.08	Nghệ An	7450	37K-382.89	Nghệ An
4451	38A-627.74	Hà Tĩnh	5451	37K-378.43	Nghệ An	6451	37K-386.44	Nghệ An	7451	37K-383.36	Nghệ An
4452	38A-628.11	Hà Tĩnh	5452	37K-379.15	Nghệ An	6452	38A-624.53	Hà Tĩnh	7452	37K-385.46	Nghệ An
4453	38A-629.98	Hà Tĩnh	5453	37K-379.55	Nghệ An	6453	38A-629.13	Hà Tĩnh	7453	37K-385.86	Nghệ An
4454	38A-631.66	Hà Tĩnh	5454	37K-380.24	Nghệ An	6454	38A-629.65	Hà Tĩnh	7454	37K-386.19	Nghệ An
4455	38A-633.18	Hà Tĩnh	5455	37K-381.01	Nghệ An	6455	38A-632.25	Hà Tĩnh	7455	38A-625.22	Hà Tĩnh
4456	38A-634.77	Hà Tĩnh	5456	37K-381.04	Nghệ An	6456	38A-633.19	Hà Tĩnh	7456	38A-626.57	Hà Tĩnh
4457	38A-635.37	Hà Tĩnh	5457	37K-382.77	Nghệ An	6457	38A-634.22	Hà Tĩnh	7457	38A-626.85	Hà Tĩnh
4458	38A-635.98	Hà Tĩnh	5458	37K-383.63	Nghệ An	6458	38A-634.29	Hà Tĩnh	7458	38A-627.29	Hà Tĩnh
4459	38A-636.30	Hà Tĩnh	5459	37K-384.22	Nghệ An	6459	38A-635.64	Hà Tĩnh	7459	38A-628.58	Hà Tĩnh
4460	38A-636.58	Hà Tĩnh	5460	37K-385.04	Nghệ An	6460	38A-635.86	Hà Tĩnh	7460	38A-629.97	Hà Tĩnh
4461	38A-637.05	Hà Tĩnh	5461	37K-385.77	Nghệ An	6461	38A-637.13	Hà Tĩnh	7461	38A-630.35	Hà Tĩnh
4462	38A-637.29	Hà Tĩnh	5462	37K-386.16	Nghệ An	6462	38A-637.23	Hà Tĩnh	7462	38A-630.66	Hà Tĩnh
4463	38C-227.65	Hà Tĩnh	5463	38A-625.73	Hà Tĩnh	6463	38C-227.19	Hà Tĩnh	7463	38A-631.84	Hà Tĩnh
4464	38C-227.88	Hà Tĩnh	5464	38A-626.08	Hà Tĩnh	6464	38C-228.07	Hà Tĩnh	7464	38A-632.29	Hà Tĩnh
4465	43A-877.62	Đà Nẵng	5465	38A-627.99	Hà Tĩnh	6465	38C-228.24	Hà Tĩnh	7465	38A-632.83	Hà Tĩnh
4466	43A-878.19	Đà Nẵng	5466	38A-629.45	Hà Tĩnh	6466	38C-228.53	Hà Tĩnh	7466	38A-632.95	Hà Tĩnh
4467	43A-879.98	Đà Nẵng	5467	38A-630.68	Hà Tĩnh	6467	38C-229.06	Hà Tĩnh	7467	38A-637.02	Hà Tĩnh
4468	43A-880.56	Đà Nẵng	5468	38A-631.49	Hà Tĩnh	6468	38C-229.17	Hà Tĩnh	7468	38D-016.26	Hà Tĩnh
4469	43A-881.41	Đà Nẵng	5469	38A-632.55	Hà Tĩnh	6469	43A-879.56	Đà Nẵng	7469	38D-016.35	Hà Tĩnh
4470	43A-883.58	Đà Nẵng	5470	38A-632.88	Hà Tĩnh	6470	43A-882.26	Đà Nẵng	7470	43A-879.01	Đà Nẵng
4471	43A-884.82	Đà Nẵng	5471	38A-633.37	Hà Tĩnh	6471	43A-882.56	Đà Nẵng	7471	43A-880.16	Đà Nẵng
4472	43A-886.28	Đà Nẵng	5472	38A-633.72	Hà Tĩnh	6472	43A-883.06	Đà Nẵng	7472	43A-880.43	Đà Nẵng
4473	43A-886.69	Đà Nẵng	5473	38A-635.14	Hà Tĩnh	6473	43A-884.19	Đà Nẵng	7473	43A-881.06	Đà Nẵng
4474	43A-887.22	Đà Nẵng	5474	38A-635.25	Hà Tĩnh	6474	43A-884.56	Đà Nẵng	7474	43A-883.59	Đà Nẵng
4475	43A-887.25	Đà Nẵng	5475	38C-228.64	Hà Tĩnh	6475	43A-885.81	Đà Nẵng	7475	43A-885.89	Đà Nẵng
4476	43A-887.35	Đà Nẵng	5476	43A-878.11	Đà Nẵng	6476	43A-886.33	Đà Nẵng	7476	43A-890.18	Đà Nẵng
4477	43A-888.98	Đà Nẵng	5477	43A-878.56	Đà Nẵng	6477	43A-886.36	Đà Nẵng	7477	43A-890.59	Đà Nẵng
4478	43A-889.55	Đà Nẵng	5478	43A-879.58	Đà Nẵng	6478	43A-887.06	Đà Nẵng	7478	43A-892.07	Đà Nẵng
4479	43A-890.36	Đà Nẵng	5479	43A-879.59	Đà Nẵng	6479	43A-887.56	Đà Nẵng	7479	43A-893.00	Đà Nẵng
4480	43A-893.19	Đà Nẵng	5480	43A-879.62	Đà Nẵng	6480	43A-888.96	Đà Nẵng	7480	43A-893.29	Đà Nẵng
4481	43A-894.05	Đà Nẵng	5481	43A-880.29	Đà Nẵng	6481	43A-889.01	Đà Nẵng	7481	43A-893.36	Đà Nẵng
4482	43A-896.26	Đà Nẵng	5482	43A-880.38	Đà Nẵng	6482	43A-890.07	Đà Nẵng	7482	43A-893.55	Đà Nẵng
4483	43A-897.56	Đà Nẵng	5483	43A-882.48	Đà Nẵng	6483	43A-891.28	Đà Nẵng	7483	43A-895.26	Đà Nẵng
4484	43A-898.22	Đà Nẵng	5484	43A-882.77	Đà Nẵng	6484	43A-891.35	Đà Nẵng	7484	43A-895.88	Đà Nẵng
4485	43A-898.38	Đà Nẵng	5485	43A-883.81	Đà Nẵng	6485	43A-892.17	Đà Nẵng	7485	43A-896.58	Đà Nẵng
4486	47A-722.59	Đắk Lắk	5486	43A-883.89	Đà Nẵng	6486	43A-892.64	Đà Nẵng	7486	47A-720.55	Đắk Lắk

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4487	47A-723.66	Đắk Lắk	5487	43A-886.83	Đà Nẵng	6487	43A-893.85	Đà Nẵng	7487	47A-720.58	Đắk Lắk
4488	47A-726.19	Đắk Lắk	5488	43A-887.11	Đà Nẵng	6488	43A-894.34	Đà Nẵng	7488	47A-724.99	Đắk Lắk
4489	47A-727.19	Đắk Lắk	5489	43A-890.65	Đà Nẵng	6489	43A-895.34	Đà Nẵng	7489	47A-730.68	Đắk Lắk
4490	47A-728.79	Đắk Lắk	5490	43A-891.83	Đà Nẵng	6490	43A-895.72	Đà Nẵng	7490	47A-731.90	Đắk Lắk
4491	47A-732.83	Đắk Lắk	5491	43A-892.09	Đà Nẵng	6491	43A-896.32	Đà Nẵng	7491	47A-732.36	Đắk Lắk
4492	47A-734.19	Đắk Lắk	5492	43A-893.09	Đà Nẵng	6492	43A-898.33	Đà Nẵng	7492	47A-733.59	Đắk Lắk
4493	47A-735.83	Đắk Lắk	5493	43A-896.16	Đà Nẵng	6493	43A-898.69	Đà Nẵng	7493	47A-735.27	Đắk Lắk
4494	47A-736.21	Đắk Lắk	5494	43A-896.19	Đà Nẵng	6494	47A-721.22	Đắk Lắk	7494	47A-735.96	Đắk Lắk
4495	47A-736.51	Đắk Lắk	5495	43A-897.38	Đà Nẵng	6495	47A-723.39	Đắk Lắk	7495	47A-738.16	Đắk Lắk
4496	47A-736.57	Đắk Lắk	5496	43A-898.19	Đà Nẵng	6496	47A-724.58	Đắk Lắk	7496	47A-738.36	Đắk Lắk
4497	47A-736.69	Đắk Lắk	5497	43C-305.29	Đà Nẵng	6497	47A-734.55	Đắk Lắk	7497	47A-740.26	Đắk Lắk
4498	47A-736.77	Đắk Lắk	5498	47A-723.36	Đắk Lắk	6498	47A-739.45	Đắk Lắk	7498	47A-741.58	Đắk Lắk
4499	47A-743.66	Đắk Lắk	5499	47A-727.68	Đắk Lắk	6499	47A-741.26	Đắk Lắk	7499	47A-742.28	Đắk Lắk
4500	47A-745.13	Đắk Lắk	5500	47A-729.77	Đắk Lắk	6500	47A-741.89	Đắk Lắk	7500	47A-745.50	Đắk Lắk
4501	47A-747.55	Đắk Lắk	5501	47A-730.56	Đắk Lắk	6501	47A-745.51	Đắk Lắk	7501	47A-746.88	Đắk Lắk
4502	47A-749.26	Đắk Lắk	5502	47A-730.69	Đắk Lắk	6502	47A-747.85	Đắk Lắk	7502	47A-747.29	Đắk Lắk
4503	47A-750.26	Đắk Lắk	5503	47A-732.29	Đắk Lắk	6503	47A-747.89	Đắk Lắk	7503	47A-748.40	Đắk Lắk
4504	47A-750.37	Đắk Lắk	5504	47A-732.69	Đắk Lắk	6504	47A-748.24	Đắk Lắk	7504	47A-749.07	Đắk Lắk
4505	47A-751.47	Đắk Lắk	5505	47A-733.85	Đắk Lắk	6505	47A-749.16	Đắk Lắk	7505	47A-749.61	Đắk Lắk
4506	47A-751.76	Đắk Lắk	5506	47A-734.03	Đắk Lắk	6506	47A-749.65	Đắk Lắk	7506	47A-750.96	Đắk Lắk
4507	47A-755.18	Đắk Lắk	5507	47A-736.09	Đắk Lắk	6507	47A-750.32	Đắk Lắk	7507	47A-751.38	Đắk Lắk
4508	47A-756.94	Đắk Lắk	5508	47A-736.29	Đắk Lắk	6508	47A-754.38	Đắk Lắk	7508	47A-754.55	Đắk Lắk
4509	47C-360.39	Đắk Lắk	5509	47A-738.03	Đắk Lắk	6509	47A-754.58	Đắk Lắk	7509	47A-755.09	Đắk Lắk
4510	47C-364.99	Đắk Lắk	5510	47A-738.65	Đắk Lắk	6510	47A-755.38	Đắk Lắk	7510	47A-755.39	Đắk Lắk
4511	47C-370.28	Đắk Lắk	5511	47A-740.20	Đắk Lắk	6511	47A-756.09	Đắk Lắk	7511	47A-756.58	Đắk Lắk
4512	47C-370.69	Đắk Lắk	5512	47A-742.06	Đắk Lắk	6512	47A-757.09	Đắk Lắk	7512	47A-756.77	Đắk Lắk
4513	47C-371.18	Đắk Lắk	5513	47A-745.68	Đắk Lắk	6513	47A-759.31	Đắk Lắk	7513	47A-757.36	Đắk Lắk
4514	47C-371.36	Đắk Lắk	5514	47A-748.65	Đắk Lắk	6514	47A-759.45	Đắk Lắk	7514	47A-757.93	Đắk Lắk
4515	47C-371.96	Đắk Lắk	5515	47A-750.88	Đắk Lắk	6515	47A-759.87	Đắk Lắk	7515	47A-758.16	Đắk Lắk
4516	47C-372.19	Đắk Lắk	5516	47A-752.32	Đắk Lắk	6516	47C-361.69	Đắk Lắk	7516	47A-759.17	Đắk Lắk
4517	47C-373.06	Đắk Lắk	5517	47A-753.18	Đắk Lắk	6517	47C-363.99	Đắk Lắk	7517	47A-759.61	Đắk Lắk
4518	47C-373.39	Đắk Lắk	5518	47A-753.89	Đắk Lắk	6518	47C-370.47	Đắk Lắk	7518	47A-760.08	Đắk Lắk
4519	47C-373.59	Đắk Lắk	5519	47A-756.15	Đắk Lắk	6519	47C-371.26	Đắk Lắk	7519	47A-760.15	Đắk Lắk
4520	47C-373.69	Đắk Lắk	5520	47A-756.70	Đắk Lắk	6520	47C-372.02	Đắk Lắk	7520	47C-357.66	Đắk Lắk
4521	47C-374.97	Đắk Lắk	5521	47A-759.53	Đắk Lắk	6521	47C-372.85	Đắk Lắk	7521	47C-358.59	Đắk Lắk
4522	49A-696.83	Lâm Đồng	5522	47A-759.56	Đắk Lắk	6522	47C-374.13	Đắk Lắk	7522	47C-365.09	Đắk Lắk
4523	49A-698.09	Lâm Đồng	5523	47C-361.44	Đắk Lắk	6523	47C-374.35	Đắk Lắk	7523	47C-367.06	Đắk Lắk
4524	49A-698.41	Lâm Đồng	5524	47C-361.55	Đắk Lắk	6524	47C-375.00	Đắk Lắk	7524	47C-370.38	Đắk Lắk
4525	49A-699.79	Lâm Đồng	5525	47C-363.22	Đắk Lắk	6525	47C-375.15	Đắk Lắk	7525	47C-371.72	Đắk Lắk
4526	49A-699.94	Lâm Đồng	5526	47C-364.69	Đắk Lắk	6526	47C-375.21	Đắk Lắk	7526	47C-373.00	Đắk Lắk
4527	49A-700.19	Lâm Đồng	5527	47C-368.19	Đắk Lắk	6527	47C-375.99	Đắk Lắk	7527	47C-373.16	Đắk Lắk
4528	49A-700.47	Lâm Đồng	5528	47C-370.08	Đắk Lắk	6528	47D-015.16	Đắk Lắk	7528	47C-374.39	Đắk Lắk
4529	49C-366.65	Lâm Đồng	5529	47C-370.15	Đắk Lắk	6529	49A-696.52	Lâm Đồng	7529	47C-375.88	Đắk Lắk
4530	49C-366.71	Lâm Đồng	5530	47C-372.35	Đắk Lắk	6530	49A-698.39	Lâm Đồng	7530	49A-698.95	Lâm Đồng
4531	49C-367.17	Lâm Đồng	5531	47C-372.66	Đắk Lắk	6531	49A-699.31	Lâm Đồng	7531	49A-699.47	Lâm Đồng
4532	49C-367.56	Lâm Đồng	5532	49A-696.08	Lâm Đồng	6532	49A-701.63	Lâm Đồng	7532	49A-700.16	Lâm Đồng
4533	49C-368.27	Lâm Đồng	5533	49A-696.44	Lâm Đồng	6533	49A-704.68	Lâm Đồng	7533	49A-703.56	Lâm Đồng
4534	49C-368.29	Lâm Đồng	5534	49A-697.47	Lâm Đồng	6534	49A-704.76	Lâm Đồng	7534	49A-703.64	Lâm Đồng
4535	51M-006.16	Hồ Chí Minh	5535	49A-697.51	Lâm Đồng	6535	49A-705.29	Lâm Đồng	7535	49A-706.89	Lâm Đồng
4536	51M-006.85	Hồ Chí Minh	5536	49A-698.11	Lâm Đồng	6536	49C-367.59	Lâm Đồng	7536	49C-365.70	Lâm Đồng
4537	51M-007.25	Hồ Chí Minh	5537	49A-698.28	Lâm Đồng	6537	51M-004.08	Hồ Chí Minh	7537	49C-367.07	Lâm Đồng
4538	51M-007.55	Hồ Chí Minh	5538	49A-704.36	Lâm Đồng	6538	51M-005.99	Hồ Chí Minh	7538	51D-999.85	Hồ Chí Minh
4539	51M-008.15	Hồ Chí Minh	5539	49A-705.08	Lâm Đồng	6539	51M-006.26	Hồ Chí Minh	7539	51M-004.99	Hồ Chí Minh
4540	51M-008.58	Hồ Chí Minh	5540	49A-705.96	Lâm Đồng	6540	51M-006.36	Hồ Chí Minh	7540	51M-005.02	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4541	60C-717.36	Đồng Nai	5541	49A-707.09	Lâm Đồng	6541	51M-008.38	Hồ Chí Minh	7541	51M-007.59	Hồ Chí Minh
4542	60C-717.59	Đồng Nai	5542	49C-365.88	Lâm Đồng	6542	60C-720.21	Đồng Nai	7542	51M-007.97	Hồ Chí Minh
4543	60C-718.25	Đồng Nai	5543	49C-366.28	Lâm Đồng	6543	60C-721.45	Đồng Nai	7543	51M-008.59	Hồ Chí Minh
4544	60C-719.15	Đồng Nai	5544	49C-368.07	Lâm Đồng	6544	60C-721.57	Đồng Nai	7544	60C-718.70	Đồng Nai
4545	60C-719.36	Đồng Nai	5545	49C-368.22	Lâm Đồng	6545	60C-723.58	Đồng Nai	7545	60C-719.26	Đồng Nai
4546	60C-720.66	Đồng Nai	5546	49D-012.03	Lâm Đồng	6546	60C-724.79	Đồng Nai	7546	60C-722.29	Đồng Nai
4547	60C-720.89	Đồng Nai	5547	51M-005.04	Hồ Chí Minh	6547	60C-725.83	Đồng Nai	7547	60C-724.68	Đồng Nai
4548	60C-723.78	Đồng Nai	5548	51M-005.85	Hồ Chí Minh	6548	60C-726.77	Đồng Nai	7548	60C-724.74	Đồng Nai
4549	60C-723.95	Đồng Nai	5549	60C-719.32	Đồng Nai	6549	60K-500.95	Đồng Nai	7549	60C-724.99	Đồng Nai
4550	60C-724.92	Đồng Nai	5550	60C-719.66	Đồng Nai	6550	60K-501.02	Đồng Nai	7550	60C-725.34	Đồng Nai
4551	60C-725.00	Đồng Nai	5551	60C-719.95	Đồng Nai	6551	60K-502.36	Đồng Nai	7551	60C-726.15	Đồng Nai
4552	60C-725.06	Đồng Nai	5552	60C-721.33	Đồng Nai	6552	60K-503.04	Đồng Nai	7552	60C-726.36	Đồng Nai
4553	60C-725.07	Đồng Nai	5553	60C-721.44	Đồng Nai	6553	60K-504.19	Đồng Nai	7553	60C-727.45	Đồng Nai
4554	60C-726.09	Đồng Nai	5554	60C-724.64	Đồng Nai	6554	60K-505.56	Đồng Nai	7554	60C-727.46	Đồng Nai
4555	60C-727.85	Đồng Nai	5555	60C-725.22	Đồng Nai	6555	60K-506.88	Đồng Nai	7555	60K-501.03	Đồng Nai
4556	60K-500.49	Đồng Nai	5556	60C-725.66	Đồng Nai	6556	60K-507.91	Đồng Nai	7556	60K-501.99	Đồng Nai
4557	60K-501.66	Đồng Nai	5557	60C-725.69	Đồng Nai	6557	60K-508.03	Đồng Nai	7557	60K-503.81	Đồng Nai
4558	60K-502.32	Đồng Nai	5558	60C-727.65	Đồng Nai	6558	60K-508.33	Đồng Nai	7558	60K-504.95	Đồng Nai
4559	60K-502.39	Đồng Nai	5559	60K-501.25	Đồng Nai	6559	60K-510.53	Đồng Nai	7559	60K-505.96	Đồng Nai
4560	60K-504.64	Đồng Nai	5560	60K-501.88	Đồng Nai	6560	60K-512.85	Đồng Nai	7560	60K-506.35	Đồng Nai
4561	60K-504.65	Đồng Nai	5561	60K-502.71	Đồng Nai	6561	60K-512.96	Đồng Nai	7561	60K-507.36	Đồng Nai
4562	60K-505.53	Đồng Nai	5562	60K-504.15	Đồng Nai	6562	60K-513.00	Đồng Nai	7562	60K-508.36	Đồng Nai
4563	60K-506.89	Đồng Nai	5563	60K-504.39	Đồng Nai	6563	60K-514.21	Đồng Nai	7563	60K-509.86	Đồng Nai
4564	60K-508.01	Đồng Nai	5564	60K-504.60	Đồng Nai	6564	60K-514.59	Đồng Nai	7564	60K-510.77	Đồng Nai
4565	60K-510.42	Đồng Nai	5565	60K-506.28	Đồng Nai	6565	60K-516.85	Đồng Nai	7565	60K-513.85	Đồng Nai
4566	60K-513.56	Đồng Nai	5566	60K-508.18	Đồng Nai	6566	60K-518.90	Đồng Nai	7566	60K-514.28	Đồng Nai
4567	60K-515.22	Đồng Nai	5567	60K-513.66	Đồng Nai	6567	60K-519.63	Đồng Nai	7567	60K-516.64	Đồng Nai
4568	60K-516.74	Đồng Nai	5568	60K-516.36	Đồng Nai	6568	60K-520.29	Đồng Nai	7568	60K-519.06	Đồng Nai
4569	60K-518.16	Đồng Nai	5569	60K-518.29	Đồng Nai	6569	60K-521.64	Đồng Nai	7569	60K-521.72	Đồng Nai
4570	60K-518.39	Đồng Nai	5570	60K-519.38	Đồng Nai	6570	60K-521.66	Đồng Nai	7570	60K-525.46	Đồng Nai
4571	60K-518.44	Đồng Nai	5571	60K-519.69	Đồng Nai	6571	60K-522.17	Đồng Nai	7571	60K-525.96	Đồng Nai
4572	60K-523.28	Đồng Nai	5572	60K-520.86	Đồng Nai	6572	60K-524.59	Đồng Nai	7572	60K-527.64	Đồng Nai
4573	60K-523.38	Đồng Nai	5573	60K-521.53	Đồng Nai	6573	60K-525.54	Đồng Nai	7573	60K-529.68	Đồng Nai
4574	60K-523.90	Đồng Nai	5574	60K-522.18	Đồng Nai	6574	60K-530.11	Đồng Nai	7574	60K-531.28	Đồng Nai
4575	60K-524.15	Đồng Nai	5575	60K-522.63	Đồng Nai	6575	60K-531.15	Đồng Nai	7575	60K-531.89	Đồng Nai
4576	60K-524.53	Đồng Nai	5576	60K-523.71	Đồng Nai	6576	60K-532.78	Đồng Nai	7576	60K-537.22	Đồng Nai
4577	60K-527.29	Đồng Nai	5577	60K-526.09	Đồng Nai	6577	60K-533.85	Đồng Nai	7577	60K-538.98	Đồng Nai
4578	60K-528.35	Đồng Nai	5578	60K-529.41	Đồng Nai	6578	60K-534.36	Đồng Nai	7578	60K-539.28	Đồng Nai
4579	60K-528.44	Đồng Nai	5579	60K-529.77	Đồng Nai	6579	60K-536.19	Đồng Nai	7579	60K-540.36	Đồng Nai
4580	60K-530.99	Đồng Nai	5580	60K-531.50	Đồng Nai	6580	60K-536.30	Đồng Nai	7580	60K-541.32	Đồng Nai
4581	60K-531.60	Đồng Nai	5581	60K-534.08	Đồng Nai	6581	60K-537.65	Đồng Nai	7581	60K-542.74	Đồng Nai
4582	60K-539.66	Đồng Nai	5582	60K-534.12	Đồng Nai	6582	60K-537.75	Đồng Nai	7582	60K-543.15	Đồng Nai
4583	60K-539.84	Đồng Nai	5583	60K-535.85	Đồng Nai	6583	60K-538.77	Đồng Nai	7583	61C-582.44	Bình Dương
4584	60K-539.88	Đồng Nai	5584	60K-537.36	Đồng Nai	6584	60K-543.28	Đồng Nai	7584	61C-582.88	Bình Dương
4585	60K-541.19	Đồng Nai	5585	60K-538.95	Đồng Nai	6585	61C-583.08	Bình Dương	7585	61C-584.90	Bình Dương
4586	61C-582.32	Bình Dương	5586	60K-539.55	Đồng Nai	6586	61C-585.09	Bình Dương	7586	61C-585.06	Bình Dương
4587	61C-582.52	Bình Dương	5587	60K-539.65	Đồng Nai	6587	61C-585.23	Bình Dương	7587	61C-586.18	Bình Dương
4588	61C-583.51	Bình Dương	5588	60K-540.06	Đồng Nai	6588	61C-585.43	Bình Dương	7588	61C-586.36	Bình Dương
4589	61C-583.55	Bình Dương	5589	60K-540.67	Đồng Nai	6589	61C-586.83	Bình Dương	7589	61C-586.59	Bình Dương
4590	61C-587.64	Bình Dương	5590	61C-583.71	Bình Dương	6590	61D-019.05	Bình Dương	7590	61C-587.18	Bình Dương
4591	61K-409.08	Bình Dương	5591	61C-583.79	Bình Dương	6591	61D-019.42	Bình Dương	7591	61C-587.26	Bình Dương
4592	61K-410.93	Bình Dương	5592	61C-584.88	Bình Dương	6592	61K-408.83	Bình Dương	7592	61K-411.36	Bình Dương
4593	61K-412.86	Bình Dương	5593	61C-586.65	Bình Dương	6593	61K-409.43	Bình Dương	7593	61K-411.38	Bình Dương
4594	61K-415.86	Bình Dương	5594	61C-587.95	Bình Dương	6594	61K-409.45	Bình Dương	7594	61K-416.12	Bình Dương

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4595	61K-416.26	Bình Dương	5595	61D-018.71	Bình Dương	6595	61K-410.84	Bình Dương	7595	61K-416.76	Bình Dương
4596	61K-416.58	Bình Dương	5596	61D-019.18	Bình Dương	6596	61K-411.06	Bình Dương	7596	61K-417.25	Bình Dương
4597	61K-418.50	Bình Dương	5597	61K-411.19	Bình Dương	6597	61K-412.74	Bình Dương	7597	61K-417.52	Bình Dương
4598	61K-418.51	Bình Dương	5598	61K-414.39	Bình Dương	6598	61K-413.38	Bình Dương	7598	61K-417.66	Bình Dương
4599	61K-419.01	Bình Dương	5599	61K-414.86	Bình Dương	6599	61K-414.11	Bình Dương	7599	61K-418.44	Bình Dương
4600	61K-422.06	Bình Dương	5600	61K-415.23	Bình Dương	6600	61K-414.27	Bình Dương	7600	61K-419.69	Bình Dương
4601	61K-423.43	Bình Dương	5601	61K-415.58	Bình Dương	6601	61K-415.95	Bình Dương	7601	61K-419.77	Bình Dương
4602	61K-424.40	Bình Dương	5602	61K-415.79	Bình Dương	6602	61K-416.00	Bình Dương	7602	61K-422.16	Bình Dương
4603	61K-424.65	Bình Dương	5603	61K-417.67	Bình Dương	6603	61K-416.29	Bình Dương	7603	61K-424.28	Bình Dương
4604	61K-426.06	Bình Dương	5604	61K-418.08	Bình Dương	6604	61K-417.56	Bình Dương	7604	61K-426.33	Bình Dương
4605	61K-426.39	Bình Dương	5605	61K-418.65	Bình Dương	6605	61K-420.01	Bình Dương	7605	61K-426.38	Bình Dương
4606	61K-426.46	Bình Dương	5606	61K-418.79	Bình Dương	6606	61K-420.63	Bình Dương	7606	61K-427.23	Bình Dương
4607	61K-429.85	Bình Dương	5607	61K-419.29	Bình Dương	6607	61K-422.41	Bình Dương	7607	61K-428.76	Bình Dương
4608	61K-430.15	Bình Dương	5608	61K-420.15	Bình Dương	6608	61K-422.69	Bình Dương	7608	61K-429.09	Bình Dương
4609	61K-430.31	Bình Dương	5609	61K-421.36	Bình Dương	6609	61K-423.96	Bình Dương	7609	61K-430.29	Bình Dương
4610	61K-432.09	Bình Dương	5610	61K-422.15	Bình Dương	6610	61K-426.44	Bình Dương	7610	61K-430.63	Bình Dương
4611	61K-432.66	Bình Dương	5611	61K-422.50	Bình Dương	6611	61K-426.69	Bình Dương	7611	61K-431.83	Bình Dương
4612	61K-432.85	Bình Dương	5612	61K-423.06	Bình Dương	6612	61K-427.85	Bình Dương	7612	61K-434.60	Bình Dương
4613	61K-433.37	Bình Dương	5613	61K-423.15	Bình Dương	6613	61K-430.86	Bình Dương	7613	61K-435.92	Bình Dương
4614	61K-434.26	Bình Dương	5614	61K-423.59	Bình Dương	6614	61K-434.67	Bình Dương	7614	61K-436.50	Bình Dương
4615	61K-434.28	Bình Dương	5615	61K-423.69	Bình Dương	6615	61K-435.93	Bình Dương	7615	61K-436.59	Bình Dương
4616	61K-434.33	Bình Dương	5616	61K-424.33	Bình Dương	6616	61K-436.21	Bình Dương	7616	61K-436.85	Bình Dương
4617	61K-434.57	Bình Dương	5617	61K-424.92	Bình Dương	6617	61K-436.87	Bình Dương	7617	61K-437.38	Bình Dương
4618	61K-435.06	Bình Dương	5618	61K-425.00	Bình Dương	6618	61K-437.35	Bình Dương	7618	61K-437.72	Bình Dương
4619	61K-435.71	Bình Dương	5619	61K-425.28	Bình Dương	6619	61K-437.36	Bình Dương	7619	61K-440.36	Bình Dương
4620	61K-435.91	Bình Dương	5620	61K-426.50	Bình Dương	6620	61K-437.41	Bình Dương	7620	61K-441.21	Bình Dương
4621	61K-437.96	Bình Dương	5621	61K-428.00	Bình Dương	6621	61K-437.68	Bình Dương	7621	61K-441.47	Bình Dương
4622	61K-438.93	Bình Dương	5622	61K-429.79	Bình Dương	6622	61K-438.79	Bình Dương	7622	62A-441.59	Long An
4623	61K-440.33	Bình Dương	5623	61K-430.40	Bình Dương	6623	61K-440.41	Bình Dương	7623	62A-441.92	Long An
4624	62A-440.56	Long An	5624	61K-431.16	Bình Dương	6624	61K-440.80	Bình Dương	7624	62A-442.15	Long An
4625	62A-443.03	Long An	5625	61K-432.55	Bình Dương	6625	61K-441.77	Bình Dương	7625	62A-443.16	Long An
4626	62A-445.46	Long An	5626	61K-434.08	Bình Dương	6626	62A-439.00	Long An	7626	62A-446.28	Long An
4627	62A-445.99	Long An	5627	61K-436.31	Bình Dương	6627	62A-442.20	Long An	7627	62A-447.22	Long An
4628	62A-448.96	Long An	5628	61K-438.48	Bình Dương	6628	62A-444.75	Long An	7628	62A-447.23	Long An
4629	62A-449.21	Long An	5629	61K-439.18	Bình Dương	6629	62A-445.48	Long An	7629	62A-448.37	Long An
4630	62C-196.88	Long An	5630	61K-440.68	Bình Dương	6630	62A-446.18	Long An	7630	62A-448.70	Long An
4631	62C-197.36	Long An	5631	62A-439.65	Long An	6631	62A-446.25	Long An	7631	62A-449.65	Long An
4632	62C-202.06	Long An	5632	62A-440.49	Long An	6632	62A-446.53	Long An	7632	62C-195.89	Long An
4633	63A-303.35	Tiền Giang	5633	62A-442.09	Long An	6633	62A-447.69	Long An	7633	62C-196.22	Long An
4634	63A-305.59	Tiền Giang	5634	62A-442.13	Long An	6634	62A-448.40	Long An	7634	62C-198.66	Long An
4635	63A-306.08	Tiền Giang	5635	62A-445.05	Long An	6635	62A-449.25	Long An	7635	62C-201.33	Long An
4636	63A-306.20	Tiền Giang	5636	62A-445.58	Long An	6636	62C-196.00	Long An	7636	62C-201.58	Long An
4637	63B-029.82	Tiền Giang	5637	62A-446.35	Long An	6637	62C-201.39	Long An	7637	62C-202.88	Long An
4638	63C-214.33	Tiền Giang	5638	62A-447.11	Long An	6638	62C-202.68	Long An	7638	62C-210.37	Long An
4639	63C-215.16	Tiền Giang	5639	62A-447.89	Long An	6639	62C-202.69	Long An	7639	62D-011.27	Long An
4640	63C-216.25	Tiền Giang	5640	62A-449.15	Long An	6640	62C-203.89	Long An	7640	63A-302.05	Tiền Giang
4641	63C-217.42	Tiền Giang	5641	62C-199.79	Long An	6641	62C-204.86	Long An	7641	63A-302.88	Tiền Giang
4642	63C-217.55	Tiền Giang	5642	62C-201.09	Long An	6642	62C-207.68	Long An	7642	63A-304.99	Tiền Giang
4643	63C-218.16	Tiền Giang	5643	62C-204.39	Long An	6643	62C-210.26	Long An	7643	63A-306.07	Tiền Giang
4644	63C-219.11	Tiền Giang	5644	62C-205.44	Long An	6644	62C-210.39	Long An	7644	63C-215.22	Tiền Giang
4645	64A-193.09	Vĩnh Long	5645	62C-206.11	Long An	6645	63A-302.16	Tiền Giang	7645	63C-215.44	Tiền Giang
4646	64A-193.59	Vĩnh Long	5646	63A-302.15	Tiền Giang	6646	63A-304.39	Tiền Giang	7646	63C-215.77	Tiền Giang
4647	64C-115.77	Vĩnh Long	5647	63A-302.34	Tiền Giang	6647	63A-305.72	Tiền Giang	7647	63C-217.52	Tiền Giang
4648	64C-121.24	Vĩnh Long	5648	63A-303.18	Tiền Giang	6648	63C-217.65	Tiền Giang	7648	63C-217.59	Tiền Giang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4649	65A-460.18	Cần Thơ	5649	63A-304.66	Tiền Giang	6649	63C-217.86	Tiền Giang	7649	63C-219.03	Tiền Giang
4650	65A-460.58	Cần Thơ	5650	63A-304.83	Tiền Giang	6650	63C-218.51	Tiền Giang	7650	63C-219.20	Tiền Giang
4651	65A-460.79	Cần Thơ	5651	63C-212.66	Tiền Giang	6651	64A-193.94	Vĩnh Long	7651	63C-219.49	Tiền Giang
4652	65A-461.00	Cần Thơ	5652	63C-213.59	Tiền Giang	6652	64A-194.28	Vĩnh Long	7652	63C-219.65	Tiền Giang
4653	65A-464.55	Cần Thơ	5653	63C-214.22	Tiền Giang	6653	64B-013.34	Vĩnh Long	7653	63D-008.83	Tiền Giang
4654	65A-465.77	Cần Thơ	5654	63C-215.59	Tiền Giang	6654	64B-013.36	Vĩnh Long	7654	64A-193.11	Vĩnh Long
4655	65A-467.06	Cần Thơ	5655	63C-219.55	Tiền Giang	6655	64C-119.39	Vĩnh Long	7655	64C-116.69	Vĩnh Long
4656	65A-467.68	Cần Thơ	5656	64A-194.15	Vĩnh Long	6656	64C-120.49	Vĩnh Long	7656	64C-119.44	Vĩnh Long
4657	65A-468.66	Cần Thơ	5657	64C-119.06	Vĩnh Long	6657	64C-120.58	Vĩnh Long	7657	65A-458.69	Cần Thơ
4658	65A-469.00	Cần Thơ	5658	64C-120.10	Vĩnh Long	6658	64C-121.06	Vĩnh Long	7658	65A-463.16	Cần Thơ
4659	65A-472.08	Cần Thơ	5659	64C-120.68	Vĩnh Long	6659	64C-121.08	Vĩnh Long	7659	65A-466.79	Cần Thơ
4660	65A-473.69	Cần Thơ	5660	64C-120.73	Vĩnh Long	6660	65A-457.44	Cần Thơ	7660	65A-467.16	Cần Thơ
4661	65A-474.89	Cần Thơ	5661	64C-121.00	Vĩnh Long	6661	65A-461.19	Cần Thơ	7661	65A-469.06	Cần Thơ
4662	65A-475.18	Cần Thơ	5662	65A-459.08	Cần Thơ	6662	65A-461.38	Cần Thơ	7662	65A-470.89	Cần Thơ
4663	65A-479.59	Cần Thơ	5663	65A-461.44	Cần Thơ	6663	65A-463.39	Cần Thơ	7663	65A-472.86	Cần Thơ
4664	65A-486.22	Cần Thơ	5664	65A-468.22	Cần Thơ	6664	65A-463.79	Cần Thơ	7664	65A-473.55	Cần Thơ
4665	65A-488.18	Cần Thơ	5665	65A-471.19	Cần Thơ	6665	65A-464.59	Cần Thơ	7665	65A-476.33	Cần Thơ
4666	65C-215.06	Cần Thơ	5666	65A-474.55	Cần Thơ	6666	65A-472.66	Cần Thơ	7666	65A-478.22	Cần Thơ
4667	65C-216.88	Cần Thơ	5667	65A-484.09	Cần Thơ	6667	65A-473.99	Cần Thơ	7667	65A-482.11	Cần Thơ
4668	65D-006.28	Cần Thơ	5668	65A-486.08	Cần Thơ	6668	65A-477.08	Cần Thơ	7668	65A-485.11	Cần Thơ
4669	66A-278.19	Đồng Tháp	5669	65A-490.79	Cần Thơ	6669	65A-478.09	Cần Thơ	7669	65A-490.55	Cần Thơ
4670	66A-280.49	Đồng Tháp	5670	65A-491.06	Cần Thơ	6670	65A-478.58	Cần Thơ	7670	65C-211.79	Cần Thơ
4671	66A-281.25	Đồng Tháp	5671	65C-213.08	Cần Thơ	6671	65A-480.38	Cần Thơ	7671	65C-215.22	Cần Thơ
4672	66C-175.00	Đồng Tháp	5672	65C-213.56	Cần Thơ	6672	65A-480.59	Cần Thơ	7672	65C-219.39	Cần Thơ
4673	66C-175.02	Đồng Tháp	5673	65C-214.18	Cần Thơ	6673	65A-487.86	Cần Thơ	7673	65C-221.89	Cần Thơ
4674	66C-176.90	Đồng Tháp	5674	65C-220.55	Cần Thơ	6674	65A-488.36	Cần Thơ	7674	65C-226.39	Cần Thơ
4675	66C-177.26	Đồng Tháp	5675	66A-280.86	Đồng Tháp	6675	65A-490.58	Cần Thơ	7675	65D-006.08	Cần Thơ
4676	67A-306.28	An Giang	5676	66A-281.41	Đồng Tháp	6676	65C-211.86	Cần Thơ	7676	66A-280.09	Đồng Tháp
4677	67A-306.51	An Giang	5677	66A-282.38	Đồng Tháp	6677	65C-212.19	Cần Thơ	7677	66A-280.17	Đồng Tháp
4678	67A-306.79	An Giang	5678	66A-283.86	Đồng Tháp	6678	65C-223.39	Cần Thơ	7678	66A-281.39	Đồng Tháp
4679	67A-307.28	An Giang	5679	66A-285.96	Đồng Tháp	6679	65C-224.09	Cần Thơ	7679	66A-285.12	Đồng Tháp
4680	67A-308.74	An Giang	5680	66A-286.71	Đồng Tháp	6680	65C-224.58	Cần Thơ	7680	66A-287.18	Đồng Tháp
4681	67A-309.44	An Giang	5681	66A-286.97	Đồng Tháp	6681	65C-225.39	Cần Thơ	7681	66A-287.54	Đồng Tháp
4682	67A-311.73	An Giang	5682	66A-287.37	Đồng Tháp	6682	66A-277.58	Đồng Tháp	7682	66C-174.99	Đồng Tháp
4683	67A-311.74	An Giang	5683	66C-174.18	Đồng Tháp	6683	66A-280.50	Đồng Tháp	7683	66C-175.62	Đồng Tháp
4684	67A-312.20	An Giang	5684	66C-176.44	Đồng Tháp	6684	66A-281.00	Đồng Tháp	7684	66C-175.69	Đồng Tháp
4685	67C-179.66	An Giang	5685	66C-177.08	Đồng Tháp	6685	66A-281.36	Đồng Tháp	7685	66C-176.28	Đồng Tháp
4686	67C-181.00	An Giang	5686	67A-305.89	An Giang	6686	66A-282.19	Đồng Tháp	7686	67A-307.06	An Giang
4687	67C-181.83	An Giang	5687	67A-306.09	An Giang	6687	66A-282.24	Đồng Tháp	7687	67A-307.10	An Giang
4688	67C-182.29	An Giang	5688	67A-307.20	An Giang	6688	66A-283.36	Đồng Tháp	7688	67A-308.01	An Giang
4689	67C-182.98	An Giang	5689	67A-307.69	An Giang	6689	66A-283.98	Đồng Tháp	7689	67A-308.22	An Giang
4690	67C-183.00	An Giang	5690	67A-308.06	An Giang	6690	66C-174.09	Đồng Tháp	7690	67A-308.66	An Giang
4691	68A-344.28	Kiên Giang	5691	67A-309.40	An Giang	6691	66C-174.28	Đồng Tháp	7691	67A-309.18	An Giang
4692	68A-346.29	Kiên Giang	5692	67A-309.74	An Giang	6692	66C-174.89	Đồng Tháp	7692	67A-309.33	An Giang
4693	68A-347.16	Kiên Giang	5693	67A-312.86	An Giang	6693	67A-307.04	An Giang	7693	67A-310.27	An Giang
4694	68A-347.18	Kiên Giang	5694	67C-181.09	An Giang	6694	67A-307.83	An Giang	7694	67A-310.58	An Giang
4695	68A-347.98	Kiên Giang	5695	67C-182.76	An Giang	6695	67A-310.18	An Giang	7695	67A-310.79	An Giang
4696	68A-348.33	Kiên Giang	5696	67D-005.58	An Giang	6696	67A-310.38	An Giang	7696	67A-312.33	An Giang
4697	68A-349.22	Kiên Giang	5697	68A-341.22	Kiên Giang	6697	67A-310.48	An Giang	7697	67A-312.67	An Giang
4698	68A-349.66	Kiên Giang	5698	68A-345.22	Kiên Giang	6698	67A-313.17	An Giang	7698	67A-313.79	An Giang
4699	68A-350.42	Kiên Giang	5699	68A-345.59	Kiên Giang	6699	67C-177.36	An Giang	7699	67A-314.27	An Giang
4700	68C-169.22	Kiên Giang	5700	68A-348.06	Kiên Giang	6700	67C-180.06	An Giang	7700	67C-177.38	An Giang
4701	68C-170.24	Kiên Giang	5701	68A-348.22	Kiên Giang	6701	67C-182.14	An Giang	7701	67C-178.56	An Giang
4702	68C-170.69	Kiên Giang	5702	68A-348.65	Kiên Giang	6702	67C-182.56	An Giang	7702	67C-181.88	An Giang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4703	68C-171.28	Kiên Giang	5703	68A-349.77	Kiên Giang	6703	67C-183.11	An Giang	7703	67C-182.86	An Giang
4704	70A-545.65	Tây Ninh	5704	68C-169.29	Kiên Giang	6704	68A-344.02	Kiên Giang	7704	68A-342.19	Kiên Giang
4705	70A-546.06	Tây Ninh	5705	68C-169.59	Kiên Giang	6705	68A-346.00	Kiên Giang	7705	68A-343.08	Kiên Giang
4706	70A-549.19	Tây Ninh	5706	68C-169.66	Kiên Giang	6706	68A-346.28	Kiên Giang	7706	68A-345.88	Kiên Giang
4707	70A-549.33	Tây Ninh	5707	69A-162.21	Cà Mau	6707	68A-347.26	Kiên Giang	7707	68A-346.09	Kiên Giang
4708	70A-550.91	Tây Ninh	5708	69C-100.57	Cà Mau	6708	68A-348.46	Kiên Giang	7708	68A-347.90	Kiên Giang
4709	70A-550.95	Tây Ninh	5709	70A-543.79	Tây Ninh	6709	68A-348.67	Kiên Giang	7709	68A-348.25	Kiên Giang
4710	70A-551.63	Tây Ninh	5710	70A-544.56	Tây Ninh	6710	68A-350.03	Kiên Giang	7710	68A-348.44	Kiên Giang
4711	70A-552.13	Tây Ninh	5711	70A-544.61	Tây Ninh	6711	68A-350.65	Kiên Giang	7711	68A-348.96	Kiên Giang
4712	70A-552.85	Tây Ninh	5712	70A-545.16	Tây Ninh	6712	68C-170.66	Kiên Giang	7712	68A-349.62	Kiên Giang
4713	70A-553.28	Tây Ninh	5713	70A-545.86	Tây Ninh	6713	68C-172.11	Kiên Giang	7713	68A-349.84	Kiên Giang
4714	70A-554.33	Tây Ninh	5714	70A-546.95	Tây Ninh	6714	69A-161.98	Cà Mau	7714	68A-351.09	Kiên Giang
4715	70B-030.88	Tây Ninh	5715	70A-547.22	Tây Ninh	6715	69C-100.75	Cà Mau	7715	68A-351.55	Kiên Giang
4716	70B-030.89	Tây Ninh	5716	70A-547.36	Tây Ninh	6716	69C-100.79	Cà Mau	7716	68C-170.23	Kiên Giang
4717	70B-030.98	Tây Ninh	5717	70A-547.39	Tây Ninh	6717	70A-543.58	Tây Ninh	7717	68C-171.02	Kiên Giang
4718	70C-205.99	Tây Ninh	5718	70A-547.83	Tây Ninh	6718	70A-543.63	Tây Ninh	7718	68C-171.68	Kiên Giang
4719	70C-207.09	Tây Ninh	5719	70A-548.25	Tây Ninh	6719	70A-546.19	Tây Ninh	7719	68C-172.09	Kiên Giang
4720	70C-207.36	Tây Ninh	5720	70A-548.51	Tây Ninh	6720	70A-548.35	Tây Ninh	7720	69C-100.94	Cà Mau
4721	70C-208.69	Tây Ninh	5721	70A-548.55	Tây Ninh	6721	70A-550.40	Tây Ninh	7721	70A-543.96	Tây Ninh
4722	70D-007.89	Tây Ninh	5722	70A-550.19	Tây Ninh	6722	70A-550.98	Tây Ninh	7722	70A-545.21	Tây Ninh
4723	71A-198.28	Bến Tre	5723	70A-551.95	Tây Ninh	6723	70A-551.01	Tây Ninh	7723	70A-545.46	Tây Ninh
4724	71A-200.13	Bến Tre	5724	70A-552.83	Tây Ninh	6724	70A-551.48	Tây Ninh	7724	70A-548.77	Tây Ninh
4725	71A-201.25	Bến Tre	5725	70A-552.86	Tây Ninh	6725	70A-553.11	Tây Ninh	7725	70A-548.92	Tây Ninh
4726	71A-201.26	Bến Tre	5726	70C-199.58	Tây Ninh	6726	70A-553.18	Tây Ninh	7726	70A-549.85	Tây Ninh
4727	71A-202.09	Bến Tre	5727	70C-202.09	Tây Ninh	6727	70C-200.58	Tây Ninh	7727	70A-550.42	Tây Ninh
4728	72A-788.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	5728	71A-201.29	Bến Tre	6728	70C-200.86	Tây Ninh	7728	70A-552.18	Tây Ninh
4729	72A-794.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	5729	71A-201.58	Bến Tre	6729	70C-202.99	Tây Ninh	7729	70C-202.77	Tây Ninh
4730	72A-794.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	5730	71D-002.58	Bến Tre	6730	70C-203.39	Tây Ninh	7730	70C-203.06	Tây Ninh
4731	72A-796.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5731	72A-790.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	6731	70C-205.58	Tây Ninh	7731	70C-208.33	Tây Ninh
4732	72A-798.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	5732	72A-791.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	6732	70C-207.00	Tây Ninh	7732	70C-208.36	Tây Ninh
4733	72A-798.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5733	72A-792.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	6733	70C-208.00	Tây Ninh	7733	71A-197.89	Bến Tre
4734	72A-799.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	5734	72A-792.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	6734	70C-209.44	Tây Ninh	7734	71A-197.90	Bến Tre
4735	72A-801.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	5735	72A-792.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	6735	70C-209.58	Tây Ninh	7735	71A-199.72	Bến Tre
4736	72A-801.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	5736	72A-793.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	6736	70D-008.05	Tây Ninh	7736	71A-200.60	Bến Tre
4737	72A-801.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	5737	72A-795.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	6737	71A-199.06	Bến Tre	7737	71A-201.35	Bến Tre
4738	72A-802.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	5738	72A-795.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	6738	71A-199.25	Bến Tre	7738	72A-788.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
4739	72A-803.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5739	72A-796.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	6739	71A-199.95	Bến Tre	7739	72A-788.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
4740	72A-803.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	5740	72A-797.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	6740	71A-200.73	Bến Tre	7740	72A-789.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
4741	72A-804.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	5741	72A-798.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	6741	71D-002.45	Bến Tre	7741	72A-790.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
4742	72D-007.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5742	72A-798.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	6742	72A-788.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	7742	72A-791.41	Bà Rịa - Vũng Tàu
4743	73A-353.68	Quảng Bình	5743	72A-799.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	6743	72A-790.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	7743	72A-791.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
4744	73C-177.36	Quảng Bình	5744	72A-800.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	6744	72A-791.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7744	72A-795.57	Bà Rịa - Vũng Tàu
4745	73C-182.59	Quảng Bình	5745	72A-800.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6745	72A-794.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7745	72A-796.45	Bà Rịa - Vũng Tàu
4746	73C-182.79	Quảng Bình	5746	72A-800.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6746	72A-794.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	7746	72A-799.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
4747	73C-185.65	Quảng Bình	5747	72A-803.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	6747	72A-795.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	7747	72A-801.71	Bà Rịa - Vũng Tàu
4748	73C-185.77	Quảng Bình	5748	72A-804.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	6748	72A-795.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7748	72A-801.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
4749	74A-263.06	Quảng Trị	5749	72A-804.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	6749	72A-796.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7749	72A-801.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
4750	74A-265.70	Quảng Trị	5750	73A-352.88	Quảng Bình	6750	72A-797.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	7750	72A-802.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
4751	74A-266.29	Quảng Trị	5751	73A-354.82	Quảng Bình	6751	72A-798.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	7751	72A-803.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
4752	74A-266.35	Quảng Trị	5752	73A-355.67	Quảng Bình	6752	72A-799.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7752	72A-804.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
4753	75A-371.59	Thừa Thiên Huế	5753	73C-177.56	Quảng Bình	6753	72A-801.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7753	72C-229.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
4754	75C-152.44	Thừa Thiên Huế	5754	73C-179.38	Quảng Bình	6754	72A-802.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	7754	72C-230.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
4755	75D-006.19	Thừa Thiên Huế	5755	73C-180.11	Quảng Bình	6755	72A-802.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	7755	73A-352.85	Quảng Bình
4756	76A-308.52	Quảng Ngãi	5756	73C-180.77	Quảng Bình	6756	73A-353.31	Quảng Bình	7756	73A-354.39	Quảng Bình

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4757	76A-308.85	Quảng Ngãi	5757	73C-183.22	Quảng Bình	6757	73A-355.72	Quảng Bình	7757	73A-355.25	Quảng Bình
4758	76A-310.69	Quảng Ngãi	5758	74A-263.38	Quảng Trị	6758	73C-177.68	Quảng Bình	7758	73C-182.38	Quảng Bình
4759	76A-312.09	Quảng Ngãi	5759	74A-263.65	Quảng Trị	6759	73C-179.11	Quảng Bình	7759	74A-263.93	Quảng Trị
4760	76A-312.15	Quảng Ngãi	5760	74A-263.67	Quảng Trị	6760	73C-180.56	Quảng Bình	7760	74A-266.01	Quảng Trị
4761	76A-312.35	Quảng Ngãi	5761	74A-264.51	Quảng Trị	6761	73C-184.86	Quảng Bình	7761	74D-008.44	Quảng Trị
4762	77A-332.39	Bình Định	5762	74A-265.25	Quảng Trị	6762	74A-264.00	Quảng Trị	7762	76A-309.64	Quảng Ngãi
4763	77A-334.59	Bình Định	5763	74A-266.13	Quảng Trị	6763	74A-264.71	Quảng Trị	7763	76A-311.28	Quảng Ngãi
4764	77A-335.42	Bình Định	5764	74A-266.96	Quảng Trị	6764	74C-134.83	Quảng Trị	7764	77A-331.99	Bình Định
4765	77A-337.87	Bình Định	5765	74D-008.36	Quảng Trị	6765	75C-153.60	Thừa Thiên Huế	7765	77A-332.43	Bình Định
4766	77A-338.82	Bình Định	5766	75C-152.26	Thừa Thiên Huế	6766	76A-309.68	Quảng Ngãi	7766	77A-335.69	Bình Định
4767	77A-340.56	Bình Định	5767	75D-006.25	Thừa Thiên Huế	6767	76A-309.91	Quảng Ngãi	7767	77A-336.09	Bình Định
4768	77A-340.87	Bình Định	5768	76A-307.69	Quảng Ngãi	6768	76A-310.37	Quảng Ngãi	7768	77A-337.03	Bình Định
4769	77C-249.12	Bình Định	5769	76A-309.58	Quảng Ngãi	6769	76A-310.66	Quảng Ngãi	7769	77A-337.20	Bình Định
4770	77C-249.19	Bình Định	5770	76A-310.59	Quảng Ngãi	6770	76A-311.01	Quảng Ngãi	7770	77A-337.35	Bình Định
4771	77C-251.18	Bình Định	5771	76A-312.10	Quảng Ngãi	6771	76A-312.26	Quảng Ngãi	7771	77A-339.54	Bình Định
4772	78A-200.63	Phú Yên	5772	77A-335.08	Bình Định	6772	76C-173.54	Quảng Ngãi	7772	77A-339.66	Bình Định
4773	78A-200.82	Phú Yên	5773	77A-336.74	Bình Định	6773	77A-335.56	Bình Định	7773	77A-340.85	Bình Định
4774	78A-202.81	Phú Yên	5774	77A-337.11	Bình Định	6774	77A-337.44	Bình Định	7774	77A-340.96	Bình Định
4775	78A-203.69	Phú Yên	5775	77A-337.27	Bình Định	6775	77A-337.48	Bình Định	7775	77C-250.19	Bình Định
4776	78A-203.98	Phú Yên	5776	77A-338.55	Bình Định	6776	77A-338.16	Bình Định	7776	77C-251.00	Bình Định
4777	78A-204.88	Phú Yên	5777	77A-338.95	Bình Định	6777	77A-338.25	Bình Định	7777	77C-252.13	Bình Định
4778	78B-015.24	Phú Yên	5778	77A-341.25	Bình Định	6778	77A-338.84	Bình Định	7778	78A-200.98	Phú Yên
4779	78B-015.26	Phú Yên	5779	77B-034.29	Bình Định	6779	77A-339.16	Bình Định	7779	78A-202.13	Phú Yên
4780	78C-121.64	Phú Yên	5780	77C-246.88	Bình Định	6780	77A-339.77	Bình Định	7780	78A-202.24	Phú Yên
4781	79A-529.26	Khánh Hòa	5781	77C-250.77	Bình Định	6781	77A-341.31	Bình Định	7781	78A-202.55	Phú Yên
4782	79A-531.85	Khánh Hòa	5782	77C-250.85	Bình Định	6782	77C-246.39	Bình Định	7782	78A-203.99	Phú Yên
4783	79A-532.02	Khánh Hòa	5783	77C-250.88	Bình Định	6783	77C-248.79	Bình Định	7783	78A-205.12	Phú Yên
4784	79A-532.83	Khánh Hòa	5784	77C-251.50	Bình Định	6784	77C-249.79	Bình Định	7784	78A-206.05	Phú Yên
4785	79A-533.09	Khánh Hòa	5785	77C-251.80	Bình Định	6785	77C-249.80	Bình Định	7785	78A-206.26	Phú Yên
4786	79A-533.18	Khánh Hòa	5786	77C-251.83	Bình Định	6786	77C-249.98	Bình Định	7786	78C-120.54	Phú Yên
4787	79A-533.71	Khánh Hòa	5787	78A-201.66	Phú Yên	6787	77C-250.65	Bình Định	7787	79A-528.74	Khánh Hòa
4788	79A-534.98	Khánh Hòa	5788	78A-202.44	Phú Yên	6788	77C-251.26	Bình Định	7788	79A-529.09	Khánh Hòa
4789	79A-537.16	Khánh Hòa	5789	78A-203.42	Phú Yên	6789	78A-201.75	Phú Yên	7789	79A-531.01	Khánh Hòa
4790	79A-540.86	Khánh Hòa	5790	78B-015.22	Phú Yên	6790	78A-204.86	Phú Yên	7790	79A-531.38	Khánh Hòa
4791	79A-541.08	Khánh Hòa	5791	78C-120.24	Phú Yên	6791	78A-205.81	Phú Yên	7791	79A-531.58	Khánh Hòa
4792	79A-541.22	Khánh Hòa	5792	78C-120.44	Phú Yên	6792	78C-121.72	Phú Yên	7792	79A-533.34	Khánh Hòa
4793	79A-541.53	Khánh Hòa	5793	78D-003.23	Phú Yên	6793	78C-121.83	Phú Yên	7793	79A-534.33	Khánh Hòa
4794	79A-541.68	Khánh Hòa	5794	79A-529.27	Khánh Hòa	6794	79A-533.06	Khánh Hòa	7794	79A-536.16	Khánh Hòa
4795	79C-215.44	Khánh Hòa	5795	79A-529.37	Khánh Hòa	6795	79A-533.13	Khánh Hòa	7795	79A-537.08	Khánh Hòa
4796	79C-218.66	Khánh Hòa	5796	79A-533.76	Khánh Hòa	6796	79A-533.95	Khánh Hòa	7796	79A-538.27	Khánh Hòa
4797	79C-219.89	Khánh Hòa	5797	79A-535.22	Khánh Hòa	6797	79A-534.47	Khánh Hòa	7797	79A-540.09	Khánh Hòa
4798	79C-220.79	Khánh Hòa	5798	79A-537.33	Khánh Hòa	6798	79A-536.28	Khánh Hòa	7798	79A-540.63	Khánh Hòa
4799	81A-415.09	Gia Lai	5799	79C-214.69	Khánh Hòa	6799	79A-536.44	Khánh Hòa	7799	79C-213.85	Khánh Hòa
4800	81A-415.29	Gia Lai	5800	79C-216.38	Khánh Hòa	6800	79A-536.96	Khánh Hòa	7800	79D-007.58	Khánh Hòa
4801	81A-415.47	Gia Lai	5801	79C-216.44	Khánh Hòa	6801	79A-537.12	Khánh Hòa	7801	81A-418.06	Gia Lai
4802	81A-416.32	Gia Lai	5802	79C-219.09	Khánh Hòa	6802	79A-538.34	Khánh Hòa	7802	81A-419.36	Gia Lai
4803	81A-416.35	Gia Lai	5803	79C-220.33	Khánh Hòa	6803	79A-538.55	Khánh Hòa	7803	81A-420.31	Gia Lai
4804	81A-416.76	Gia Lai	5804	79C-220.68	Khánh Hòa	6804	79A-538.61	Khánh Hòa	7804	81A-421.48	Gia Lai
4805	81A-417.65	Gia Lai	5805	81A-415.50	Gia Lai	6805	79C-213.18	Khánh Hòa	7805	81A-422.08	Gia Lai
4806	81A-418.10	Gia Lai	5806	81A-417.49	Gia Lai	6806	79C-214.33	Khánh Hòa	7806	81A-422.53	Gia Lai
4807	81A-420.09	Gia Lai	5807	81A-418.07	Gia Lai	6807	79C-215.89	Khánh Hòa	7807	81A-423.56	Gia Lai
4808	81A-420.26	Gia Lai	5808	81A-418.33	Gia Lai	6808	79C-218.77	Khánh Hòa	7808	81A-424.36	Gia Lai
4809	81A-420.33	Gia Lai	5809	81A-420.21	Gia Lai	6809	79C-219.88	Khánh Hòa	7809	81C-263.09	Gia Lai
4810	81A-420.77	Gia Lai	5810	81A-421.26	Gia Lai	6810	79C-220.39	Khánh Hòa	7810	81C-263.69	Gia Lai

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4811	81A-421.16	Gia Lai	5811	81A-422.15	Gia Lai	6811	81A-420.30	Gia Lai	7811	81C-264.28	Gia Lai
4812	81A-421.38	Gia Lai	5812	81A-423.36	Gia Lai	6812	81A-420.93	Gia Lai	7812	81C-265.73	Gia Lai
4813	81A-422.39	Gia Lai	5813	81A-423.61	Gia Lai	6813	81A-421.88	Gia Lai	7813	81C-267.36	Gia Lai
4814	81A-422.71	Gia Lai	5814	81B-024.93	Gia Lai	6814	81A-422.23	Gia Lai	7814	81C-267.61	Gia Lai
4815	81A-424.39	Gia Lai	5815	81C-261.56	Gia Lai	6815	81A-424.29	Gia Lai	7815	81C-268.45	Gia Lai
4816	81A-424.57	Gia Lai	5816	81C-261.84	Gia Lai	6816	81C-261.50	Gia Lai	7816	81C-269.65	Gia Lai
4817	81A-424.65	Gia Lai	5817	81C-263.18	Gia Lai	6817	81C-262.35	Gia Lai	7817	81C-269.77	Gia Lai
4818	81C-262.77	Gia Lai	5818	81C-265.18	Gia Lai	6818	81C-264.58	Gia Lai	7818	82A-149.09	Kon Tum
4819	81C-262.83	Gia Lai	5819	81C-267.38	Gia Lai	6819	81C-267.31	Gia Lai	7819	82A-149.44	Kon Tum
4820	81C-263.54	Gia Lai	5820	81C-267.65	Gia Lai	6820	81C-268.36	Gia Lai	7820	82A-150.25	Kon Tum
4821	81C-264.93	Gia Lai	5821	81C-268.13	Gia Lai	6821	81C-268.78	Gia Lai	7821	82C-091.54	Kon Tum
4822	81C-265.19	Gia Lai	5822	81C-268.95	Gia Lai	6822	83A-183.99	Sóc Trăng	7822	83A-184.06	Sóc Trăng
4823	81C-265.81	Gia Lai	5823	82A-149.08	Kon Tum	6823	83A-184.56	Sóc Trăng	7823	83A-184.37	Sóc Trăng
4824	81C-266.15	Gia Lai	5824	82A-149.13	Kon Tum	6824	83A-185.44	Sóc Trăng	7824	83A-184.85	Sóc Trăng
4825	81C-266.83	Gia Lai	5825	82A-149.25	Kon Tum	6825	83C-128.44	Sóc Trăng	7825	83C-127.03	Sóc Trăng
4826	81C-269.44	Gia Lai	5826	82A-149.97	Kon Tum	6826	83C-128.96	Sóc Trăng	7826	83C-127.24	Sóc Trăng
4827	82C-090.58	Kon Tum	5827	82A-150.65	Kon Tum	6827	83D-004.95	Sóc Trăng	7827	84B-016.26	Trà Vinh
4828	82C-091.12	Kon Tum	5828	82A-150.73	Kon Tum	6828	83D-004.99	Sóc Trăng	7828	84C-120.07	Trà Vinh
4829	82D-007.68	Kon Tum	5829	82A-150.85	Kon Tum	6829	84C-120.15	Trà Vinh	7829	84C-120.35	Trà Vinh
4830	83A-183.86	Sóc Trăng	5830	82A-150.92	Kon Tum	6830	85A-139.06	Ninh Thuận	7830	85A-139.56	Ninh Thuận
4831	83A-184.66	Sóc Trăng	5831	82A-151.04	Kon Tum	6831	85A-139.08	Ninh Thuận	7831	85A-140.18	Ninh Thuận
4832	84A-139.12	Trà Vinh	5832	82C-090.83	Kon Tum	6832	85A-139.29	Ninh Thuận	7832	85A-140.44	Ninh Thuận
4833	84A-139.36	Trà Vinh	5833	83A-184.55	Sóc Trăng	6833	85A-140.09	Ninh Thuận	7833	85A-140.53	Ninh Thuận
4834	84D-001.89	Trà Vinh	5834	84C-120.65	Trà Vinh	6834	85C-081.19	Ninh Thuận	7834	85C-081.34	Ninh Thuận
4835	85A-139.09	Ninh Thuận	5835	85A-139.36	Ninh Thuận	6835	86A-300.65	Bình Thuận	7835	85C-081.44	Ninh Thuận
4836	85A-139.23	Ninh Thuận	5836	86A-301.66	Bình Thuận	6836	86A-302.97	Bình Thuận	7836	86A-301.64	Bình Thuận
4837	86A-302.62	Bình Thuận	5837	86A-301.98	Bình Thuận	6837	86A-304.81	Bình Thuận	7837	86A-303.79	Bình Thuận
4838	86A-305.12	Bình Thuận	5838	86A-302.25	Bình Thuận	6838	86A-305.69	Bình Thuận	7838	86A-304.72	Bình Thuận
4839	86A-305.14	Bình Thuận	5839	86A-303.16	Bình Thuận	6839	86B-021.47	Bình Thuận	7839	86A-306.26	Bình Thuận
4840	86A-305.77	Bình Thuận	5840	86A-305.16	Bình Thuận	6840	86C-202.46	Bình Thuận	7840	86C-196.77	Bình Thuận
4841	86A-305.85	Bình Thuận	5841	86A-305.97	Bình Thuận	6841	86C-202.54	Bình Thuận	7841	86C-199.26	Bình Thuận
4842	86A-305.91	Bình Thuận	5842	86C-201.56	Bình Thuận	6842	86C-202.55	Bình Thuận	7842	86C-199.85	Bình Thuận
4843	86A-306.08	Bình Thuận	5843	86C-202.16	Bình Thuận	6843	86C-203.59	Bình Thuận	7843	86C-201.47	Bình Thuận
4844	86A-307.10	Bình Thuận	5844	86C-203.09	Bình Thuận	6844	86C-203.79	Bình Thuận	7844	86C-202.77	Bình Thuận
4845	86C-197.89	Bình Thuận	5845	86C-203.34	Bình Thuận	6845	88A-721.59	Vĩnh Phúc	7845	88A-724.59	Vĩnh Phúc
4846	86C-198.58	Bình Thuận	5846	88A-721.68	Vĩnh Phúc	6846	88A-722.96	Vĩnh Phúc	7846	88A-726.80	Vĩnh Phúc
4847	86C-200.26	Bình Thuận	5847	88A-721.88	Vĩnh Phúc	6847	88A-725.06	Vĩnh Phúc	7847	88A-727.25	Vĩnh Phúc
4848	86C-200.56	Bình Thuận	5848	88A-721.95	Vĩnh Phúc	6848	88A-728.76	Vĩnh Phúc	7848	88A-731.85	Vĩnh Phúc
4849	86C-201.54	Bình Thuận	5849	88A-722.35	Vĩnh Phúc	6849	88A-729.53	Vĩnh Phúc	7849	88A-734.22	Vĩnh Phúc
4850	86C-201.97	Bình Thuận	5850	88A-722.46	Vĩnh Phúc	6850	88A-731.48	Vĩnh Phúc	7850	88A-734.55	Vĩnh Phúc
4851	86C-202.00	Bình Thuận	5851	88A-726.58	Vĩnh Phúc	6851	88A-731.99	Vĩnh Phúc	7851	88A-734.59	Vĩnh Phúc
4852	86C-202.24	Bình Thuận	5852	88A-726.65	Vĩnh Phúc	6852	88A-732.98	Vĩnh Phúc	7852	88A-734.77	Vĩnh Phúc
4853	86C-202.50	Bình Thuận	5853	88A-726.77	Vĩnh Phúc	6853	88A-733.52	Vĩnh Phúc	7853	88A-735.88	Vĩnh Phúc
4854	86C-202.58	Bình Thuận	5854	88A-726.90	Vĩnh Phúc	6854	88A-733.83	Vĩnh Phúc	7854	88A-736.19	Vĩnh Phúc
4855	86C-202.80	Bình Thuận	5855	88A-726.91	Vĩnh Phúc	6855	88A-733.98	Vĩnh Phúc	7855	88A-736.59	Vĩnh Phúc
4856	88A-723.36	Vĩnh Phúc	5856	88A-727.75	Vĩnh Phúc	6856	88A-734.12	Vĩnh Phúc	7856	88A-736.65	Vĩnh Phúc
4857	88A-723.87	Vĩnh Phúc	5857	88A-728.99	Vĩnh Phúc	6857	88A-735.26	Vĩnh Phúc	7857	88A-739.34	Vĩnh Phúc
4858	88A-725.78	Vĩnh Phúc	5858	88A-729.26	Vĩnh Phúc	6858	88A-735.38	Vĩnh Phúc	7858	88A-741.95	Vĩnh Phúc
4859	88A-726.04	Vĩnh Phúc	5859	88A-729.59	Vĩnh Phúc	6859	88A-736.77	Vĩnh Phúc	7859	89A-483.29	Hưng Yên
4860	88A-730.26	Vĩnh Phúc	5860	88A-730.18	Vĩnh Phúc	6860	88A-737.98	Vĩnh Phúc	7860	89A-483.87	Hưng Yên
4861	88A-733.75	Vĩnh Phúc	5861	88A-732.38	Vĩnh Phúc	6861	88A-739.71	Vĩnh Phúc	7861	89A-485.14	Hưng Yên
4862	88A-735.59	Vĩnh Phúc	5862	88A-734.00	Vĩnh Phúc	6862	88C-292.61	Vĩnh Phúc	7862	89A-489.38	Hưng Yên
4863	88A-735.69	Vĩnh Phúc	5863	88A-735.19	Vĩnh Phúc	6863	88C-293.00	Vĩnh Phúc	7863	89A-489.68	Hưng Yên
4864	88A-736.07	Vĩnh Phúc	5864	88A-736.22	Vĩnh Phúc	6864	88C-294.78	Vĩnh Phúc	7864	89A-490.59	Hưng Yên

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4865	88A-736.25	Vĩnh Phúc	5865	88A-737.38	Vĩnh Phúc	6865	89A-482.88	Hưng Yên	7865	89A-492.68	Hưng Yên
4866	88A-736.83	Vĩnh Phúc	5866	88A-738.66	Vĩnh Phúc	6866	89A-483.35	Hưng Yên	7866	89A-493.27	Hưng Yên
4867	88A-737.56	Vĩnh Phúc	5867	88A-738.77	Vĩnh Phúc	6867	89A-485.92	Hưng Yên	7867	89A-493.35	Hưng Yên
4868	88A-737.89	Vĩnh Phúc	5868	88A-739.22	Vĩnh Phúc	6868	89A-486.47	Hưng Yên	7868	89A-493.99	Hưng Yên
4869	88A-738.99	Vĩnh Phúc	5869	88A-741.22	Vĩnh Phúc	6869	89A-486.58	Hưng Yên	7869	89A-494.29	Hưng Yên
4870	88A-739.35	Vĩnh Phúc	5870	88A-742.55	Vĩnh Phúc	6870	89A-487.75	Hưng Yên	7870	89A-497.01	Hưng Yên
4871	88A-740.86	Vĩnh Phúc	5871	88C-292.85	Vĩnh Phúc	6871	89A-491.59	Hưng Yên	7871	89A-497.11	Hưng Yên
4872	88C-292.79	Vĩnh Phúc	5872	88C-293.16	Vĩnh Phúc	6872	89A-492.89	Hưng Yên	7872	89C-326.18	Hưng Yên
4873	88C-293.99	Vĩnh Phúc	5873	88C-293.69	Vĩnh Phúc	6873	89A-494.22	Hưng Yên	7873	89C-326.35	Hưng Yên
4874	89A-482.29	Hưng Yên	5874	88C-295.11	Vĩnh Phúc	6874	89A-494.90	Hưng Yên	7874	89C-326.98	Hưng Yên
4875	89A-483.37	Hưng Yên	5875	89A-481.55	Hưng Yên	6875	89A-494.96	Hưng Yên	7875	89C-327.09	Hưng Yên
4876	89A-483.61	Hưng Yên	5876	89A-482.13	Hưng Yên	6876	89A-495.89	Hưng Yên	7876	89C-329.00	Hưng Yên
4877	89A-484.29	Hưng Yên	5877	89A-482.61	Hưng Yên	6877	89A-497.09	Hưng Yên	7877	89C-329.77	Hưng Yên
4878	89A-484.96	Hưng Yên	5878	89A-484.26	Hưng Yên	6878	89C-328.16	Hưng Yên	7878	89C-330.36	Hưng Yên
4879	89A-485.09	Hưng Yên	5879	89A-485.51	Hưng Yên	6879	89C-332.25	Hưng Yên	7879	89C-330.47	Hưng Yên
4880	89A-487.94	Hưng Yên	5880	89A-489.77	Hưng Yên	6880	89D-019.33	Hưng Yên	7880	89D-019.18	Hưng Yên
4881	89A-489.01	Hưng Yên	5881	89A-491.83	Hưng Yên	6881	90A-264.68	Hà Nam	7881	90A-269.16	Hà Nam
4882	89A-490.11	Hưng Yên	5882	89A-491.85	Hưng Yên	6882	90A-269.38	Hà Nam	7882	90A-273.53	Hà Nam
4883	89A-490.99	Hưng Yên	5883	89A-492.08	Hưng Yên	6883	90A-270.18	Hà Nam	7883	90A-273.63	Hà Nam
4884	89A-491.23	Hưng Yên	5884	89A-492.79	Hưng Yên	6884	90A-270.25	Hà Nam	7884	90A-273.74	Hà Nam
4885	89A-497.30	Hưng Yên	5885	89A-493.31	Hưng Yên	6885	90A-270.89	Hà Nam	7885	90B-009.29	Hà Nam
4886	89C-326.29	Hưng Yên	5886	89A-494.85	Hưng Yên	6886	90A-272.88	Hà Nam	7886	90B-009.39	Hà Nam
4887	89C-327.57	Hưng Yên	5887	89A-495.35	Hưng Yên	6887	90A-273.65	Hà Nam	7887	90C-144.56	Hà Nam
4888	89C-328.44	Hưng Yên	5888	89A-495.79	Hưng Yên	6888	90C-143.59	Hà Nam	7888	90C-145.68	Hà Nam
4889	89C-328.94	Hưng Yên	5889	89A-496.35	Hưng Yên	6889	90C-146.59	Hà Nam	7889	90C-149.00	Hà Nam
4890	89C-331.06	Hưng Yên	5890	89A-496.58	Hưng Yên	6890	92A-403.22	Quảng Nam	7890	90D-006.69	Hà Nam
4891	89C-331.12	Hưng Yên	5891	89C-327.65	Hưng Yên	6891	92A-407.66	Quảng Nam	7891	92A-403.99	Quảng Nam
4892	89C-332.18	Hưng Yên	5892	89C-331.62	Hưng Yên	6892	92A-408.54	Quảng Nam	7892	92A-404.68	Quảng Nam
4893	90A-266.65	Hà Nam	5893	90A-264.56	Hà Nam	6893	92A-410.48	Quảng Nam	7893	92A-405.06	Quảng Nam
4894	90A-267.44	Hà Nam	5894	90A-265.34	Hà Nam	6894	92A-411.98	Quảng Nam	7894	92A-406.55	Quảng Nam
4895	90A-267.82	Hà Nam	5895	90A-267.65	Hà Nam	6895	92A-412.11	Quảng Nam	7895	92A-406.69	Quảng Nam
4896	90A-268.33	Hà Nam	5896	90A-267.68	Hà Nam	6896	92A-412.19	Quảng Nam	7896	92A-407.15	Quảng Nam
4897	90A-270.99	Hà Nam	5897	90A-268.52	Hà Nam	6897	92A-413.58	Quảng Nam	7897	92A-409.35	Quảng Nam
4898	90A-271.56	Hà Nam	5898	90A-268.94	Hà Nam	6898	92A-413.95	Quảng Nam	7898	92A-410.89	Quảng Nam
4899	90A-271.58	Hà Nam	5899	90A-270.74	Hà Nam	6899	92A-415.76	Quảng Nam	7899	92A-411.16	Quảng Nam
4900	90A-272.16	Hà Nam	5900	90A-270.77	Hà Nam	6900	92B-031.99	Quảng Nam	7900	92C-243.18	Quảng Nam
4901	90C-148.90	Hà Nam	5901	90A-272.26	Hà Nam	6901	92C-242.16	Quảng Nam	7901	93A-476.36	Bình Phước
4902	92A-407.83	Quảng Nam	5902	90A-272.33	Hà Nam	6902	92C-244.18	Quảng Nam	7902	93A-478.46	Bình Phước
4903	92A-409.48	Quảng Nam	5903	90A-273.68	Hà Nam	6903	92C-248.08	Quảng Nam	7903	93A-478.67	Bình Phước
4904	92A-409.68	Quảng Nam	5904	90B-009.35	Hà Nam	6904	92C-249.88	Quảng Nam	7904	93A-478.83	Bình Phước
4905	92A-409.78	Quảng Nam	5905	90C-145.19	Hà Nam	6905	92C-250.17	Quảng Nam	7905	93A-478.92	Bình Phước
4906	92A-410.05	Quảng Nam	5906	90C-146.09	Hà Nam	6906	92C-250.37	Quảng Nam	7906	93A-481.65	Bình Phước
4907	92A-410.09	Quảng Nam	5907	90D-006.58	Hà Nam	6907	93A-470.56	Bình Phước	7907	93A-482.37	Bình Phước
4908	92A-411.86	Quảng Nam	5908	92A-403.39	Quảng Nam	6908	93A-470.58	Bình Phước	7908	93C-188.19	Bình Phước
4909	92A-412.99	Quảng Nam	5909	92A-404.58	Quảng Nam	6909	93A-472.16	Bình Phước	7909	93C-195.22	Bình Phước
4910	92A-414.39	Quảng Nam	5910	92A-406.67	Quảng Nam	6910	93A-472.79	Bình Phước	7910	93C-195.79	Bình Phước
4911	92A-415.00	Quảng Nam	5911	92A-406.73	Quảng Nam	6911	93A-479.81	Bình Phước	7911	93D-004.22	Bình Phước
4912	92C-243.69	Quảng Nam	5912	92A-407.36	Quảng Nam	6912	93A-480.35	Bình Phước	7912	94C-079.06	Bạc Liêu
4913	92C-244.09	Quảng Nam	5913	92A-412.25	Quảng Nam	6913	93A-481.19	Bình Phước	7913	94C-080.40	Bạc Liêu
4914	92C-247.00	Quảng Nam	5914	92A-412.43	Quảng Nam	6914	93A-482.64	Bình Phước	7914	94C-080.68	Bạc Liêu
4915	93A-472.55	Bình Phước	5915	92A-413.68	Quảng Nam	6915	93A-482.98	Bình Phước	7915	94D-001.88	Bạc Liêu
4916	93A-478.95	Bình Phước	5916	92A-414.16	Quảng Nam	6916	93A-485.39	Bình Phước	7916	95C-083.99	Hậu Giang
4917	93A-479.26	Bình Phước	5917	92A-415.77	Quảng Nam	6917	93C-189.08	Bình Phước	7917	95C-085.02	Hậu Giang
4918	93A-480.13	Bình Phước	5918	92C-242.08	Quảng Nam	6918	93C-193.09	Bình Phước	7918	95C-085.29	Hậu Giang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4919	93A-482.15	Bình Phước	5919	92C-243.55	Quảng Nam	6919	93C-193.59	Bình Phước	7919	95C-085.42	Hậu Giang
4920	93A-483.59	Bình Phước	5920	92C-249.87	Quảng Nam	6920	93C-193.89	Bình Phước	7920	95C-086.05	Hậu Giang
4921	93A-483.68	Bình Phước	5921	93A-470.55	Bình Phước	6921	94C-079.58	Bạc Liêu	7921	95D-020.35	Hậu Giang
4922	93C-184.77	Bình Phước	5922	93A-471.77	Bình Phước	6922	94C-080.17	Bạc Liêu	7922	97B-012.32	Bắc Kạn
4923	93C-184.79	Bình Phước	5923	93A-478.33	Bình Phước	6923	95C-084.16	Hậu Giang	7923	97C-040.99	Bắc Kạn
4924	93C-187.19	Bình Phước	5924	93A-480.16	Bình Phước	6924	95C-085.06	Hậu Giang	7924	97C-042.38	Bắc Kạn
4925	93C-188.69	Bình Phước	5925	93A-480.25	Bình Phước	6925	95C-085.11	Hậu Giang	7925	98A-765.85	Bắc Giang
4926	93C-191.56	Bình Phước	5926	93A-480.64	Bình Phước	6926	97C-043.06	Bắc Kạn	7926	98A-766.96	Bắc Giang
4927	93C-192.55	Bình Phước	5927	93A-481.17	Bình Phước	6927	97D-004.24	Bắc Kạn	7927	98A-768.04	Bắc Giang
4928	93C-192.89	Bình Phước	5928	93A-481.66	Bình Phước	6928	97D-004.26	Bắc Kạn	7928	98A-768.35	Bắc Giang
4929	93C-194.36	Bình Phước	5929	93A-483.89	Bình Phước	6929	98A-766.82	Bắc Giang	7929	98A-768.56	Bắc Giang
4930	93C-195.99	Bình Phước	5930	93A-484.56	Bình Phước	6930	98A-768.22	Bắc Giang	7930	98A-768.95	Bắc Giang
4931	95C-084.79	Hậu Giang	5931	93A-486.22	Bình Phước	6931	98A-772.35	Bắc Giang	7931	98A-769.89	Bắc Giang
4932	95C-085.46	Hậu Giang	5932	93C-191.99	Bình Phước	6932	98A-773.22	Bắc Giang	7932	98A-771.29	Bắc Giang
4933	95C-085.97	Hậu Giang	5933	94C-080.25	Bạc Liêu	6933	98A-774.75	Bắc Giang	7933	98A-772.19	Bắc Giang
4934	97A-092.16	Bắc Kạn	5934	95C-086.19	Hậu Giang	6934	98A-776.01	Bắc Giang	7934	98A-772.94	Bắc Giang
4935	97C-039.44	Bắc Kạn	5935	97B-012.37	Bắc Kạn	6935	98A-779.18	Bắc Giang	7935	98A-773.00	Bắc Giang
4936	98A-767.19	Bắc Giang	5936	97C-042.33	Bắc Kạn	6936	98A-779.29	Bắc Giang	7936	98A-773.13	Bắc Giang
4937	98A-767.35	Bắc Giang	5937	97C-044.19	Bắc Kạn	6937	98A-780.74	Bắc Giang	7937	98A-774.56	Bắc Giang
4938	98A-769.44	Bắc Giang	5938	98A-767.21	Bắc Giang	6938	98A-780.75	Bắc Giang	7938	98A-776.44	Bắc Giang
4939	98A-769.58	Bắc Giang	5939	98A-767.34	Bắc Giang	6939	98A-780.99	Bắc Giang	7939	98A-778.17	Bắc Giang
4940	98A-772.95	Bắc Giang	5940	98A-767.65	Bắc Giang	6940	98A-781.25	Bắc Giang	7940	98A-778.98	Bắc Giang
4941	98A-773.44	Bắc Giang	5941	98A-768.08	Bắc Giang	6941	98A-785.14	Bắc Giang	7941	98A-779.89	Bắc Giang
4942	98A-773.58	Bắc Giang	5942	98A-769.00	Bắc Giang	6942	98A-788.83	Bắc Giang	7942	98A-780.26	Bắc Giang
4943	98A-774.35	Bắc Giang	5943	98A-770.36	Bắc Giang	6943	98A-789.19	Bắc Giang	7943	98A-783.39	Bắc Giang
4944	98A-774.38	Bắc Giang	5944	98A-775.74	Bắc Giang	6944	98A-789.48	Bắc Giang	7944	98A-783.46	Bắc Giang
4945	98A-778.82	Bắc Giang	5945	98A-779.88	Bắc Giang	6945	98A-789.68	Bắc Giang	7945	98A-785.67	Bắc Giang
4946	98A-779.35	Bắc Giang	5946	98A-779.91	Bắc Giang	6946	98A-791.58	Bắc Giang	7946	98A-786.80	Bắc Giang
4947	98A-780.39	Bắc Giang	5947	98A-781.98	Bắc Giang	6947	98A-792.96	Bắc Giang	7947	98A-787.85	Bắc Giang
4948	98A-781.77	Bắc Giang	5948	98A-782.79	Bắc Giang	6948	98A-793.52	Bắc Giang	7948	98A-788.65	Bắc Giang
4949	98A-782.55	Bắc Giang	5949	98A-783.53	Bắc Giang	6949	98A-793.66	Bắc Giang	7949	98A-788.74	Bắc Giang
4950	98A-786.09	Bắc Giang	5950	98A-784.06	Bắc Giang	6950	98A-794.18	Bắc Giang	7950	98A-791.31	Bắc Giang
4951	98A-786.82	Bắc Giang	5951	98A-784.39	Bắc Giang	6951	98A-794.45	Bắc Giang	7951	98A-792.77	Bắc Giang
4952	98A-787.15	Bắc Giang	5952	98A-785.65	Bắc Giang	6952	98A-794.58	Bắc Giang	7952	98A-792.89	Bắc Giang
4953	98A-788.61	Bắc Giang	5953	98A-786.19	Bắc Giang	6953	98A-796.08	Bắc Giang	7953	98A-793.53	Bắc Giang
4954	98A-789.76	Bắc Giang	5954	98A-788.36	Bắc Giang	6954	98C-352.58	Bắc Giang	7954	98A-793.88	Bắc Giang
4955	98A-791.16	Bắc Giang	5955	98A-788.72	Bắc Giang	6955	98C-355.13	Bắc Giang	7955	98A-794.00	Bắc Giang
4956	98A-791.38	Bắc Giang	5956	98A-789.29	Bắc Giang	6956	99A-775.25	Bắc Ninh	7956	98A-795.86	Bắc Giang
4957	98A-791.69	Bắc Giang	5957	98A-789.64	Bắc Giang	6957	99A-777.41	Bắc Ninh	7957	98A-795.88	Bắc Giang
4958	98A-791.99	Bắc Giang	5958	98A-789.79	Bắc Giang	6958	99A-779.80	Bắc Ninh	7958	98A-796.44	Bắc Giang
4959	98A-792.13	Bắc Giang	5959	98A-790.08	Bắc Giang	6959	99A-780.56	Bắc Ninh	7959	98A-796.60	Bắc Giang
4960	98A-792.18	Bắc Giang	5960	98A-792.66	Bắc Giang	6960	99A-780.89	Bắc Ninh	7960	98A-797.06	Bắc Giang
4961	98A-792.55	Bắc Giang	5961	98C-351.38	Bắc Giang	6961	99A-781.33	Bắc Ninh	7961	98C-351.09	Bắc Giang
4962	98A-793.26	Bắc Giang	5962	98C-351.65	Bắc Giang	6962	99A-782.33	Bắc Ninh	7962	98C-351.96	Bắc Giang
4963	98A-793.94	Bắc Giang	5963	98C-351.80	Bắc Giang	6963	99A-782.77	Bắc Ninh	7963	98C-354.52	Bắc Giang
4964	98A-794.55	Bắc Giang	5964	98C-354.13	Bắc Giang	6964	99A-782.79	Bắc Ninh	7964	98C-354.79	Bắc Giang
4965	98A-794.74	Bắc Giang	5965	98C-354.47	Bắc Giang	6965	99A-783.75	Bắc Ninh	7965	99A-772.59	Bắc Ninh
4966	98A-794.76	Bắc Giang	5966	98C-354.58	Bắc Giang	6966	99A-784.20	Bắc Ninh	7966	99A-773.35	Bắc Ninh
4967	98A-796.89	Bắc Giang	5967	98C-355.28	Bắc Giang	6967	99A-784.23	Bắc Ninh	7967	99A-773.55	Bắc Ninh
4968	98C-349.06	Bắc Giang	5968	99A-771.88	Bắc Ninh	6968	99A-784.36	Bắc Ninh	7968	99A-775.24	Bắc Ninh
4969	98C-352.56	Bắc Giang	5969	99A-771.96	Bắc Ninh	6969	99A-784.43	Bắc Ninh	7969	99A-776.08	Bắc Ninh
4970	98C-354.16	Bắc Giang	5970	99A-775.03	Bắc Ninh	6970	99A-784.83	Bắc Ninh	7970	99A-779.06	Bắc Ninh
4971	98D-014.95	Bắc Giang	5971	99A-775.19	Bắc Ninh	6971	99A-784.86	Bắc Ninh	7971	99A-779.84	Bắc Ninh
4972	99A-772.21	Bắc Ninh	5972	99A-775.39	Bắc Ninh	6972	99A-785.06	Bắc Ninh	7972	99A-781.39	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 13h30'-13h55'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h40'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h25'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4973	99A-774.58	Bắc Ninh	5973	99A-776.22	Bắc Ninh	6973	99A-785.09	Bắc Ninh	7973	99A-782.86	Bắc Ninh
4974	99A-775.86	Bắc Ninh	5974	99A-777.95	Bắc Ninh	6974	99A-785.83	Bắc Ninh	7974	99A-784.79	Bắc Ninh
4975	99A-777.81	Bắc Ninh	5975	99A-778.00	Bắc Ninh	6975	99A-786.08	Bắc Ninh	7975	99A-785.28	Bắc Ninh
4976	99A-778.29	Bắc Ninh	5976	99A-779.39	Bắc Ninh	6976	99A-786.14	Bắc Ninh	7976	99A-785.36	Bắc Ninh
4977	99A-778.55	Bắc Ninh	5977	99A-780.26	Bắc Ninh	6977	99A-787.22	Bắc Ninh	7977	99A-785.42	Bắc Ninh
4978	99A-779.08	Bắc Ninh	5978	99A-780.95	Bắc Ninh	6978	99A-788.71	Bắc Ninh	7978	99A-785.69	Bắc Ninh
4979	99A-783.39	Bắc Ninh	5979	99A-782.55	Bắc Ninh	6979	99A-791.89	Bắc Ninh	7979	99A-785.82	Bắc Ninh
4980	99A-784.03	Bắc Ninh	5980	99A-783.00	Bắc Ninh	6980	99A-792.00	Bắc Ninh	7980	99A-785.97	Bắc Ninh
4981	99A-784.80	Bắc Ninh	5981	99A-783.07	Bắc Ninh	6981	99A-792.67	Bắc Ninh	7981	99A-785.98	Bắc Ninh
4982	99A-786.59	Bắc Ninh	5982	99A-790.83	Bắc Ninh	6982	99A-792.74	Bắc Ninh	7982	99A-786.39	Bắc Ninh
4983	99A-788.65	Bắc Ninh	5983	99A-796.95	Bắc Ninh	6983	99A-793.83	Bắc Ninh	7983	99A-786.41	Bắc Ninh
4984	99A-790.68	Bắc Ninh	5984	99A-796.98	Bắc Ninh	6984	99A-793.96	Bắc Ninh	7984	99A-787.07	Bắc Ninh
4985	99A-791.21	Bắc Ninh	5985	99A-797.09	Bắc Ninh	6985	99A-794.10	Bắc Ninh	7985	99A-787.42	Bắc Ninh
4986	99A-791.76	Bắc Ninh	5986	99A-798.19	Bắc Ninh	6986	99A-795.65	Bắc Ninh	7986	99A-788.40	Bắc Ninh
4987	99A-792.16	Bắc Ninh	5987	99A-798.29	Bắc Ninh	6987	99A-796.26	Bắc Ninh	7987	99A-791.66	Bắc Ninh
4988	99A-794.26	Bắc Ninh	5988	99A-798.85	Bắc Ninh	6988	99A-798.36	Bắc Ninh	7988	99A-794.53	Bắc Ninh
4989	99A-795.54	Bắc Ninh	5989	99A-799.19	Bắc Ninh	6989	99A-798.55	Bắc Ninh	7989	99A-796.09	Bắc Ninh
4990	99A-798.49	Bắc Ninh	5990	99C-309.56	Bắc Ninh	6990	99A-799.63	Bắc Ninh	7990	99A-796.77	Bắc Ninh
4991	99A-798.64	Bắc Ninh	5991	99C-309.61	Bắc Ninh	6991	99A-800.28	Bắc Ninh	7991	99A-798.40	Bắc Ninh
4992	99C-311.45	Bắc Ninh	5992	99C-311.74	Bắc Ninh	6992	99B-026.77	Bắc Ninh	7992	99A-799.42	Bắc Ninh
4993	99C-311.65	Bắc Ninh	5993	99C-312.10	Bắc Ninh	6993	99C-309.83	Bắc Ninh	7993	99A-800.68	Bắc Ninh
4994	99C-312.50	Bắc Ninh	5994	99C-312.18	Bắc Ninh	6994	99C-310.35	Bắc Ninh	7994	99C-312.47	Bắc Ninh
4995	99C-315.08	Bắc Ninh	5995	99C-314.74	Bắc Ninh	6995	99C-313.15	Bắc Ninh	7995	99C-312.99	Bắc Ninh
4996	99C-315.25	Bắc Ninh	5996	99C-314.98	Bắc Ninh	6996	99C-314.25	Bắc Ninh	7996	99C-313.50	Bắc Ninh
4997	99C-315.79	Bắc Ninh	5997	99C-315.61	Bắc Ninh	6997	99C-315.29	Bắc Ninh	7997	99C-313.95	Bắc Ninh
4998	99C-316.08	Bắc Ninh	5998	99D-020.44	Bắc Ninh	6998	99C-315.58	Bắc Ninh	7998	99C-314.99	Bắc Ninh
4999	99C-316.25	Bắc Ninh	5999	99D-020.68	Bắc Ninh	6999	99C-316.35	Bắc Ninh	7999	99C-316.30	Bắc Ninh
5000	99C-316.42	Bắc Ninh	6000	99D-020.89	Bắc Ninh	7000	99D-019.66	Bắc Ninh	8000	99D-020.58	Bắc Ninh